BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN TỈNH THANH HÓA
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

PHỤ LỤC SƠ TÁN DÂN
TỈNH THANH HOÁ – NĂM 2020

TỔNG HỢP SƠ TÁN DÂN NĂM 2020, TỈNH THANH HÓA

1) Khu vực ven biển và cửa sông (Phụ lục 1):

Toàn tỉnh có 51 xã/6 huyện với 48.817 hộ/201.650 khẩu đang sinh sống ở khu vực ven biển và cửa sông cần phải sơ tán khi có bão. Trong đó, có 10.824 hộ/46.760 khẩu trong phạm vi cách bờ biển 200m; 17.417 hộ/67.437 khẩu trong phạm vi cách bờ biển 200-500m; 20.576 hộ/87.453 khẩu trong phạm vi cách bờ biển trên 500m.

2) Khu vực ven sông:

Toàn tỉnh có 232/25 huyện, thị xã, thành phố với 55.652 hộ/217.056 khẩu đang sinh sống ở khu vực ven sông cần phải sơ tán khi có lũ, cụ thể:

- Khu vực bãi sông thuộc các tuyến sông có đê từ cấp I-III (Phụ lục 2):

Toàn tỉnh có 93 xã/10 huyện với 20.057 hộ/77.622 khẩu đang sinh sống ở bãi sông (có đê từ cấp I-III) cần phải sơ tán khi có lũ. Trong đó, có 1.739 hộ/6.854 khẩu cần phải phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI; 2.534 hộ/9.005 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐI đến BĐII; 7.527hộ/27.191 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐII đến BĐIII; 8.656 hộ/35.944 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐIII.

- Khu vực bãi sông thuộc các tuyến sông có đê cấp IV, cấp V (Phụ lục 3):

Toàn tỉnh có 111 xã/15 huyện với 27.973 hộ/110.042 khẩu đang sinh sống ở bãi sông (có đê cấp IV, cấp V) cần phải sơ tán khi có lũ. Trong đó, có 238 hộ/807 khẩu cần phải phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI; 3.380 hộ/13.864 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐI đến BĐII; 15.034 hộ/61.558 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐII đến BĐIII; 9.622 hộ/34.952 khẩu cần phải sơ tán khi lũ ở trên mức BĐIII.

- Khu vực ven sông (nơi không có đê) (Phụ lục 4):

Toàn tỉnh có 58 xã/11 huyện với 7.622 hộ/29.392 khẩu đang sinh sống ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ.

3) Vùng trũng thấp có nguy cơ ngập lụt (Phụ lục 5):

Toàn tỉnh có 133 xã/20 huyện với 23.765 hộ/92.657 khẩu đang sinh sống ở vũng trũng thấp có nguy cơ ngập lụt cần phải sơ tán khi có mưa lớn.

4) Khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét (Phụ lục 6):

Toàn tỉnh có 85 xã/13 huyện với 4.148 hộ/17.238 khẩu đang sinh sống ở khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét.

5) Khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất (Phụ lục 7):

Toàn tỉnh có 86 xã/12 huyện với 4.330 hộ/18.858 khẩu đang sinh sống ở khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất.

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN BIỂN VÀ CỬA SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**17,713**	**75,336**	**31,104**	**126,314**	**5,571**	**23,715**	**5,253**	**23,045**	**4,304**	**16,553**	**13,113**	**50,884**	**7,838**	**35,068**	**12,738**	**52,385**
1	**Thành phố Sầm Sơn**	3,232	13,368	4,462	17,514	1,357	5,308	1,124	4,976	632	2,585	1,340	5,247	1,243	5,475	1,998	7,291
2	**Huyện Hậu Lộc**	7,850	32,366	11,086	50,596	2,750	12,714	458	2,093	2,091	7,783	6,225	30,498	3,009	11,869	4,403	18,005
3	**Huyện Nga Sơn**	456	1,363	478	1,705	0	0	0	0	131	443	131	469	325	920	347	1,236
4	**Huyện Hoằng Hóa**	2,700	13,435	1,130	4,844	175	733	0	0	113	438	560	2,346	2,412	12,264	570	2,498
5	**Huyện Quảng Xương**	1,285	5,715	1,323	6,047	312	1,283	390	1,715	403	1,666	398	1,732	570	2,766	535	2,600
6	**Huyện Tĩnh Gia**	2,190	9,089	12,625	45,608	977	3,677	3,281	14,261	934	3,638	4,459	10,592	279	1,774	4,885	20,755

PHỤ LỤC 1:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN BIỂN VÀ CỬA SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN BIỂN VÀ CỬA SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**17.713**	**75.336**	**31.104**	**126.314**	**5.571**	**23.715**	**5.253**	**23.045**	**4.304**	**16.553**	**13.113**	**50.884**	**7.838**	**35.068**	**12.738**	**52.385**
1	**Thành phố Sầm Sơn**	3.232	13.368	4.462	17.514	1.357	5.308	1.124	4.976	632	2.585	1.340	5.247	1.243	5.475	1.998	7.291
2	**Huyện Hậu Lộc**	7.850	32.366	11.086	50.596	2.750	12.714	458	2.093	2.091	7.783	6.225	30.498	3.009	11.869	4.403	18.005
3	**Huyện Nga Sơn**	456	1.363	478	1.705	0	0	0	0	131	443	131	469	325	920	347	1.236
4	**Huyện Hoằng Hóa**	2.700	13.435	1.130	4.844	175	733	0	0	113	438	560	2.346	2.412	12.264	570	2.498
5	**Huyện Quảng Xương**	1.285	5.715	1.323	6.047	312	1.283	390	1.715	403	1.666	398	1.732	570	2.766	535	2.600
6	**Huyện Tĩnh Gia**	2.190	9.089	12.625	45.608	977	3.677	3.281	14.261	934	3.638	4.459	10.592	279	1.774	4.885	20.755

PHỤ LỤC 1: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN BIỂN VÀ CỬA SÔNG CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**17.713**	**75.336**	**31.103**	**126.314**	**5.571**	**23.715**	**5.253**	**23.045**	**4.304**	**16.553**	**13.113**	**50.884**	**7.838**	**35.068**	**12.737**	**52.385**	
I	**THÀNH PHỐ SẦM SƠN**	**3.232**	**13.368**	**4.462**	**17.514**	**1.357**	**5.308**	**1.124**	**4.976**	**632**	**2.585**	**1.340**	**5.247**	**1.243**	**5.475**	**1.998**	**7.291**	
1	**Phường Quảng Vinh**	**913**	**3.772**	**889**	**3.770**	**632**	**2.562**	**680**	**2.850**	**281**	**1.210**	**209**	**920**	-	-	-	-	
	Khu phố Quang Minh	120	440	160	670	80	250	110	450	40	190	50	220					
	Khu phố Thanh Minh	139	550	134	570	103	410	100	420	36	140	34	150					
	Khu phố Hồng Hải	181	752	160	650	121	502	120	480	60	250	40	170					Khu vực Thống Nhất - Hướng Chùa An Dương Vương - TP. Thanh Hóa
	Khu phố Đông Đức	160	640	155	640	115	460	130	550	45	180	25	90					
	Khu phố Tây Nam	154	680	130	560	104	470	100	420	50	210	30	140					
	Khu phố Nam Bắc	159	710	150	680	109	470	120	530	50	240	30	150					
2	**Phường Trung Sơn**	**303**	**1.275**	**1.175**	**5.048**	**107**	**412**	**222**	**1.174**	**132**	**586**	**257**	**1.321**	**64**	**277**	**696**	**2.553**	
	Khu phố Nam Hải	110	445	317	814	48	188	12	46	52	200	20	78	10	57	285	690	Trường Tiểu học 1
	Khu phố Bắc Kỳ	84	394	320	1.302	32	142	10	42	40	190	17	77	12	62	293	1.183	
	Khu phố Trung Kỳ	109	436	538	2.932	27	82	200	1.086	40	196	220	1.166	42	158	118	680	Trường Tiểu học 2
3	**Phường Bắc Sơn**	**1.573**	**6.629**	**87**	**358**	**227**	**857**	**13**	**53**	**202**	**748**	**9**	**36**	**1.144**	**5.024**	**65**	**269**	
	Tổ dân phố Hải Thành	563	2.769	14	68	112	403	6	24	76	266	2	8	375	2.100	6	36	Nhà cao tầng
	Khu phố Khánh Sơn	373	1.306	5	18	20	70			45	158			308	1.078	5	18	Nhà cao tầng
	Tổ dân phố Lập Công	331	1.328	54	216	20	82	5	20	21	84	4	16	290	1.162	45	180	Trạm y tế
	Khu phố Hòa Sơn	306	1.226	14	56	75	302	2	9	60	240	3	12	171	684	9	35	Nhà cao tầng

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
4	**Phường Quảng Cư**	**61**	**238**	**628**	**1.895**	**9**	**23**	**33**	**76**	**17**	**41**	**225**	**709**	**35**	**174**	**370**	**1.110**	
	Khu phố Thành Thắng	19	110	257	733	2	5	8	12	5	12	93	253	12	93	156	468	Trường Cấp 1; Cấp 2
	Khu phố Hồng Thắng	28	88	169	492	5	12	19	42	7	15	59	177	16	61	91	273	Trường Cấp 1; Cấp 2
	Khu phố Tiến Lợi	14	40	202	670	2	6	6	22	5	14	73	279	7	20	123	369	Trường Cấp 1; Cấp 2
5	**Phường Trường Sơn**	**354**	**1.328**	**861**	**3.207**	**354**	**1.328**	**0**	**0**	**0**	**0**	**354**	**1.328**	**0**	**0**	**507**	**1.879**	
	Khu phố Vinh Sơn	354	1.328	354	1.328	354	1328					354	1328					Đồn biên phòng
	Khu phố Sơn Hải	0	0	172	690											172	690	UBND phường
	Khu phố Bắc Nam	0	0	180	606											180	606	UBND phường
	Khu phố Thành Ngọc	0	0	155	583											155	583	UBND phường
6	**Xã Quảng Hùng**	**28**	**126**	**35**	**120**	**28**	**126**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**35**	**120**	
	Thôn 1	18	80	20	85	18	80									20	85	UBND xã
	Thôn 2	10	46	15	35	10	46									15	35	UBND xã
7	**Xã Quảng Đại**	**-**	**-**	**787**	**3.116**	**-**	**-**	**176**	**823**	**-**	**-**	**286**	**933**	**-**	**-**	**325**	**1.360**	
	Thôn Phú Xá	-	-	352	1.481			81	406			124	430			147	645	Trạm Y tế, Trường mầm non, Cấp 1, cấp 2
	Thôn Thủ Phú	-	-	435	1.635			95	417			162	503			178	715	
II	**HUYỆN HẬU LỘC**	**7.850**	**32.366**	**11.086**	**50.596**	**2.750**	**12.714**	**458**	**2.093**	**2.091**	**7.783**	**6.225**	**30.498**	**3.009**	**11.869**	**4.403**	**18.005**	
1	**Xã Hưng Lộc**	**1.145**	**4.884**	**1.859**	**8.224**	**-**	**-**	**458**	**2.093**	**-**	**-**	**400**	**1.886**	**1.145**	**4.884**	**1.001**	**4.245**	
	Thôn Hưng Phú	-	-	764	3.380			458	2093			306	1287					Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc
	Thôn Phú Lương	109	367	514	2.499							94	599	109	367	420	1.900	Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc
	Thôn Kiến Long	382	1.810	260	945									382	1.810	260	945	Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc
	Thôn Yên Hòa	212	848	62	248									212	848	62	248	Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc
	Thôn Mỹ Thịnh	158	638	89	351									158	638	89	351	Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Phú Nhi	284	1.221	170	801									284	1.221	170	801	Xã Liên Lộc, xã Tuy Lộc
2	**Xã Đa Lộc**	**197**	**631**	**2.215**	**8.100**	**197**	**631**	**0**	**0**	**0**	**0**	**441**	**1.360**	**0**	**0**	**1.774**	**6.740**	
	Thôn Hùng Thành	22	95	157	502	22	95					36	99			121	403	Xã Quang Lộc
	Thôn Yên Lộc	17	55	328	1.257	17	55					44	155			284	1.102	Xã Quang Lộc
	Thôn Yên Hòa	9	25	256	954	9	25					32	103			224	851	Xã Quang Lộc
	Thôn Đông Tân	15	50	318	1.252	15	50					50	147			268	1.105	Xã Quang Lộc
	Thôn Đông Hải	32	96	221	766	32	96					71	210			150	556	Xã Quang Lộc
	Thôn Ninh Phú	40	120	153	437	40	120					78	232			75	205	Xã Quang Lộc
	Thôn Đông Thành	-	-	365	1.216	0	0					53	146			312	1.070	Xã Quang Lộc
	Thôn Vạn Thắng	20	65	244	932	20	65					42	130			202	802	Xã Quang Lộc
	Thôn Mỹ Điền	42	125	173	784	42	125					35	138			138	646	Xã Quang Lộc
3	**Xã Ngư lộc**	**746**	**3.785**	**2.465**	**14.086**	**746**	**3.785**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.465**	**14.086**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Bắc Thọ	187	842	388	2.242	187	842					388	2.242					Xã Hoa Lộc
	Thôn Thắng Tây	-	-	340	2.134							340	2.134					Xã Hoa Lộc
	Thôn Nam Vượng	127	649	157	1.030	127	649					157	1.030					Xã Hoa Lộc
	Thôn Thắng Lộc	190	1.046	208	1.223	190	1.046					208	1.223					Xã Hoa Lộc
	Thôn Thắng Phúc	137	696	331	1.878	137	696					331	1.878					Xã Phú lộc
	Thôn Thành Lập	105	552	371	2.016	105	552					371	2.016					Xã Phú lộc
	Thôn Chiến Thắng	-	-	670	3.563							670	3.563					Xã Phú lộc
4	**Xã Hải Lộc**	**512**	**2.365**	**2.067**	**9.234**	**512**	**2.365**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.067**	**9.234**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Tân Hải	92	415	380	1.670	92	415					380	1.670					Xã Mỹ Lộc
	Thôn Đa Phạn	76	381	304	1.534	76	381					304	1.534					Xã Mỹ Lộc

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Lạch Trường	72	344	209	987	72	344					209	987					Xã Mỹ Lộc
	Thôn Tân Lộc	78	335	335	1.345	78	335					335	1.345					Thị trấn Hậu Lộc
	Thôn Lộc Tiên	83	361	345	1.445	83	361					345	1.445					Thị trấn Hậu Lộc
	Thôn Y Bích	65	296	261	1.185	65	296					261	1.185					Thị trấn Hậu Lộc
	Thôn Trường Nam	46	233	233	1.068	46	233					233	1.068					Thị trấn Hậu Lộc
5	**Xã Minh Lộc**	**1.068**	**5.135**	**2.253**	**10.154**	**1.068**	**5.135**	-	-	-	-	**852**	**3.932**	-	-	**1.401**	**6.222**	
	Minh Thọ	256	1.554	187	516	256	1.554					187	516					Trường THCS
	Minh Thắng	320	1.360	317	1.663	320	1.360					317	1.663					Trường THCS
	Minh Hải	212	1.010	245	1.139	212	1.010					245	1.139					Trường THCS
	Minh Đức	280	1.211	103	614	280	1.211					103	614					Trường THCS
	Minh Thịnh	-	-	434	1.811											434	1.811	Trường Tiểu Học
	Minh Hùng	-	-	390	1.824											390	1.824	Trường Tiểu Học
	Minh Thanh	-	-	188	807											188	807	Trường Tiểu Học
	Phú Thành	-	-	389	1.780											389	1.780	Trường Tiểu Học
6	**Xã Hòa Lộc**	**4.182**	**15.566**	**227**	**798**	**227**	**798**	-	-	**2.091**	**7.783**	-	-	**1.864**	**6.985**	**227**	**798**	
	Thôn 4 Xuân Tiến	540	1.994	17	53	17	53			270	997			253	944	17	53	Trường Mầm Non Hòa Lộc
	Thôn 5 Xuân Tiến	488	1.864	4	12	4	12			244	932			240	920	4	12	Trường Mầm Non Hòa Lộc
	Thôn 2 Tam Hòa	834	2.942	1	4	1	4			417	1.471			416	1.467	1	4	Trường Mầm Non Hòa Lộc
	Thôn Hòa Phú	884	3.114	84	296	84	296			442	1.557			358	1.261	84	296	Trường THCS Hòa Lộc

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Hòa Hải	798	3.158	68	246	68	246			399	1.579			331	1.333	68	246	Trường Tiểu Học Hòa Lộc
	Thôn Nam Huân	638	2.494	53	187	53	187			319	1.247			266	1.060	53	187	Trường Mầm Non Hòa Lộc
III	**HUYỆN NGA SƠN**	**456**	**1.363**	**478**	**1.705**	-	-	-	-	**131**	**443**	**131**	**469**	**325**	**920**	**347**	**1.236**	
1	**Xã Nga Thủy**	-	-	**253**	**950**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**253**	**950**	
	Thôn Hoàng Long	-	-	152	561											152	561	Trường THCS, trường Tiểu học
	Thôn Đô Lương	-	-	101	389											101	389	Trường THCS, trường Tiểu học
2	**Xã Nga Phú**	-	-	**38**	**136**	-	-	-	-	-	-	**2**	**7**	-	-	**36**	**129**	
	Thôn Nhân Sơn			22	76											22	76	Trường THCS
	Thôn Tân Hải			5	18											5	18	Nhà thờ Tân Hải
	Thôn Tân Phát			11	42							2	7			9	35	Nhà thờ Tân Hải
3	**Xã Nga Thiện**	**51**	**119**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**51**	**119**	-	-	
	Thôn Mỹ Thịnh	4	12											4	12			
	Thôn Tri Thiện 1	9	27											9	27			
	Thôn Tri Thiện 2	16	36											16	36			
	Thôn Tri Thiện 3	21	42											21	42			
	Thôn Từ Sơn	1	2											1	2			
4	**Xã Nga Phượng**	-	-	**75**	**217**	-	-	-	-	-	-	**17**	**60**	-	-	**58**	**157**	
	Thôn 5			6	20							6	20					Công sở, trường học
	Thôn 3			1	4							1	4					Công sở, trường học
	Thôn Vân Hoàn			18	40							5	17			13	23	Công sở, trường học
	Thôn Giải Huấn			33	106							3	11			30	95	Công sở, trường học

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Hội Kê			8	23							1	5			7	18	Công sở, trường học
	Thôn Báo Văn			3	9							1	3			2	6	Công sở, trường học
	Thôn Đồng Đội			6	15											6	15	Công sở, trường học
5	**Xã Nga Tiến**	**23**	**53**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**23**	**53**	-	-	
	Thôn 1	3	6											3	6			
	Thôn 2	6	12											6	12			
	Thôn 3	4	8											4	8			
	Thôn 4	1	2											1	2			
	Thôn 6	5	10											5	10			
	Thôn 7	4	15											4	15			
6	**Xã Nga Thái**	**36**	**71**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**36**	**71**	-	-	
	Thôn 4	10	18											10	18			
	Thôn 5	7	16											7	16			
	Thôn 6	19	37											19	37			
7	**Xã Nga Bạch**	**172**	**681**	**58**	**212**	-	-	-	-	**90**	**361**	**58**	**212**	**82**	**320**	-	-	
	Thôn Bạch Hải	37	140	12	39					22	75	12	39	15	65			
	Thôn Bạch Đằng	32	136	15	52					13	65	15	52	19	71			
	Thôn Bạch Thắng	20	83	14	55					19	81	14	55	1	2			
	Thôn Bạch Hùng	48	206	17	66					24	104	17	66	24	102			
	Thôn Đông Thái	23	65	-	-					12	36			11	29			
	Thôn Triệu Thành	12	51	-	-									12	51			
8	**Xã Nga Thạch**	**24**	**72**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**24**	**72**	-	-	
	Thôn 6 Thanh Lãng	24	72											24	72			
9	**Xã Nga Điền**	-	-	**54**	**190**	-	-	-	-	-	-	**54**	**190**	-	-	-	-	
	Thôn 1			1	4							1	4					

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn 2			6	21							6	21					
	Thôn 3			18	80							18	80					
	Thôn 5			1	6							1	6					
	Thôn 7			11	24							11	24					
	Thôn 8			17	55							17	55					
10	**Xã Nga Tân**	**91**	**182**	-	-	-	-	-	-	**41**	**82**	-	-	**50**	**100**	-	-	
	Thôn 1	9	18											9	18			
	Thôn 2	2	4											2	4			
	Thôn 3	11	22							2	4			9	18			
	Thôn 4	10	20							4	8			6	12			
	Thôn 5	11	22							10	20			1	2			
	Thôn 6	18	36							15	30			3	6			
	Thôn 7	10	20							6	12			4	8			
	Thôn 8	17	34							2	4			15	30			
	Các hộ xã ngoài đang làm đầm	3	6							2	4			1	2			
11	**Xã Nga Trường**	**7**	**22**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**7**	**22**	-	-	
	Thôn Hợp Long 1	7	22											7	22			
12	**Xã Ba Đình**	**52**	**163**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**52**	**163**	-	-	
	Thôn Mỹ Khê	8	27											8	27			
	Thôn Chiến Thắng	29	91											29	91			
	Thôn Mỹ Thành	15	45											15	45			
IV	**HUYỆN HOẰNG HÓA**	**2.700**	**13.435**	**1.129**	**4.844**	**175**	**733**	**0**	**0**	**113**	**438**	**560**	**2.346**	**2.412**	**12.264**	**569**	**2.498**	
1	**Xã Hoằng Trường**	**0**	**0**	**710**	**3.002**			-	-	-	-	**192**	**704**	**0**	**0**	**518**	**2.298**	
	Thôn Giang Sơn			24	122							7	35			17	87	Trụ sở UBND xã

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Linh Trường			107	414							20	40			87	374	Trụ sở UBND xã
	thôn Liên Minh			144	598							50	175			94	423	Đơn vị 510 H quân
	Thôn Hải Sơn			131	569							41	182			90	387	Trường Tiểu học
	Thôn Thành Xuân			187	838							14	60			173	778	Trường Tiểu học
	Thôn 1			69	263							34	116			35	147	Trường Mầm non
	Thôn Đại Trường			26	110							15	52			11	58	Trường THCS
	Thôn Văn Phong			22	88							11	44			11	44	Trường THCS
2	**Xã Hoằng Hải**	**72**	**245**	**102**	**373**	**45**	**153**	**-**	**-**	**-**	**-**	**87**	**326**	**27**	**92**	**15**	**47**	
	Thôn Thanh Xuân	72	245	102	373	45	153					87	326	27	92	15	47	Nhà tránh trú bão do Tầm nhìn thế giới tài trợ
3	**Xã Hoằng Tiến**	**90**	**387**	**19**	**95**					**56**	**242**	**11**	**59**	**34**	**145**	**8**	**36**	
	Đông Thành	2.313	11.871	256	1.218					10	48	5	27	6	29	2	7	UBND xã
	Tiền Thôn	74	310	13	61					46	194	6	32	28	116	7	29	Trường Tiểu Học
4	**Xã Hoằng Thanh**	**2.239**	**11.561**	**243**	**1.157**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**243**	**1.157**	**2.239**	**11.561**	**-**	**-**	**Công sở UBND xã**
	Quang Trung	278	1.463	60	248							60	248	278	1.463			
	Trung Hải	291	1.504	20	87							20	87	291	1.504			
	Liên Hà	261	1.335	-	-									261	1.335			
	Đông Tây Hải	382	1.971	15	45							15	45	382	1.971			
	Đại Long	445	2.312	-	-									445	2.312			
	Tây Xuân Vi	404	2.059	-	-									404	2.059			
	Đông Xuân Vi	178	917	148	777							148	777	178	917			
5	**Xã Hoằng Phụ**	**299**	**1.242**	**55**	**216**	**130**	**580**			**57**	**196**	**27**	**100**	**112**	**466**	**28**	**116**	

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Tân Xuân	141	528	25	95	50	230			38	100	12	45	53	198	13	50	Công sở UBND xã
	Thôn Xuân Phụ	158	714	30	122	80	350			19	96	15	55	59	268	15	67	Trường học
V	**HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**	**1.285**	**5.715**	**1.323**	**6.047**	**312**	**1.283**	**390**	**1.715**	**403**	**1.666**	**398**	**1.732**	**570**	**2.766**	**535**	**2.600**	
1	*Xã Quảng Hải*	322	1.562	335	1.736	40	210	65	381	117	527	100	505	165	825	170	850	Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
2	*Xã Quảng Thái*	128	513	173	817	10	41	25	100	57	228	28	112	61	244	120	605	Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
3	*Xã Quảng Thạch*	209	971	300	1.404	35	175	100	490	74	326	100	434	100	470	100	480	Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
4	*Xã Quảng Nham*	525	2.186	415	1.651	213	791	200	744	115	410	120	432	197	985	95	475	Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
5	*Xã Tiên Trang*	48	223	100	439	4	26			25	125	50	249	19	72	50	190	Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
6	*Xã Quảng Lưu*	53	260	0	0	10	40			15	50			28	170			Nhà văn hóa thôn, xã; trường học
VI	**HUYỆN TĨNH GIA**	**2.190**	**9.089**	**12.625**	**45.608**	**977**	**3.677**	**3.281**	**14.261**	**934**	**3.638**	**4.459**	**10.592**	**279**	**1.774**	**4.885**	**20.755**	
1	**Xã Tĩnh Hải**	**249**	**981**	**275**	**864**	**39**	**174**	**42**	**191**	**55**	**206**	**67**	**256**	**155**	**601**	**166**	**417**	
	Thôn Liên Vinh	133	524	147	388	20	93	25	114	33	121	37	144	80	310	85	130	Nhà cao tầng trong thôn, trường học mầm non, trường học cấp 2
	Thôn Thắng Hải	116	457	128	476	19	81	17	77	22	85	30	112	75	291	81	287	Nhà cao tầng trong thôn, Trụ sở UBND xã, Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Hải Châu**	-	-	**1.244**	**5.511**	-	-	**448**	**2.111**	-	-	**434**	**1.838**	-	-	**362**	**1.562**	
	Thôn Yên Châu	-	-	340	1.595			110	524			126	590			104	481	Trường tiểu học; nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Bắc Châu	-	-	252	1.036			104	480			108	420			40	136	Trường trung học; nhà văn hóa thôn
	Thôn Nam Châu	-	-	150	680			40	198			50	224			60	258	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Liên Thành	-	-	244	1.154			114	563			70	277			60	314	Những hộ nhà cao tầng
	Thôn Liên Hải	-	-	178	760			60	255			60	254			58	251	Những hộ nhà cao tầng
	Thôn Đông Thắng	-	-	80	286			20	91			20	73			40	122	Nhà văn hóa thôn Thắng Lợi
3	**Xã Hải Thượng**	-	-	**613**	**2.036**	-	-	**613**	**2.036**	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Nam Hải	-	-	57	115			57	115									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 513 ra cảng; trường cấp 2 Nghi Sơn
	Thôn Ngọc Sơn	-	-	115	422			115	422									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 513 ra cảng; trường cấp 2 Nghi Sơn
	Thôn Cao Nam	-	-	113	401			113	401									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 4; trường cấp 2 Nghi Sơn
	Thôn Cao Bắc	-	-	109	403			109	403									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 4; trường cấp 2 Nghi Sơn
	Thôn Bắc Hải	-	-	112	502			112	502									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng; UBND xã
	Thôn Liên Trung	-	-	48	85			48	85									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 513
	Thôn Liên Đình	-	-	59	108			59	108									Nhà văn hóa thôn; nhà cao tầng dọc đường 513
4	**Xã Hải Ninh**	-	-	**732**	**2.438**	-	-	**56**	**178**	-	-	**161**	**595**	-	-	**515**	**1.665**	

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Hạnh Phúc	-	-	61	202			6	15			15	52			40	135	Nhà văn hóa thôn Hạnh Phúc
	Thôn Đồng Minh	-	-	152	516			12	42			35	144			105	330	Nhà văn hóa thôn Đồng Minh, Hồng Phong
	Thôn Thanh Bình	-	-	165	566			8	28			37	158			120	380	Nhà văn hóa thôn Thanh Bình, Hồng kỳ
	Thôn Bắc Thành	-	-	154	481			14	46			35	110			105	325	Nhà văn hóa thôn Bắc Thành, Hồng Kỳ
	Thôn Nam Thành	-	-	152	508			12	36			30	102			110	370	Nhà văn hóa thôn Nam Thành, Nhân Hưng
	Thôn Nam Tiến	-	-	27	92			2	6			5	16			20	70	Nhà văn hóa thôn Nam Tiến
	Thôn Nhân Hưng	-	-	21	73			2	5			4	13			15	55	Nhà văn hóa thôn Nhân Hưng
5	**Xã Ninh Hải**	**480**	**570**	**1.150**	-	**190**	**570**	-	-	**290**	-	**1.150**	-	-	-	-	-	
	Thôn Sơn Hải	148	186	328	-	62	186			86		328						
	Thôn Đại Tiến	68	78	196	-	26	78			42		196						
	Thôn Quang Trung	97	102	259	-	34	102			63		259						
	Thôn Thống Nhất	167	204	367	-	68	204			99		367						
6	**Xã Hải Yến**	-	-	**130**	**468**	-	-	**23**	**79**	-	-	**21**	**75**	-	-	**86**	**314**	
	Thôn Bắc Yến	-	-	100	385			11	45			15	60			74	280	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Nam Yến	-	-	30	83			12	34			6	15			12	34	BCH Đồn biên phòng cử khẩu Nghi Sơn
7	**Xã Nghi Sơn**	-	-	**208**	777	-	-	**208**	777	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Nam Sơn	-	-	95	367			95	367									Trạm y tế; các nhà cao tầng
	Thôn Thanh Sơn	-	-	*14*	51			14	51									Nhà văn hóa; Trường cấp 1

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Trung Sơn	-	-	32	116			32	116									Nhà văn hóa; Trường cấp 1
	Thôn Bắc Sơn	-	-	67	243			67	243									Nhà văn hóa; Trường cấp 1
8	**Xã Hải Lĩnh**	**359**	**1.183**	-	-	**6**	**28**	-	-	**349**	**1.132**	-	-	**4**	**23**	-	-	
	Thôn Phú Đông	193	600	-	-	3	11			190	589							Nhà văn hóa thôn
	Thôn Phú Thịnh	34	92	-	-	1	3			33	89							Nhà văn hóa thôn
	Thôn Phú Tây	-	-	-	-													Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hồng Phong	41	147	-	-					41	147							Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tây Sơn	-	-	-	-													Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đại Thắng	82	289	-	-					82	289							Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đại Quang	9	55	-	-	2	14			3	18			4	23			Nhà văn hóa thôn
9	**Xã Hải An**	-	-	**4**	**50**	-	-	**4**	**50**	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 1	-	-	2	12			2	12									Trường tiểu học; trường mầm non
	Thôn 2	-	-	2	38			2	38									Trường tiểu học; trường mầm non
10	**Xã Bình Minh**	**242**	**905**	**152**	**632**	**242**	**905**	**135**	**565**	-	-	**17**	**67**	-	-	-	-	
	Thôn Sơn Hải	52	225	17	67	52	225					17	67					Trung tâm văn hóa xã
	Thôn Quý Hải	80	310	70	290	80	310	70	290									Trung tâm văn hóa xã
	Thôn Thanh Khánh	50	170	25	140	50	170	25	140									Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Đông	60	200	40	135	60	200	40	135									Nhà văn hóa thôn
11	**Xã Hải Thanh**	-	-	**4.917**	**19.422**	-	-	**1.091**	**5.469**	-	-	**1.639**	**3.811**	-	-	**2.187**	**10.142**	
	Thôn Thượng Hải	-	-	1.587	5.296			352	1.764			529	3			706	3.529	Xã Bình Minh
	Thôn Quang Minh	-	-	1.050	3.507			233	1.168			350	2			467	2.337	Thị Trấn T.G

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 m cần phải sơ tán khi có bão mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển 200 - 500 m cần phải sơ tán khi có bão rất mạnh				Số dân trong phạm vi cách bờ biển trên 500 m cần phải sơ tán khi có siêu bão				Vị trí sơ tán đến (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
	Thôn Xuân Tiến	-	-	590	2.952			131	656			197	984			262	1.312	Thị Trấn T.G
	Thôn Thanh Xuyên	-	-	897	3.697			199	999			299	1.499			399	1.199	Thôn Thanh Đinh
	Thôn Thanh Đông	-	-	793	3.971			176	882			264	1.324			353	1.765	Thôn Thanh Nam
12	**Xã Hải Bình**	-	-	**2.864**	**12.122**			**490**	**2.194**			**942**	**3.867**			**1.432**	**6.061**	
13	**Xã Tân Dân**	-	-	**80**	**236**	-	-	**14**	**39**	-	-	**28**	**83**	-	-	**38**	**114**	
	Thôn Hồ Thịnh	-	-	14	45			2	7			4	16			8	22	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hồ Trung	-	-	6	22			2	7			4	15					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Hồ Thượng	-	-	60	169			10	25			20	52			30	92	Nhà văn hóa thôn
14	**Xã Hải Hà**	-	-	**221**	**912**	-	-	**122**	**432**	-	-	-	-	-	-	**99**	**480**	
	Thôn Hà Nam	-	-	23	113											23	113	Nhà văn hóa thôn; tụ sở UBND xã; Trường học
	Thôn Hà Phú	-	-	73	303			52	201							21	102	Nhà văn hóa thôn; tụ sở UBND xã; Trường học
	Thôn Hà Thành	-	-	96	355			70	231							26	124	Nhà văn hóa thôn; tụ sở UBND xã; Trường học
	Thôn Hà Đông	-	-	29	141											29	141	Nhà văn hóa thôn; tụ sở UBND xã; Trường học
15	**Xã Hải Hòa**	**860**	**5.450**	**35**	**140**	**500**	**2.000**	**35**	**140**	**240**	**2.300**	-	-	**120**	**1.150**	-	-	
	Thôn Đông Hải	500	2.000	35	140	500	2.000	35	140									
	Thôn Giang Sơn	188	1.725	-	-					125	1.150			63	575			
	Thôn Nhân Hưng	173	1.725	-	-					115	1.150			58	575			

PHỤ LỤC 2:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ TỪ CẤP I-III CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO

Phụ lục 2: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ TỪ CẤP I - III CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**9.768**	**35.456**	**10.289**	**42.166**	**1.521**	**5.595**	**218**	**1.259**	**1.829**	**6.449**	**705**	**2.556**	**4.067**	**14.318**	**3.460**	**12.873**	**2.546**	**9.801**	**6.110**	**26.143**
1	**Thành phố Sầm Sơn**	71	254	356	1.289	-	-	-	-	-	-	-	-	71	254	-	-	-	-	356	1.289
2	**Huyện Hậu Lộc**	1.050	3.824	558	1.953	330	1.207	-	-	244	822	-	-	171	652	240	869	305	1.143	318	1.084
3	**Huyện Nga Sơn**	250	846	58	212	-	-	-	-	-	-	-	-	250	846	58	212	-	-	-	-
4	**Huyện Thọ Xuân**	1.723	6.347	1.768	6.863	5	16	80	294	4	15	153	622	558	1.724	1.122	4.287	1.144	4.556	424	1.702
5	**Huyện Thiệu Hóa**	-	-	296	1.007	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	296	1.007
6	**Huyện Vĩnh Lộc**	122	484	2.598	14.092	-	-	-	-	-	-	-	-	61	244	101	516	77	305	2.346	12.949
7	**Huyện Yên Định**	3.136	11.996	1.673	6.524	987	3.738	123	934	937	3.624	376	1.414	819	3.132	933	3.243	393	1.502	241	933
8	**Huyện Hà Trung**	660	2.046	291	1.050	114	383	-	-	417	1.308	-	-	320	1.033	227	842	-	-	408	1.458
9	**Huyện Hoằng Hóa**	1.042	3.644	883	2.334	-	-	-	-	-	-	-	-	455	1.596	222	669	587	2.048	661	1.665
10	**Thành phố Thanh Hóa**	1.714	6.015	1.808	6.842	85	251	15	31	227	680	176	520	1.362	4.837	557	2.235	40	247	1.060	4.056

Phụ lục 2: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ TỪ CẤP I - III CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	TỔNG TOÀN TỈNH		**9.768**	**35.456**	**10.289**	**42.166**	**1.521**	**5.595**	**218**	**1.259**	**1.829**	**6.449**	**705**	**2.556**	**4.067**	**14.318**	**3.460**	**12.873**	**2.546**	**9.801**	**6.110**	**26.143**	
I	**THÀNH PHỐ SẦM SƠN**		**71**	**254**	**356**	**1.289**	-	-	-	-	-	-	-	-	**71**	**254**	-	-	-	-	**356**	**1.289**	
1	**Phường Quảng Thọ**		-	-	**5**	**18**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**5**	**18**	
	Vinh Phúc	HSM	-	-	5	18															5	18	Nhà Văn hóa
2	**Phường Quảng Châu**		**71**	**254**	**351**	**1.271**	-	-	-	-	-	-	-	-	**71**	**254**	-	-	-	-	**351**	**1.271**	
	Châu Lọc	HSM	38	130	189	650									38	130					189	650	Trường Mầm non, Trạm y tế
	Châu Giang	HSM	33	124	162	621									33	124					162	621	Trường Mầm non, Trạm y tế
II	**HUYỆN HẬU LỘC**		**1.050**	**3.824**	**558**	**1.953**	**330**	**1.207**	-	-	**244**	**822**	-	-	**171**	**652**	**240**	**869**	**305**	**1.143**	**318**	**1.084**	
1	**Xã Thuần Lộc**		**360**	**1.222**	**241**	**800**	**41**	**154**	-	-	**237**	**799**	-	-	**82**	**269**	-	-	-	-	**241**	**800**	
	Thôn Điện Quang	HSL	222	726	71	215	30	110			110	347			82	269					71	215	Trường THCS, trường Tiểu học
	Thôn Hà Xuân	HSL	83	276	91	283					83	276									91	283	Trường THCS, trường Tiểu học
	Thôn Bộ Đầu	HSL	33	147	-	-	11	44			22	103											Trường THCS, trường Tiểu học
	Thôn Lam Thôn	HSL	-	-	79	302															79	302	Trường THCS, trường Tiểu học
	Thôn Nhuệ Thôn	HSL	22	73	-	-					22	73											Trường THCS, trường Tiểu học
2	**Xã Xuân Lộc**		**74**	**265**	**74**	**265**	**74**	**265**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**74**	**265**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Bái Hà Xuân	HSL	21	75	21	75	21	75													21	75	Trường THCS
	Thôn Phú Mỹ	HSL	53	190	53	190	53	190													53	190	Trường Tiểu học
3	**Xã Hòa Lộc**		**204**	**725**	**3**	**19**	-	-	-	-	-	-	-	-	**3**	**19**	-	-	**201**	**706**	**3**	**19**	
	Thôn Hòa Phú	HSL	84	296	1	5									1	5			83	291	1	5	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hòa Hải	HSL	68	246	2	14									2	14			66	232	2	14	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Nam Huân	HSL	52	183	-	-									-	-			52	183	-	-	
4	**Xã Triệu Lộc**		**38**	**143**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**38**	**143**	-	-	
	Thôn Phong Mục	HSL	11	38	-	-													11	38			
	Thôn Châu Tử	HSL	16	57	-	-													16	57			
	Thôn Quyết Thắng	HSL	11	48	-	-													11	48			
5	**Xã Đại lộc**		**63**	**248**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**63**	**248**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Phú Lý	HSL	26	88	-	-									26	88							
	Thôn Y Ngô	HSL	29	122	-	-									29	122							
	Thôn Ngọc Trì	HSL	8	38	-	-									8	38							
6	**Xã Cầu Lộc**		**3**	**13**	-	-	-	-	-	-	**1**	**3**	-	-	**2**	**10**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Thiều Xá 2	HSL	3	13	-	-					1	3			2	10							
7	**Xã Đồng Lộc**		-	-	**25**	**81**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**25**	**81**	-	-	-	-	
	Thôn Đại Phú	HSL	-	-	13	40											13	40					Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Nhân Hậu	HSL	-	-	12	41											12	41					Nhà Văn hóa thôn
8	**Xã Phong Lộc**		**215**	**788**	**215**	**788**	**215**	**788**	-	-	-	-	-	-	-	-	**215**	**788**	-	-	-	-	
	Thôn Phù Lạc	HSL	27	69	27	69	27	69									27	69					Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Kỳ sơn	HSL	105	392	105	392	105	392									105	392					Trường THCS

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Cầu	HSL	83	327	83	327	83	327									83	327					Trường Tiểu học
9	**Xã Quang Lộc**		**66**	**294**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**66**	**294**	**-**	**-**	
	Thôn Quang Tân	HSL	59	262	-	-													59	262			
	Thôn Bạch Yên Sơn	HSL	3	12	-	-													3	12			
	Thôn Yên Minh	HSL	4	20	-	-													4	20			
10	**Xã Hưng Lộc**		**21**	**106**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**21**	**106**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Phú Nhi	HSL	2	9	-	-									2	9							
	Thôn Mỹ Thịnh	HSL	2	14	-	-									2	14							
	Thôn Kiến Long	HSL	17	83	-	-									17	83							
11	**Xã Liên Lộc**		**6**	**20**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**6**	**20**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn 5	HSL	6	20	-	-					6	20											
III	**HUYỆN NGA SƠN**		**250**	**846**	**58**	**212**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**250**	**846**	**58**	**212**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	**Xã Nga Thủy**		**30**	**91**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**30**	**91**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Hoàng Long	TSL	20	56	-	-									20	56							
	Thôn Đô Lương	TSL	10	35	-	-									10	35							
2	**Xã Nga Lĩnh**		**10**	**36**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**10**	**36**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Vân Hoàn	TSL	5	17	-	-									5	17							
	Thôn Giải Huấn	TSL	3	11	-	-									3	11							
	Thôn Hội Kê	TSL	1	5	-	-									1	5							
	Thôn Báo Văn	TSL	1	3	-	-									1	3							
3	**Xã Nga Bạch**		**90**	**361**	**58**	**212**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**90**	**361**	**58**	**212**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Thôn Bạch Hải	TSL	22	75	12	39									22	75	12	39					Trường Mầm non
	Thôn Bạch Đằng	TSL	13	65	15	52									13	65	15	52					Trường Mầm non

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Bạch Thắng	TSL	19	81	14	55									19	81	14	55					Trường Tiểu học
	Thôn Bạch Hùng	TSL	24	104	17	66									24	104	17	66					Trường Tiểu học
	Thôn Đông Thái	TSL	12	36	-	-									12	36							
4	**Xã Nga Thạch**		**120**	**358**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**120**	**358**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 6 Thanh Lãng	TSL	120	358	-	-									120	358							
IV	**HUYỆN THỌ XUÂN**		**1.723**	**6.347**	**1.768**	**6.863**	**5**	**16**	**80**	**294**	**4**	**15**	**153**	**622**	**558**	**1.724**	**1.122**	**4.287**	**1.144**	**4.556**	**424**	**1.702**	
1	**Xã Xuân Bái**		**20**	**64**	-	-	**5**	**16**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**15**	**48**	-	-	
	Thôn Hồng Phong	HSC	10	34	-	-	5	16											5	18			Hộ dân trong thôn (10 hộ)
	Thôn Minh Thành 1	HSC	10	30	-	-													10	30			Hộ dân trong thôn (10 hộ)
2	**Xã Thọ Xương**		**745**	**3.052**	**302**	**1.255**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**745**	**3.052**	**302**	**1.255**	
	Thôn Luận Văn	HSC	180	720	97	365													180	720	97	365	Trường tiểu học Thọ Xương
	Thôn Thủ Trinh	HSC	139	600	70	350													139	600	70	350	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn 7	HSC	196	793	75	300													196	793	75	300	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn 8	HSC	230	939	60	240													230	939	60	240	Trường THPT Lam Kinh
3	**Thị trấn Lam Sơn**		**20**	**74**	-	-													**20**	**74**			
	Lam Sơn	HSC	6	24	-	-													6	24			Nhà văn hóa Lam Sơn
	Khu 1	HSC	4	14	-	-													4	14			Nhà văn hóa khu 4
	Khu4	HSC	10	36															10	36			Nhà văn hóa khu 2

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	**Xã Thọ Diên**		**-**	**-**	**270**	**1.040**			**38**	**132**			**110**	**461**							**122**	**447**	
	Thôn Tứ Trụ	HSC	-	-	38	132			38	132													Nhà văn hóa thôn Tứ Trụ
	Thôn Hải Trạch 2	HSC	-	-	40	177															40	177	Nhà văn hóa thôn Hải Trạch 1
	Thôn Thịnh Mỹ 1	HSC	-	-	42	152															42	152	Nhà văn hóa thôn Thịnh Mỹ 1
	Thôn Thịnh Mỹ 2	HSC	-	-	40	118															40	118	Nhà văn hóa thôn Thịnh Mỹ 2
	Thôn Quần Đội	HSC	-	-	110	461							110	461									Trường Tiểu học và THCS
5	**Xã Thọ Hải**		**526**	**1.828**	**22**	**60**									**162**	**446**	**22**	**60**	**364**	**1.382**			
	Thôn Tân Thành	HSC	12	50	-	-													12	50			UBND Xã
	Thôn Hải Thành	HSC	298	1.037	12	38									102	289	12	38	196	748			UBND Xã
	Thôn Hải Mậu	HSC	216	741	10	22									60	157	10	22	156	584			UBND Xã
6	**Xã Xuân Hòa**		**198**	**561**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**198**	**561**	**-**	**-**	**-**	**-**			
	Thượng Vôi	HSC	40	157											40	157							Nội đê Thượng Vôi
	Trung Thành	HSC	15	51											15	51							Nhà cao tầng trong thôn
	Khải Đông	HSC	20	48											20	48							Nhà cao tầng trong thôn
	Thôn Kim Ốc	HSC	20	32	-	-									20	32							Trường cấp 2
	Thôn Thọ Khang	HSC	95	250	-	-									95	250							Trường cấp 1

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Tinh Thôn 1	HSC	2	8	-	-									2	8							2 hộ nội đê
	Tinh Thôn 2	HSC	6	15	-	-									6	15							6 hộ nội đê
7	**Xã Xuân Trường**		**12**	**36**	-	-									-	-							
	Thôn 2	HSC	11	33	-	-					11	33											Nhà Văn Hóa thôn 2
	Thôn 3	HSC	1	3	-	-					1	3											hộ trang trại chuyển về nhà chính
8	**Thị trấn Thọ Xuân**		-	-	**42**	**162**			**42**	**162**													
	Khu 1(Khu 2 cũ)	HSC			1	4			1	4													Trường tiểu học TT Thọ Xuân
	Khu 2 (Khu 3 cũ)	HSC	-	-	9	34			9	34													Trường Lê Văn Linh cũ
	Khu 3 (Khu 4 cũ)	HSC	-	-	27	107			27	107													Trường THCS Lê Lợi
	Thôn Đồng Thôn	HSC			3	9			3	9													UBND TT Thọ Xuân
	Thôn Vĩnh Nghi	HSC			2	8			2	8													UBND TT Thọ Xuân
9	**Xã Xuân Hồng**		-	-	**23**	**78**							-	-			**34**	**120**					
	Thôn Ninh Thành	HSC	-	-													10	38					Nhà VH thôn Ninh Thành
	Thôn Hùng Mạnh	HSC	-	-													1	4					Nhà VH thôn Hùng Mạnh
	Thôn Vân Lộ	HSC	-	-	23	78											23	78					Trường tiểu học Thọ Nguyên
10	**Xã Xuân Tín**		**4**	**14**	-	-									**4**	**14**							

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Xóm 27	TSC	4	14	-	-									4	14							Trường cấp I, II Xuân Tín
11	**Xã Thọ Lập**		**46**	**157**	-	-									**46**	**157**							
	Thôn 1	TSC	3	9	-	-									3	9							
	Thôn 2	TSC	22	69	-	-									22	69							
	Thôn 3	TSC	21	79	-	-									21	79							
12	**Xã Phú Xuân**		**147**	**543**	**1.057**	**4.084**					-	-	-	-	**147**	**543**	**1.057**	**4.084**					
	Thôn Đông Thành	TSC	-	-	237	943											237	943					Nhà Văn hóa thôn Thống Nhất
	Thôn Phú Cường	TSC	-	-	305	1.244											305	1.244					Hội trường, trụ sở UBND xã
	Thôn Thọ Phú	TSC	-	-	167	707											167	707					Trường cấp I và cấp II
	Thôn Hạnh Phúc	TSC	147	543	-	-									147	543							Đầu cầu Hạnh Phúc, Nhà Văn hóa xã
	Thôn 5	TSC	-		189	652											189	652					Trường tiểu học Phú Yên
	Thôn 10	TSC	-		159	538											159	538					Trường THCS Phú Yên
13	**Xã Xuân Lai**		-	-	**43**	**161**							**43**	**161**									
	Thôn 2	TSC	-	-	15	51							15	51									Nhà văn hóa làng Phong Lai
	Thôn 4	TSC	-	-	2	13							2	13									Trường PTTH Lê Hoàn
	Thôn 6	TSC	-	-	24	92							24	92									Công sở UBND xã

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn 7	TSC	-	-	2	5							2	5									Trường Tiểu học Xuân Lai
14	**Xã Trường Xuân**		**5**	**18**	**9**	**23**					**4**	**15**	-	-	**1**	**3**	**9**	**23**					
	Thôn Thọ Tân	TSC	1	4	-	-					1	4											Trường cấp II
	Thôn Phong Mỹ	TSC	2	6	-	-					2	6											
	ThônLong Linh Ngoại1	TSC			9	23											9	23					
	Thôn Long Linh Nội	TSC	1	3											1	3							
	Thôn Thành Vinh	TSC	1	5	-	-					1	5											
V	**HUYỆN THIỆU HÓA**		-	-	**296**	**1.007**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**296**	**1.007**	
1	**Xã Thiệu Ngọc**		-	-	**2**	**4**															**2**	**4**	
	Thôn Tân Bình	TSC	-	-	2	4															2	4	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
2	**Xã Thiệu Vũ**		-	-	**8**	**19**															**8**	**19**	
	Thôn Lam Đạt	TSC	-	-	8	19															8	19	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
3	**Xã Thiệu Tiến**		-	-	**10**	**41**															**10**	**41**	
	Thôn Quang Trung 3	TSC	-	-	10	41															10	41	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
4	**Xã Thiệu Phúc**		-	-	**29**	**105**															**29**	**105**	
	Thôn Mật Thôn	TSC	-	-	3	12															3	12	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Mật Thôn, xóm 1	TSC	-	-	26	93															26	93	Nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
5	**Thị Trấn Vạn Hà**		-	-	**26**	**112**															**26**	**112**	
	TK 1, Chợ Vạn Hà	TSC	-	-	26	112															26	112	Trường học, nhà văn hóa Tiểu khu, hội trường Thị trấn, các hộ dân nội đê
6	**Xã Thiệu Nguyên**		-	-	**6**	**9**															**6**	**9**	
	Thôn Nguyên Sơn	TSC	-	-	6	9															6	9	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
7	**Xã Thiệu Hợp**		-	-	**38**	**144**															**38**	**144**	
	Thôn Sử Nhân	TSC	-	-	1	6															1	6	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
	Thôn Nam Bằng	TSC	-	-	36	134															36	134	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
	Chấn Long 1	HSM																			1	4	
8	**Xã Thiệu Tâm**		-	-	**48**	**193**															**48**	**193**	
	Thôn Đồng Thanh	HSC	-	-	46	184															46	184	Trường học, hội trường xã, các hộ dân nội đê
	Thôn Đồng Tâm	HSC	-	-	2	9															2	9	Trường học, hội trường xã, các hộ dân nội đê

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
9	**Thị trấn Thiệu Hóa**		-	-	**42**	**156**															**42**	**156**	
	Thôn 3	HSC	-	-	42	156															42	156	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
10	**Xã Tân Châu**		-	-	**51**	**234**															**51**	**234**	
	Thôn Yên Tân	HSC	-	-	2	5															2	5	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
	Thôn Xuân Phú	HSC	-	-	7	31															7	31	Nhà văn hóa thôn, các hộ dân nội đê
	Thôn 1	HSC	-	-	42	198															42	198	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
12	**Xã Thiệu Quang**		-	-	**87**	**224**															**87**	**224**	
	Thôn Châu Chướng	HSM	-	-	10	56															10	56	Nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
	Thôn Nhân Cao	HSM	-	-	19	63															19	63	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
	Thôn Chí Cường	HSM	-	-	58	105															58	105	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
13	**Xã Thiệu Thịnh**		**-**	**-**	**24**	**102**															**24**	**102**	
	Thôn Đương Phong	HSM	-	-	24	102															24	102	Trường học, nhà văn hóa thôn, hội trường xã, các hộ dân nội đê
VI	**HUYỆN VĨNH LỘC**		**122**	**484**	**2.598**	**14.092**	-	-	-	-	-	-	-	-	**61**	**244**	**101**	**516**	**77**	**305**	**2.346**	**12.949**	
1	**Xã Vĩnh Quang**		**-**	**-**	**624**	**2.580**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**41**	**266**	-	-	**583**	**2.314**	
	Thôn Eo Lê	TSM	-	-	25	108											5	22			20	86	Chân núi Eo Lê
	Thôn Tiến Ích 2	TSM	-	-	113	588											24	196			89	392	Chân núi Eo Lê
	Thôn Tiến Ích 1	TSM	-	-	86	344															86	344	Công sở UBND xã
	Thôn Lê Sơn	TSM	-	-	110	430															110	430	Trường cấp I,II xã Vĩnh Quang
	Thôn Cẩm Hoàng	TSM	-	-	290	1.110											12	48			278	1.062	Trường cấp I,II xã Vĩnh Quang
2	**Xã Vĩnh Yên**		**-**	**-**	**360**	**5.920**											**60**	**250**	-	-	**300**	**5.670**	
	Thôn Yên Tôn Hạ	TSM	-	-	360	5.920											60	250			300	5.670	
3	**Xã Vĩnh Tiến**		**10**	**34**	**80**	**150**									**10**	**34**					**80**	**150**	
	Thôn Thổ Phụ	TSM	3	6	47	42									3	6					47	42	Núi Phú Lĩnh
	Thôn Phú Lĩnh	TSM	7	28	33	108									7	28					33	108	Núi Phú Lĩnh
4	**Thị trấn Vĩnh Lộc**		**-**	**-**	**148**	**433**															**148**	**433**	
	Thôn 1	TSM	-	-	88	287															88	287	Nhà Văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn 2	TSM	-	-	8	17															8	17	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 3	TSM	-	-	5	7															5	7	Trường cấp I - II xã
	Thôn 4	TSM	-	-	3	12															3	12	Trường cấp I - II xã
	Thôn 7	TSM	-	-	12	31															12	31	Trường cấp I - II xã
	Thôn 8	TSM	-	-	32	79															32	79	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Ninh Khang**		-	-	**444**	**1.448**															**444**	**1.448**	
	Thôn Thọ Vực	TSM	-	-	72	206															72	206	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Yên Lạc	TSM	-	-	131	385															131	385	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Kỳ Ngãi	TSM	-	-	11	38															11	38	Đồi Kỳ Ngãi
	Thôn Phi Binh	TSM	-	-	230	819															230	819	Đồi Kỳ Ngãi
6	**Xã Vĩnh Hòa**		-	-	**263**	**802**															**263**	**802**	
	Thôn Quang Biểu	TSM	-	-	45	105															45	105	Núi Bim
	Thôn Nghĩa Kỳ	TSM	-	-	116	457															116	457	Khu nhà UBND xã
	Thôn Giang Đông	TSM	-	-	102	240															102	240	Núi Cầu
7	**Xã Vĩnh Hùng**		-	-	**240**	**960**															**240**	**960**	
	Thôn Sóc Sơn 2	TSM	-	-	66	264															66	264	Trường tiểu học cơ sở 2 Vĩnh Hùng, cư ly 350m
	Thôn Sóc Sơn 1	TSM	-	-	50	200															50	200	Nhà văn Hóa thôn, cự ly 400m

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Xóm Bình	TSM	-	-	63	252															63	252	Nhà văn hóa thôn, cự ly 150m
	Thôn Xóm Nam	TSM	-	-	15	60															15	60	Nhà văn hóa thôn, cự ly 200m
	Thôn Xóm Trung	TSM	-	-	6	24															6	24	Nhà văn hóa thôn, cự ly 450m
	Thôn Xóm Hát	TSM	-	-	9	36															9	36	Nhà văn hóa thôn, cự ly 200m
	Thôn Xóm Đông Thắng	TSM	-	-	6	24															6	24	Nhà văn hóa thôn, cự ly 300m
	Thôn Xóm Đoài	TSM	-	-	25	100															25	100	Nhà văn hóa thôn, cự ly 170m
8	**Xã Minh Tân**		-	-	**384**	**1.574**															**214**	**867**	
	Thôn Bồng Trung 1	TSM	-	-	32	123															32	123	Trường PTTH Tống Duy Tân
		TSM	-	-	8	26															8	26	Trường THCS xã
	Thôn Bồng Trung 2	TSM	-	-	25	98															25	98	Trường THCS và Trường Tiểu học
		TSM	-	-	17	72															17	72	Trường Tiểu học xã
	Thôn Xóm 5	TSM	128	515	188	780															18	73	
	Thôn Xóm 6	TSM	-	-	12	56															12	56	Trường cấp I,II Vĩnh Minh, cự ly 350m
	Thôn Xóm 7	TSM	-	-	49	192															49	192	Trường cấp I,II Vĩnh Minh, cự ly 300m

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Xóm 8	TSM	-	-	33	144															33	144	Trường mầm non Vĩnh Minh, cự ly 300m
	Thôn Xóm 9	TSM	-	-	20	83															20	83	Trạm y tế và UBND xã Vinh Minh, cự ly 200m
9	**Xã Vĩnh An**		**128**	**515**	**74**	**305**									**51**	**210**	-	-	**77**	**305**	**74**	**305**	
	Thôn 1	TSM	112	450	55	225									16	65					19	80	
	Thôn 2	TSM	3	15	-	-													3	15			Đình làng + Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3	TSM	35	145	55	225									35	145					55	225	
	Thôn 4	TSM	10	40	-	-													10	40			Trường Tiểu học , Trường THCS xã
	Thôn 8	TSM	64	250	-	-													64	250			
VII	**HUYỆN YÊN ĐỊNH**		**3.136**	**11.996**	**1.673**	**6.524**	**987**	**3.738**	**123**	**934**	**937**	**3.624**	**376**	**1.414**	**819**	**3.132**	**933**	**3.243**	**393**	**1.502**	**241**	**933**	
1	**Xã Quý Lộc**		**263**	**987**	**270**	**1.109**					**117**	**507**	-	-	**146**	**480**	**164**	**686**	-	-	**106**	**423**	
	Thôn 1	HSM	31	133	30	120					10	46			21	87	15	60			15	60	Trường cấp 1,2 xã Quý Lộc, nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	HSM	31	130	19	83					6	25			25	105	10	43			9	40	Đồi Đồn Trang
	Thôn 3	HSM	28	119	36	155					14	61			14	58	19	80			17	75	Đồi Đồn Trang
	Thôn 10	HSM	128	395	165	691					42	165			86	230	100	443			65	248	Nhà văn hóa thôn 4 và các nhà cao tầng trong thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Trang Trai	HSM	45	210	20	60					45	210					20	60					Trường cấp 1,2 xã Quý Lộc, nhà văn hóa thôn
2	**Xã Yên Thọ**		**2.219**	**8.410**	**985**	**3.737**	**987**	**3.738**	**123**	**934**	**618**	**2.336**	**370**	**1.402**	**369**	**1.402**	**369**	**934**	**245**	**934**	**123**	**467**	
	Thôn Đa Nê 1	HSM	619	2.365	274	1.051	275	1.051	34	263	172	657	103	394	103	394	103	263	69	263	34	131	NVH thôn Mã Lưu, núi và đền Đồng Cổ
	Thôn Đa Nê 2	HSM	336	990	151	440	150	440	19	110	94	275	57	165	56	165	56	110	36	110	19	55	Phía đồng thông Đa Nê 2
	Thôn Tân Lộc 2	HSM	686	2.794	304	1.241	305	1.242	38	310	191	776	114	466	114	466	114	310	76	310	38	155	Tan lộc 1, trường THCS, trường tiểu học, trường mầm non xã Yên Thọ
	Thôn Tu Mục 2	HSM	578	2.261	256	1.005	257	1.005	32	251	161	628	96	377	96	377	96	251	64	251	32	126	
3	**Xã Yên Trường**		**78**	**319**	**5**	**21**													**78**	**319**	**5**	**21**	
	Phố Kiều	HSM	78	319	5	21													78	319	5	21	Hội trường UBND xã Yên Trường
4	**Xã Yên Phong**		-	-	**13**	**34**							**6**	**12**							**7**	**22**	
	Thôn Lý Nhân	HSM	-	-	1	1							1	1									Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thị Thư	HSM	-	-	12	33							5	11							7	22	Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Yên Thái**		-	-	**392**	**1.593**											**392**	**1.593**					
	Thôn Phù Hưng 1	HSM	-	-	135	540											135	540					Trường tiểu học Yên Thái

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Phù Hưng 2	HSM	-	-	257	1.053											257	1.053					Trường tiểu học Yên Thái
6	**Xã Định Liên**		**13**	**76**	-	-									**13**	**76**							
	Duyên Thượng	HSM	13	76	-	-									13	76							
7	**Xã Định Long**		-	-	**8**	**30**											**8**	**30**					
	Thôn Là Thôn	HSM	-	-	8	30											8	30					Trường tiểu học Định Long
8	**Xã Định Hải**		**471**	**1.847**	-	-	-	-	-	-	**202**	**781**	-	-	**223**	**892**	-	-	**46**	**174**	-	-	
	Thôn Sét Thôn	HSM	43	167	-	-					20	80			13	52			10	35			
	Thôn Thịnh Thôn	HSM	43	172	-	-					21	84			15	60			7	28			
	Thôn Trình Điện	HSM	51	178	-	-					29	90			17	68			5	20			
	Thôn Ái Thôn	HSM	9	35	-	-					2	7			3	12			4	16			
	Thôn Duyên Lộc	HSM	325	1.295	-	-					130	520			175	700			20	75			
9	**Xã Định Tân**		**25**	**79**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**1**	**4**	-	-	**24**	**75**	-	-	
	Thôn Yên Hoành	HSM	25	79	-	-									1	4			24	75			
10	**Xã Định Tiến**		**9**	**48**	-	-									**9**	**48**							
	Thôn Mỹ Lọc	HSM	6	35	-	-									6	35							
	Thôn Duệ Thôn	HSM	1	7	-	-									1	7							
	Thôn Yên Thôn	HSM	2	6	-	-									2	6							
11	**Xã Định Công**		**58**	**230**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**58**	**230**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Quan Yên	HSM	18	73	-	-									18	73							

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Cẩm Trướng 1	HSM	7	29	-	-									7	29							
	Thôn Cẩm Trướng 2	HSM	2	7	-	-									2	7							
	Thôn Phú khang	HSM	31	121	-	-									31	121							
VIII	**HUYỆN HÀ TRUNG**		**660**	**2.046**	**291**	**1.050**	**114**	**383**	-	-	**417**	**1.308**	-	-	**320**	**1.033**	**227**	**842**	-	-	**408**	**1.458**	
1	**Xã Hà Sơn**		-	-	**104**	**416**											**34**	**143**	-	-	**70**	**273**	
	Thôn Cẩm Cường	TSL	-	-	52	245											20	95			32	150	Nhà VH thôn, trường học
	Thôn Chí Phúc	TSL	-	-	4	14															4	14	Nhà VH thôn, trường học
	Thôn Quý Tiến	TSL	-	-	40	133											11	40			29	93	Nhà VH thôn, trường học
	Thôn Ngọc Sơn	TSL	-	-	8	24											3	8			5	16	Nhà VH thôn, trường học
2	**Xã Hà Ngọc**		-	-	**145**	**444**											**43**	**149**			**102**	**295**	
	Thôn Kim Trần Vũ	TSL	-	-	2	5											1	3			1	2	Trường tiểu học
	Thôn Kim Phú Na	TSL	-	-	45	106											12	47			33	59	Trường tiểu học
	Thôn Kim Quan Sơn	TSL	-	-	34	113											9	31			25	82	Núi Ngưỡng Sơn
	Thôn Kim Đề	TSL	-	-	64	220											21	68			43	152	Nhà VH thôn 1
3	**Thị Trấn**		-	-	**42**	**190**	-	-	-	-	**8**	**32**	-	-	**44**	**150**	**150**	**550**	-	-	**236**	**890**	
	Tiểu Khu 2	TSL	-	-	42	190															42	190	Trường THCS
	Tiểu Khu 4	TSL	-	-	-	-															-	-	
	Tiểu Khu 5	TSL	-	-	-	-															-	-	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Tương Lạc	TSL	52	182	344	1.250					8	32			44	150	150	550			194	700	Trường cấp 1, 2, mầm non, công sở
5	**Xã Hoạt Giang (H Ninh cũ)**		**513**	**1.589**	**-**	**-**	**114**	**383**			**270**	**780**			**129**	**426**			**-**	**-**			
	Thôn Bình Lâm	TSL	399	1.257	-	-	79	288			205	605			115	364							
	Thôn Chuế Cầu	TSL	114	332	-	-	35	95			65	175			14	62							
6	**Xã Hà Phú**		**142**	**434**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**139**	**496**	**-**	**-**	**142**	**434**							
	Thôn Cụ Thôn	TSL	40	135	-	-									40	135							Nhà VH thôn
	Thôn Đại Sơn	TSL	54	118	-	-									54	118							Nhà VH thôn
	Thôn Đại Thắng	TSL	48	181	-	-									48	181							Nhà VH thôn
	Độ Thôn	TSL	84	268	-	-					84	268											
	Bương Thôn	TSL	47	203	-	-					47	203											
	Chế Thôn	TSL	8	25	-	-					8	25											
7	**Xã Hà Hải**		**5**	**23**	**-**	**-**									**5**	**23**							
	Thôn 1	TSL	5	23	-	-									5	23							
IX	**HUYỆN HOẰNG HÓA**		**1.042**	**3.644**	**883**	**2.334**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**455**	**1.596**	**222**	**669**	**587**	**2.048**	**661**	**1.665**	
1	**Xã Hoằng Xuân**		**14**	**53**	**24**	**82**													**14**	**53**	**24**	**82**	
	Trà Sơn	TSM	9	35	15	46													9	35	15	46	Chân núi
	Đại Điền	TSM	3	10	5	22													3	10	5	22	Nội đê
	Hữu Khánh	TSM	2	8	4	14													2	8	4	14	Nội đê
2	**Xã Hoằng Phượng**		**-**	**-**	**17**	**36**															**17**	**36**	
	Thôn Vĩnh Gia 1	TSM	-	-	8	19															8	19	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Vĩnh Gia 2	TSM	-	-	2	3															2	3	
	Thôn Vĩnh Gia 3	TSM	-	-	7	14															7	14	Nội đê
3	**Xã Hoằng Giang**		**55**	**140**	**9**	**31**													**55**	**140**	**9**	**31**	
	Thôn 1	TSM	-	-	7	24															7	24	Nội đê
	Thôn 3	TSM	30	75	-	-													30	75			
	Thôn 6	TSM	25	65	2	7													25	65	2	7	Nội đê
4	**Xã Hoằng Hợp**		-	-	**1**	**3**															**1**	**3**	
	Quý Thọ	TSM	-	-	1	3															1	3	Nội đê
5	**Xã Hoằng Trạch**		-	-	**2**	**2**															**2**	**2**	
	Xuân Tiến	TSM	-	-	2	2															2	2	Nội đê
6	**Xã Hoằng Tân**	TSM	-	-	**24**	**24**															**24**	**24**	Nội đê
7	**Xã Hoằng Châu**	TSM	-	-	**101**	**101**															**101**	**101**	Nội đê
8	**Xã Hoằng Phong**	TSM	-	-	**102**	**102**															**102**	**102**	Nội đê
9	**Xã Hoằng Cát**		**973**	**3.451**	**486**	**1.570**									**455**	**1.596**	**222**	**669**	**518**	**1.855**	**264**	**901**	
	Nam Bình	TLT	61	233	20	66									28	109	8	21	33	124	12	45	Nội đê
	Hà Nội	TLT	483	1.677	340	1.100									235	826	159	479	248	851	181	621	Nội đê
	Ba Đình	TLT	143	544	33	114									66	228	15	46	77	316	18	68	Nội đê
	Nam Thọ	TLT	163	534	64	194									68	230	28	84	95	304	36	110	Nội đê
	Đức Thành	TLT	123	463	29	96									58	203	12	39	65	260	17	57	Nội đê
10	**Xã Hoằng Xuyên**		-	-	**107**	**362**															**107**	**362**	
	Thanh Bình	TLT	-	-	78	245															78	245	Nội đê

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Long Bình	TLT	-	-	21	89															21	89	Nội đê
	Long Xuân	TLT	-	-	3	12															3	12	Nội đê
	Trung Tiến	TLT	-	-	5	16															5	16	Nội đê
11	**Xã Hoằng Đạt**		-	-	**4**	**15**															**4**	**15**	
	Tam Nguyên	HLT	-	-	4	15															4	15	Nội đê
12	**Xã Hoằng Hà**	HLT	-	-	**6**	**6**															**6**	**6**	**Nội đê**
X	**TP THANH HÓA**		**1.714**	**6.015**	**1.808**	**6.842**	**85**	**251**	**15**	**31**	**227**	**680**	**176**	**520**	**1.362**	**4.837**	**557**	**2.235**	**40**	**247**	**1.060**	**4.056**	
1	**Thiệu Khánh**		**172**	**593**	**260**	**858**	**81**	**244**	-	-	**8**	**29**	**115**	**361**	**43**	**183**	**145**	**497**	**40**	**137**	-	-	
	Thôn Giang Thanh	HSM	45	194	114	423					2	11	34	127	43	183	80	296					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn Dinh Xá	HSM	6	18	124	399					6	18	70	216			54	183					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn Phú Ân	HSM	-	-	12	18							6	9			6	9					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 5	HSM	-	-	10	18							5	9			5	9					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 9	HSM	121	381	-	-	81	244											40	137			Di chuyển đến nhà người thân trong xã
2	**Thiệu Dương**		**1.379**	**4.817**	**284**	**873**	-	-	**15**	**31**	**178**	**540**	**31**	**89**	**1.201**	**4.277**	**238**	**753**					

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn 4	HSM	139	547	107	365									139	547	107	365					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 5	HSM	126	479	89	265									126	479	89	265					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 6	HSM	206	723	2	2									206	723	2	2					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 7	Sông Mã	252	856	30	89									252	856	30	89					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 8	Sông Mã	160	577	25	63			15	31					160	577	10	32					Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 9	Sông Mã	255	883	18	57					96	300	18	57	159	583							Di chuyển đến nhà người thân trong xã
	Thôn 10	HSM	241	752	13	32					82	240	13	32	159	512							Di chuyển đến nhà người thân trong xã
3	**Hàm Rồng**		-	-	**35**	**141**	-	-	-	-	-	-	**27**	**60**	-	-	**8**	**40**	-	-	-	**41**	
1	*Làng Đông Sơn*	HSM	-	-	27	96							19	40			8	28				28	Nhà Văn hóa làng.Đông Sơn & Trường mầm non Hàm Rồng
2	*Phố Hàm Long*	HSM	-	-	8	45							8	20				12				13	Trường Mầm non Hàm Rồng

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	**Nam Ngạn**		**-**	**-**	**184**	**671**	**-**	**-**			**-**	**-**			**-**	**-**	**68**	**247**			**116**	**424**	
	Phố Tiền Phong	HSM	-	-	184	671											68	247			116	424	Trường Tiểu Học Nam Ngạn
5	**Đông Hương**		**36**	**84**	**243**	**969**					**-**	**-**	**-**	**-**	**36**	**84**	**-**	**-**	**-**	**-**	**243**	**969**	
	Tổ 2, Phố Tân Hà	HSM	36	84	243	969									36	84					243	969	Trường THCS phường Đông Hương
6	**Đông Hải**		**-**	**-**	**555**	**2.056**							**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**555**	**2.056**	
1	*Phố Xuân Minh*	HSM	-	-	91	294															91	294	Nhà VH Phố 1, nhà VH Phố
2	*Phố Ái Sơn 2*	HSM	-	-	61	241															61	241	Trường TH2
3	*Phố Sơn Vạn*	HSM	-	-	403	1.521															403	1.521	Nhà VH Phố , Trường TH2
7	**P.Quảng Hưng**		**-**	**-**	**33**	**150**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**33**	**150**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	*Thôn 3*	HSM	-	-	27	121											27	121					Nhà VH phố 3
2	*Thôn 4*	HSM	-	-	1	5											1	5					Nhà VH phố 4
3	*Thôn 5*	HSM	-	-	1	5											1	5					Nhà VH phố 6
4	*Thôn 6*	HSM	-	-	1	5											1	5					Nhà VH phố 6
5	*Thôn 7*	HSM	-	-	3	14											3	14					Nhà VH phố 6
8	**Xã Quảng Phú**		**-**	**-**	**3**	**9**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3**	**9**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	*Thôn 2*	HSM	-	-	3	9											3	9					Nhà VH thôn 2
9	**P.Tào Xuyên**		**-**	**15**	**96**	**334**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**11**	**3**	**10**	**-**	**-**	**62**	**259**	**-**	**4**	**31**	**65**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
1	*Thôn 1*	TSM	-	5	20	81						5						42			20	39	Nhà người thân nội đê và trường học
2	*Thôn 2*	TSM	-	2	9	34						2						8			9	26	Nhà người thân nội đê và trường học
3	*Thành Khang*	TSM	-	-	8	24							3	10			5	14					Hội trường VH phố và trường mần non
4	*Phượng Đình 1*	TSM	-	-	1	2											1	2					Hội trường VH phố
5	*Nghĩa Sơn 2*	TSM	-	-	10	31											10	31					Hội trường VH phố
6	*Yên Vực*	TSM	-	-	27	94											27	94					Hội trường VH phố và nhà truyền thống
7	*Phượng Đình 2*	HLT	-	-	19	68											19	68					Hội trường VH phố và trường mần non
8	*Thôn Nam Lý*	HLT	-	8	2	-						4								4	2		Nhà người thân nội đê và trường học
10	**Xã Long Anh**		**119**	**377**	**112**	**417**	**4**	**7**	**-**	**-**	**41**	**100**	**-**	**-**	**74**	**270**	**-**	**-**	**-**	**-**	**112**	**417**	
1	*Thôn 1*	TSM	27	76	29	90	4	7			6	14			17	55					29	90	Trường THCS
2	*Thôn 2*	TSM	28	74	30	124					14	37			14	37					30	124	Trường Tiểu học + Mầm Non
3	*Thôn 3*	TSM	4	10	12	30					2	5			2	5					12	30	Trường Mầm Non

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	*Thôn Nhữ xá*	HLT	15	66	15	66									15	66					15	66	Hội Trường Lớn
5	*Thôn Quan nội 1*	HLT	37	119	22	91					15	28			22	91					22	91	Trường Tiểu Học
6	*Thôn Quan nội 3*	HLT	8	32	4	16					4	16			4	16					4	16	Trường Tiểu Học
11	**Xã Hoàng Quang**		**-**	**121**	**-**	**358**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**15**	**-**	**280**	**-**	**106**	**-**	**78**	
1	*Thôn Phù Quang*	TSM	-	55	-	-														55			Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao
2	*Thôn Vĩnh trị 1*	TSM	-	5	-	94										5		93				1	Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao Sơ tán nhà người thân
3	*Thôn Vĩnh trị 2*	TSM	-	10	-	171										10		171					Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao Sơ tán nhà người thân
4	*Thôn Vĩnh trị 3*	TSM	-	-	-	92												15				77	Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao Sơ tán nhà người thân
5	*Thôn Nguyệt Viên 1*	TSM	-	11	-	-														11			Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao
6	*Thôn Nguyệt Viên 2*	TSM	-	40	-	-														40			Ở tại nhà di chuyển từ thấp đến cao
7	*Thôn Nguyệt Viên 3*	TSM	-	-	-	1												1					Sơ tán nhà người thân
12	**Xã Hoàng Quang**		**8**	**8**	**3**	**6**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**8**	**8**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3**	**6**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*E*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
1	*Thôn Cát Lợi*	TSM	2	2	2	4									2	2					2	4	Nhà ở của gia đình & dọc chùa
2	*Thôn Sơn Hà*	TSM	6	6	1	2									6	6					1	2	Nhà ở của gia đình & Nhà Văn hóa thôn Sơn Hà

PHỤ LỤC 3:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ CẤP IV, CẤP V CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ BÃO

Phụ lục 3: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ CẤP IV, CẤP V CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**5.929**	**22.899**	**22.044**	**87.143**	**185**	**655**	**053**	**152**	**1.190**	**4.924**	**2.190**	**8.940**	**2.516**	**9.421**	**12.518**	**52.137**	**2.067**	**8.015**	**7.555**	**26.937**
1	**Huyện Triệu Sơn**	1.131	4.169	937	3.280	-	-	-	-	-	-	11	42	958	3.429	249	1.066	173	740	677	2.172
2	**Thành phố Sầm Sơn**	96	412	1.203	3.596	9	23	33	76	17	41	225	709	35	174	370	1.110	35	174	575	1.701
3	**Huyện Hậu Lộc**	1.246	4.774	21	65	-	-	-	-	-	-	-	-	174	829	-	-	1.072	3.945	21	65
4	**Huyện Nga Sơn**	148	346	161	592	-	-	-	-	-	-	-	-	130	291	139	516	18	55	22	76
5	**Huyện Thọ Xuân**	149	611	519	2.047	-	-	5	16	89	368	7	14	60	243	24	85	-	-	483	1.932
6	**Huyện Thiệu Hóa**	-	-	602	2.514	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	602	2.514
7	**Huyện Yên Định**	595	2.429	623	2.387	176	632	15	60	38	118	53	191	410	1.795	574	2.160	-	-	193	759
8	**Huyện Vĩnh Lộc**	-	-	614	2.290	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	674	2.530
9	**Huyện Thạch Thành**	729	2.949	2.813	9.347	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	215	655	729	2.949	2.598	8.692
10	**Huyện Quảng Xương**	-	-	289	1.080	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	289	1.080	-	-	-	-
11	**Huyện Tĩnh Gia**	746	3.231	2.938	11.944	-	-	-	-	711	3.094	533	2.490	15	58	731	3.104	20	79	1.674	6.350
12	**Huyện Nông Cống**	229	973	10.933	46.668	-	-	-	-	229	973	1.294	5.229	-	-	9.639	41.439	-	-	-	-
13	**Thị xã Bỉm Sơn**	51	187	65	243	-	-	-	-	20	52	12	45	31	135	53	198	-	-	-	-
14	**Huyện Hà Trung**	809	2.818	294	960	-	-	-	-	86	278	55	220	703	2.467	235	724	20	73	4	16
15	**Huyện Hoằng Hóa**	-	-	32	130	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	32	130

Phụ lục 3: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở BÃI SÔNG TRÊN CÁC TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ CẤP IV, CẤP V CẦN PHẢI SƠ TÁN KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	TỔNG TOÀN TỈNH		**5.929**	**22.899**	**22.044**	**87.143**	**185**	**655**	**053**	**152**	**1.190**	**4.924**	**2.190**	**8.940**	**2.516**	**9.421**	**12.518**	**52.137**	**2.067**	**8.015**	**7.555**	**26.937**	
I	**HUYỆN TRIỆU SƠN**		**1.131**	**4.169**	**937**	**3.280**	-	-	-	-	-	-	**11**	**42**	**958**	**3.429**	**249**	**1.066**	**173**	**740**	**677**	**2.172**	
1	**Xã An Nông**		-	-	**40**	**160**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**40**	**160**	
	Thôn Gia Phú	Sông Nhơm	-	-	40	160															40	160	Trường Tiểu học
2	**Xã Hợp Thắng**		**77**	**380**	**20**	**91**	-	-	-	-	-	-	-	-	**77**	**380**	**20**	**91**	-	-	-	-	
	Thôn Tân Thắng 1	Sông Nhơm	30	156	8	43									30	156	8	43					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Thắng 2	Sông Nhơm	25	124	12	48									25	124	12	48					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Liên Châu	Sông Nhơm	7	25	-	-									7	25							
	Thôn Đồng Khang	Sông Nhơm	15	75	-	-									15	75							
3	**Xã Thọ Tân**		-	-	**15**	**57**	-	-	-	-	-	-	**11**	**42**	-	-	**4**	**15**	-	-	-	-	
	Thôn 3	Sông Nhơm	-	-	2	5							2	5									Nhà văn hóa thôn
	Thôn 5	Sông Nhơm	-	-	2	7							2	7									Nhà văn hóa thôn
	Thôn 6	Sông Nhơm	-	-	11	45							7	30			4	15					Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Thái Hòa**		**173**	**740**	**218**	**798**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**173**	**740**	**218**	**798**	
	Thôn Thái Phong	Sông Nhơm	20	150	64	268													20	150	64	268	Trường THCS

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Thái Yên	Sông Nhơm	30	210	60	240													30	210	60	240	Trường mầm non
	Thôn Thái Lai	Sông Nhơm	20	70	40	170													20	70	40	170	Trường mầm non
	Thôn Thái Lâm	Sông Nhơm	3	10	4	20													3	10	4	20	Trường Tiểu học
	Thôn Thái Nhân	Sông Nhơm	100	300	50	100													100	300	50	100	Trường Tiểu học
5	**Xã Thọ Ngọc**		-	-	**81**	**331**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**81**	**331**	-	-	-	-	
	Thôn 1	Sông Hoàng	-	-	21	85											21	85					Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	Sông Hoàng	-	-	14	52											14	52					Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3	Sông Hoàng	-	-	20	76											20	76					Nhà văn hóa thôn
	Thôn 9	Sông Hoàng	-	-	26	118											26	118					Nhà văn hóa thôn
6	**Xã Tiến Nông**		**165**	**542**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**165**	**542**	-	-	-	-	-	-	
	Làng Nga, Nha, Pho	Sông Hoàng	165	542	-	-									165	542							Trường học
7	**Xã Xuân Lộc**		**4**	**21**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**4**	**21**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Thủy Tú	Sông Hoàng	4	21	-	-									4	21							Nhà văn hóa thôn
8	**Thị Trấn Nưa**		**300**	**788**	**419**	**1.214**	-	-	-	-	-	-	-	-	**300**	**788**	-	-	-	-	**419**	**1.214**	
	Khu phố 5	Sông Nhơm	40	176	94	376									40	176					94	376	Nhà văn hóa khu phố 5
	Khu phố 6	Sông Nhơm	168	336	168	336									168	336					168	336	Nhà văn hóa khu phố 6

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Khu phố 8	Sông Nhơm	92	276	126	378									92	276					126	378	Trường THCS Thị trấn
	Khu phố 10	Sông Nhơm	-	-	31	124															31	124	Hội trường UBND Thị trấn
9	**Xã Vân Sơn**		**320**	**1.358**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**320**	**1.358**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 4	Sông Nhơm	190	837	-	-									190	837							
	Thôn 6	Sông Nhơm	130	521	-	-									130	521							
10	**Xã Đồng Thắng**		**3**	**12**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**3**	**12**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Nhạ Lọc	Sông Hoàng	3	12	-	-									3	12							
11	**Xã Hợp Lý**		-	-	**144**	**629**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**144**	**629**	-	-	-	-	
	Thôn Văn Sơn	Sông Nhơm	-	-	18	99											18	99					Đồi Thôn Yên Trung
	Thôn Yên Trung	Sông Nhơm	-	-	4	15											4	15					Đồi Thôn Yên Trung
	Thôn Quang Thanh	Sông Nhơm	-	-	14	75											14	75					Núi Đinh
	Thôn Đông Thành	Sông Nhơm	-	-	87	335											87	335					Đồi Đồng Cả
	Thôn Nội Sơn	Sông Nhơm	-	-	21	105											21	105					Dốc Đình
12	**Xã Xuân Thọ**		**59**	**220**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**59**	**220**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 3	Sông Nhơm	27	103	-	-									27	103							
	Thôn 4	Sông Nhơm	15	54	-	-									15	54							

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn 5	Sông Nhơm	17	63	-	-									17	63							
13	**Xã Minh Sơn**		**30**	**108**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**30**	**108**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 7	Sông Nhơm	18	64	-	-									18	64							
	Thôn 8	Sông Nhơm	12	44	-	-									12	44							
II	**THÀNH PHỐ SẦM SƠN**		**96**	**412**	**1.203**	**3.596**	**9**	**23**	**33**	**76**	**17**	**41**	**225**	**709**	**35**	**174**	**370**	**1.110**	**35**	**174**	**575**	**1.701**	
1	**Phường Quảng Cư**		**96**	**412**	**1.203**	**3.596**	**9**	**23**	**33**	**76**	**17**	**41**	**225**	**709**	**35**	**174**	**370**	**1.110**	**35**	**174**	**575**	**1.701**	
	Khu phố Thành Thắng	Sông Mã	31	203	513	1.486	2	5	8	12	5	12	93	253	12	93	156	468	12	93	256	753	
	Khu phố Hồng Thắng	Bãi ngang	44	149	328	965	5	12	19	42	7	15	59	177	16	61	91	273	16	61	159	473	Trường cấp 1, cấp 2
	Khu phố Tiến Lợi	Sông Mã	21	60	362	1.145	2	6	6	22	5	14	73	279	7	20	123	369	7	20	160	475	
III	**HUYỆN HẬU LỘC**		**1.246**	**4.774**	**21**	**65**	-	-	-	-	-	-	-	-	**174**	**829**	-	-	**1.072**	**3.945**	**21**	**65**	
1	**Xã Minh Lộc**		7	**28**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**7**	**28**	-	-	
	Thôn Minh Hùng	Đông kênh De	7	28	-	-													7	28			
2	**Xã Liên Lộc**		**1**	**4**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**1**	**4**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 5	Tây kênh De	1	4	-	-									1	4							
3	**Xã Hoa Lộc**		**1**	**2**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**1**	**2**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Hoa Trường	Tây kênh De	1	2	-	-									1	2							

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	**Xã Hòa Lộc**		**931**	**3.400**	**21**	**65**	-	-	-	-	-	-	-	-	**21**	**65**	-	-	**910**	**3.335**	**21**	**65**	
	Thôn 4 Xuân Tiến	Kênh De	270	997	17	53									17	53			253	944	17	53	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 5 Xuân Tiến	Kênh De	244	932	3	8									3	8			241	924	3	8	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 2 Tam Hòa	Kênh De	417	1.471	1	4									1	4			416	1.467	1	4	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Thuần Lộc**		**73**	**272**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**73**	**272**	-	-	
	Thôn Nhuệ Thôn	Tả Cầm Lũ	20	79	-	-													20	79			
	Thôn Lam Thôn	Tả Cầm Lũ	35	143	-	-													35	143			
	Thôn Bộ Đầu	Tả Cầm Lũ	18	50	-	-													18	50			
6	**Xã Hải Lộc**		**233**	**1.068**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**151**	**758**	-	-	**82**	**310**	-	-	
	Trường Nam	Kênh De	233	1.068	-	-									151	758			82	310			
IV	**HUYỆN NGA SƠN**		148	346	161	592	-	-	-	-	-	-	-	-	130	291	139	516	18	55	22	76	
1	**Xã Nga Phú**		-	-	**24**	**83**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2**	**7**	-	-	**22**	**76**	
	Thôn Nhân Sơn	H Càn	-	-	22	76															22	76	Trường THCS
	Thôn Tân Phát	H Càn	-	-	2	7											2	7					Nhà thờ Tân Phát

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
2	**Xã Nga Vịnh**		-	-	**72**	**272**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**72**	**272**	-	-	-	-	
	Thôn An Thọ	H Hoạt	-	-	54	201											54	201					Trường học
	Thôn Tứ Thôn	H Hoạt	-	-	18	71											18	71					Trạm y tế
3	**Xã Nga Thắng**		-	-	**11**	**47**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**11**	**47**	-	-	-	-	
	Thôn Giáp	H Hoạt	-	-	11	47											11	47					Công sở xã
4	**Xã Nga Thiện**		**51**	**119**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**51**	**119**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Mỹ Thịnh	H Hoạt	4	12	-	-									4	12							
	Thôn Tri Thiện 1	H Hoạt	9	27	-	-									9	27							
	Thôn Tri Thiện 2	H Hoạt	16	36	-	-									16	36							
	Thôn Tri Thiện 3	H Hoạt	21	42	-	-									21	42							
	Thôn Từ Sơn	H Hoạt	1	2	-	-									1	2							
5	**Xã Nga Tiến**		**23**	**53**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**23**	**53**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 1	H Càn	3	6	-	-									3	6							
	Thôn 2	H Càn	6	12	-	-									6	12							
	Thôn 3	H Càn	4	8	-	-									4	8							
	Thôn 4	H Càn	1	2	-	-									1	2							
	Thôn 6	H Càn	5	10	-	-									5	10							
	Thôn 7	H Càn	4	15	-	-									4	15							

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
6	**Xã Nga Điền**		-	-	**54**	**190**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**54**	**190**	-	-	-	-	
	Thôn 1	T Càn	-	-	1	4											1	4					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
	Thôn 2	T Càn	-	-	6	21											6	21					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
	Thôn 3	T Càn	-	-	18	80											18	80					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
	Thôn 5	T Càn	-	-	1	6											1	6					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
	Thôn 7	T Càn	-	-	11	24											11	24					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
	Thôn 8	T Càn	-	-	17	55											17	55					Nhà thờ, Nhà Văn hóa
7	**Xã Nga Tân**		**41**	**82**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**41**	**82**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn 3	H Càn	2	4	-	-									2	4							
	Thôn 4	H Càn	4	8	-	-									4	8							
	Thôn 5	H Càn	10	20	-	-									10	20							
	Thôn 6	H Càn	15	30	-	-									15	30							
	Thôn 7	H Càn	6	12	-	-									6	12							
	Thôn 8	H Càn	2	4	-	-									2	4							
	Các hộ xã ngoài đang làm đầm	H Càn	2	4	-	-									2	4							
8	**Xã Nga Trường**		7	**22**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7	**22**	-	-	-	-	-	-	
	Thôn Hợp Long 1	H Hoạt	7	22	-	-									7	22							
9	**Xã Ba Đình**		**26**	**70**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**8**	**15**	-	-	**18**	**55**	-	-	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Chiến Thắng	H Hoạt	26	70	-	-									8	15			18	55			
V	**HUYỆN THỌ XUÂN**		**149**	**611**	**519**	**2.047**	**-**	**-**	**5**	**16**	**89**	**368**	**7**	**14**	**60**	**243**	**24**	**85**	**-**	**-**	**483**	**1.932**	
1	**Xã Thọ Lộc**		**-**	**-**	**5**	**16**			**5**	**16**													
	Thôn 2	Sông Hoàng	-	-	1	6			1	6													
	Thôn 5	Sông Hoàng	-	-	4	10			4	10													Xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn
2	**Xã Quảng Phú**		**-**	**-**	**23**	**81**											**23**	**81**					
	Thôn 1	Cầu Chày	-	-	1	4											1	4					Nhà văn hóa thôn 1
	Thôn 2	Cầu Chày	-	-	2	4											2	4					Nhà văn hóa thôn 2
	Thôn 6	Cầu Chày	-	-	9	32											9	32					Nhà Dòng Xứ Phúc địa
	Thôn 8	Cầu Chày	-	-	1	5											1	5					Nhà văn hóa thôn 8
	Thôn 9	Cầu Chày	-	-	1	5											1	5					Nhà văn hóa thôn 8
	Thôn 13	Cầu Chày	-	-	2	7											2	7					Nhà ông Quang thôn 13
	Thôn 14	Cầu Chày	-	-	6	20											6	20					Nhà văn hóa thôn 8
	Thôn 21	Cầu Chày	-	-	1	4											1	4					Nhà ông Long thôn 13
3	**Xã Xuân Lập**		**-**	**-**	**1**	**4**											**1**	**4**					
	Phú Vinh	Cầu Chày	-	-	1	4											1	4					
4	**Xã Trường Xuân**		**149**	**611**	**490**	**1.946**					**89**	**368**	**7**	**14**	**60**	**243**					**483**	**1.932**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Phong Mỹ	Cầu Chày	25	102	275	1.100									25	102					275	1.100	Trường cấp I, các nhà cao tầng
	Thôn Ngọc Quang	Cầu Chày	35	141	208	832									35	141					208	832	Trụ sở UBND, các nhà cao tầng
	Thôn Cao Phú	Cầu Chày	-	-	7	14							7	14									Nhà văn hóa thôn Cao Phú
	Thành Vinh- Cốc thôn		89	368	-	-					89	368											Các nhà cao tầng
VI	**HUYỆN THIỆU HÓA**		-	-	**602**	**2.514**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**602**	**2.514**	
1	**Xã Thiệu Ngọc**		-	-	**57**	**197**															**57**	**197**	
	Thôn Ngọc Thiện	Hữu Cầu Chày	-	-	6	14															6	14	Nhà cao tầng, núi Vạc
	Thôn Ngọc Sơn	Hữu Cầu Chày	-	-	51	183															51	183	Nhà cao tầng, núi Vạc
2	**Xã Thiệu Thành**		-	-	**206**	**863**															**206**	**863**	
	Thôn Thành Giang	Hữu Cầu Chày	-	-	206	863															206	863	Nhà cao tầng, núi Là (Thiệu Tiến)
3	**Xã Thiệu Long**		-	-	**272**	**1.125**															**272**	**1.125**	
	Thôn Tiên Long	Hữu Cầu Chày	-	-	85	350															85	350	Nhà cao tầng, núi Tiên Nông
	Thôn Tiên Nông	Hữu Cầu Chày	-	-	120	550															120	550	Nhà cao tầng, núi Tiên Nông
	Thôn Đồng Lỗ	Hữu Cầu Chày	-	-	67	225															67	225	Nhà cao tầng, núi Tiên Nông

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	**Xã Thiệu Giang**		-	-	**60**	**300**															**60**	**300**	
	Thôn Đa Lộc	Hữu Cầu Chày	-	-	35	165															35	165	Nhà cao tầng, sang Định Thành
	Thôn Vân Điền	Hữu Cầu Chày	-	-	25	135															25	135	Nhà cao tầng, sang Định Thành
5	**Xã Thiệu Quang**		-	-	**7**	**29**															**7**	**29**	
	Thôn Châu Chướng	Hữu Cầu Chày	-	-	7	29															7	29	Nhà cao tầng, núi Tử
VII	**HUYỆN YÊN ĐỊNH**		**595**	**2.429**	**623**	**2.387**	**176**	**632**	**15**	**60**	**38**	**118**	**53**	**191**	**410**	**1.795**	**574**	**2.160**	-	-	**193**	**759**	
1	**Yên Tâm**	S.Hép	**61**	**208**	-	-	**61**	**208**															
	Thôn Xuân Trường		41	139	-	-	41	139															
	Thôn Xá Lập		8	27	-	-	8	27															
	Thôn Tân Thành		12	42	-	-	12	42															
2	**Yên Phú**		**82**	**250**	**54**	**161**	**41**	**124**	-	-	**38**	**118**	**3**	**6**	**3**	**8**	**38**	**116**	-	-	**13**	**39**	
	Thôn Đa Ngọc	Cầu Chày	26	80	26	76	13	39			10	33	3	6	3	8	10	31			13	39	
	Thôn Đa Nẫm	S.Hép					9	38			9	38					9	38					
	Thôn Bùi Thượng	S.Hép	4	14	37	116	17	40			17	40					17	40					
	Thôn Bùi Hạ 2	Cầu Chày	4	14	2	7	2	7			2	7					2	7					
3	**Yên Thịnh**		-	-	**20**	**59**											**20**	**59**					
	Thôn 1		-	-	9	23											9	23					Nhà văn hóa

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn 2		-	-	6	27											6	27					Nhà văn hóa
	Thôn 3																4	7					Nhà văn hóa
	Thôn 5		-	-	1	2											1	2					Nhà văn hóa
4	**Yên Lạc**	Cầu Chày	**45**	**184**	**251**	**998**	**45**	**184**									**251**	**998**					***Nhà VH và UBND xã***
5	**Định Tăng**	Cầu Chày	**404**	**1.775**	**49**	**201**	**29**	**116**	**-**	**-**	**-**	**-**	**50**	**185**	**404**	**1.775**	**211**	**799**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Bái Trại		85	425	4	20									85	425	4	20					Nhà VH, trường cấp 1+2, núi Vạc
	Thạch Đài		50	250	3	12									50	250	3	12					Nhà VH, trường cấp 1+2, núi Vạc
	Hoạch thôn		189	700	11	46									189	700	11	46					Nhà VH, trường cấp 1+2, núi Vạc
	Phú Thọ		80	400	31	123									80	400	31	123					Nhà VH, trường cấp 1+2, núi Vạc
	Phú Cầm						29	116					50	185			162	598					Nhà VH, trường cấp 1+2, núi Vạc
6	**Định Bình**	Cầu Chày	-	-	**180**	**720**															**180**	**720**	Nhà văn hóa
7	**Định Thành**	Cầu Chày	-	-	**69**	**248**			**15**	**60**	-	-	-	-	-	-	**54**	**188**	-	-	-	-	
	Tường Vân		3	12	63	218			3	14							3	16					Nhà văn hóa thôn
	Hải Quật		-	-	63	218			12	46							51	172					NVH thôn, trường cấp 1 xã
8	**Định Công**	Cầu Chày	**3**	**12**	-	-									**3**	**12**							NVH thôn Cầm Trướng

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
VIII	**HUYỆN VĨNH LỘC**		-	-	**614**	**2.290**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**674**	**2.530**	
1	**Xã Vĩnh Hưng**	Tả Bưởi	-	-	**261**	**1.063**															**261**	**1.063**	
	Thôn 1	Tả Bưởi	-	-	71	335															71	335	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	Tả Bưởi	-	-	109	450															109	450	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	Tả Bưởi	-	-	81	278															81	278	Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Vĩnh Phúc**		-	-	**90**	**350**															**150**	**590**	
	Thôn Phúc Khang	Hữu Bưởi	-	-	50	200															50	200	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cổ Đệp	Hữu Bưởi	-	-	40	150															40	150	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Văn Hanh	Hữu Bưởi	-	-	60	240															60	240	Nhà văn hóa thôn
3	**Xã Vĩnh Hòa**		-	-	**71**	**255**															**71**	**255**	
	Thôn Lợi Chấp 1	Tả Bưởi	-	-	56	195															56	195	Núi Nhật Quang
	Thôn Lợi Chấp 2	Tả Bưởi	-	-	15	60															15	60	Núi Lễ
	Thôn Bồng Phồn	Tả Bưởi	-	-	25	100															25	100	Núi Lễ
4	**Xã Vĩnh Long**		-	-	**91**	**345**															**91**	**345**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Bèo	Hữu Bưởi	-	-	91	345															91	345	Núi Bèo
5	**Xã Ninh Khang**		-	-	**57**	**167**															**57**	**167**	
	Thôn Khang Tân	Hữu Bưởi	-	-	57	167															57	167	Đồi Công
6	**Thị trấn Vĩnh Lộc**		-	-	**44**	**110**															**44**	**110**	
	Thôn 7	Hữu Bưởi	-	-	12	31															12	31	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	Hữu Bưởi	-	-	32	79															32	79	Nhà văn hóa thôn
IX	**HUYỆN THẠCH THÀNH**		**729**	**2.949**	**2.813**	**9.347**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**215**	**655**	**729**	**2.949**	**2.598**	**8.692**	
1	**Thạch Bình**		-	-	**10**	**39**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**10**	**39**	-	-	-	-	
	Khu 1	S. Bưởi	-	-	10	39											10	39					Nhà VH khu 1
2	**Thạch Định**		-	-	**643**	**2.388**											**107**	**323**	-	-	**536**	**2.065**	
	Thạch An	S. Bưởi	-	-	22	105											14	45			87	260	Đê hữu, nhà cao tầng
	Thạch Toàn	S. Bưởi	-	-	22	105															22	105	Đê hữu, Đồi Chùa
	Định Hưng	S. Bưởi	-	-	88	367											74	217			112	317	Trường THCS
	Định Tân	S. Bưởi	-	-	88	367											19	61			69	306	Trường MN xã
	Tiến Thành	S. Bưởi	-	-	148	689															103	413	Chòm rú, nhà cao tầng
	Định Tường	S. Bưởi	-	-	143	664															143	664	Trường THCS
3	**Thạch Đồng**		-	-	**5**	**25**															**5**	**25**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Đồng Trạch	S. Bưởi	-	-	5	25															5	25	Nhà VH thôn
4	**Thạch Long**		-	-	**73**	**200**											**73**	**200**					
	Thôn 1	S. Bưởi	-	-	73	200											73	200					Trên đê
5	**Thành Hưng**		**729**	**2.949**	**587**	**2.361**											**25**	**93**	**729**	**2.949**	**562**	**2.268**	
	Hợp Tiến	S. Bưởi	94	375	57	254											3	12	94	375	54	242	Đồi Phú Lộc
	Liên Hưng	S. Bưởi	160	601	124	485											2	6	160	601	122	479	Đồi Phú Lộc
	Phú Thành	S. Bưởi	119	512	111	431											17	63	166	650	90	373	Đồi Phú Lộc
	Hoàng Thành	S. Bưởi	119	512	111	431											2	7	119	512	109	424	Đồi Phú Lộc
	Trường Thành	S. Bưởi	130	551	102	386											1	5	60	260	85	364	Đồi Phú Lộc
	Hợp Thành	S. Bưởi	130	551	102	386													130	551	102	386	Đồi Phú Lộc
6	**TT Kim Tân**		-	-	**1.495**	**4.334**															**1.495**	**4.334**	
	1 Tân Sơn	S. Bưởi	-	-	80	232															80	232	
	2 Tân Sơn	S. Bưởi	-	-	40	116															40	116	
	Ngọc Bồ	S. Bưởi	-	-	60	174															60	174	
	5 Tân Sơn	S. Bưởi	-	-	80	232															80	232	
	6 Tân Sơn	S. Bưởi	-	-	60	174															60	174	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	7 Tân Sơn	S. Bưởi	-	-	40	116															40	116	
	1 Liên Sơn	S. Bưởi	-	-	50	145															50	145	
	2 Liên Sơn	S. Bưởi	-	-	65	188															65	188	
	Phú Sơn	S. Bưởi	-	-	45	130															45	130	
	Lâm Thành	S. Bưởi	-	-	35	101															35	101	
	Khu 1	S. Bưởi	-	-	220	638															220	638	
	Khu 2	S. Bưởi	-	-	150	435															150	435	
	Khu 3	S. Bưởi	-	-	110	319															110	319	
	Khu 4	S. Bưởi	-	-	110	319															110	319	
	Khu 5	S. Bưởi	-	-	200	580															200	580	
	Khu 6	S. Bưởi	-	-	150	435															150	435	
X	**HUYỆN QUẢNG XƯƠNG**		-	-	**289**	**1.080**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**289**	**1.080**	-	-	-	-	
1	**Xã Quảng Văn**	Tả Hoàng	-	-	**13**	**61**											**13**	**61**					Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Quảng Trung**	Tả Yên	-	-	**235**	**850**											**235**	**850**					Nhà văn hóa thôn
3	**Xã Quảng Thạch**	Tả Yên	-	-	**5**	**19**											**5**	**19**					Nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
4	**Xã Quảng Phúc**	Tả Nhơm	-	-	11	49											11	49					Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Quảng Long**	Tả Hoàng	-	-	25	101											25	101					Nhà kiên cố, trường tiểu học
XI	**HUYỆN TĨNH GIA**		**746**	**3.231**	**2.938**	**11.944**	-	-	-	-	**711**	**3.094**	**533**	**2.490**	**15**	**58**	**731**	**3.104**	**20**	**79**	**1.674**	**6.350**	
1	**Xã Trúc Lâm**		-	-	**402**	**1.558**															**402**	**1.558**	
	Thôn Giang Tín	Sông Bạng	-	-	174	628															174	628	Trụ sở Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn, Trường tiểu học Trúc Lâm; Nhà thờ xứ
	Thôn Lan Trà	Sông Bạng	-	-	203	820															203	820	Nhà văn hóa thôn, các nhà cao tầng trong thôn
	Thôn Sơn Trà	Sông Bạng	-	-	25	110															25	110	Nhà văn hóa thôn, các nhà cao tầng trong thôn
2	**Xã Các Sơn**		**708**	**3.083**	**910**	**3.599**	-	-	-	-	**708**	**3.083**	-	-	-	-	**235**	**940**	-	-	**675**	**2.659**	
	Thôn Phú Thiện	Sông Thị Long	-	-	40	148											40	148					Đồi Phú Thiện
	Thôn Minh Thịnh	Sông Thị Long	-	-	155	650											155	650					Đồi Mả Dẻ
	Thôn Châu Thành	Sông Thị Long	299	1.172	128	487					299	1.172					40	142			88	345	Gò cây gạo

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Phú Sơn	Sông Thị Long	-	-	144	519															144	519	Đồi núi Lạn
	Thôn Các	Sông Thị Long	-	-	214	599															214	599	Gò ông tổng
	Thôn Hoành Sơn	Sông Thị Long	-	-	229	1.196															229	1.196	Trường tiểu học Các Sơn B
	Thôn Kiêm Sơn	Sông Thị Long	110	320	-	-					110	320											
	Thôn Hải Sơn	Sông Thị Long	145	959	-	-					145	959											
	Thôn Quế Sơn	Sông Thị Long	154	632	-	-					154	632											
3	**Xã Hải Châu**		**38**	**148**	**55**	**248**					**3**	**11**	**9**	**44**	**15**	**58**	**12**	**63**	**20**	**79**	**34**	**141**	
	Thôn Bắc Châu	Sông Yên	-	-	8	62							2	18			2	18			4	26	Trường trung học
	Thôn Nam Châu	Sông Yên	-	-	47	186							7	26			10	45			30	115	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Bình	Sông Yên	38	148	-	-					3	11			15	58			20	79			
4	**Xã Tùng Lâm**		-	-	**20**	**90**							**20**	**90**									
	Thôn Khoa Trường	Sông Bạng	-	-	20	90							20	90									Nhà văn hóa thôn
	Thôn Trường Sơn 2	Sông Bạng	-	-	-	-																	Nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Trường Sơn	Sông Bạng	-	-	-	-																	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thế Vinh	Sông Bạng	-	-	-	-																	Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Thanh Thủy**		-	-	**563**	**1.992**															**563**	**1.992**	
	Thôn Đồng Minh	Sông Thị Long	-	-	183	722															183	722	Trường tiểu học Thanh Thủy; nhà cao tầng
	Thôn Tào Sơn	Sông Thị Long	-	-	130	396															130	396	Công sở UBND xã
	Thôn Phượng Cát	Sông Thị Long	-	-	120	474															120	474	Trường trung học cơ sở
	Thôn Nhật Tân	Sông Thị Long	-	-	130	400															130	400	Trường trung học cơ sở
6	**Xã Trường Lâm**		-	-	**87**	**355**											**87**	**355**					
	Thôn Trường Sơn	Sông Bạng	-	-	40	185											40	185					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Lập	Sông Bạng	-	-	15	75											15	75					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ninh Sơn	Sông Bạng	-	-	5	15											5	15					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Nam Trường	Sông Bạng	-	-	15	30											15	30					Nhà Ga Trường Lâm
	Thôn Hòa Lâm	Sông Bạng	-	-	5	15											5	15					Nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Trường An	Sông Bạng	-	-	7	35											7	35					Nhà văn hóa thôn
7	**Xã Anh Sơn**		-	-	**169**	**807**							**169**	**807**									
	Thôn Kiều	Sông Thị Long	-	-	10	40							10	40									Nhà văn hóa thôn
	Thôn Yên Tôn	Sông Thị Long	-	-	19	81							19	81									Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cổ Trinh	Sông Thị Long	-	-	20	82							20	82									Nhà văn hóa thôn
	Thôn An Cư	Sông Thị Long	-	-	120	604							120	604									Nhà văn hóa thôn
8	**Xã Xuân Lâm**		-	-	**3**	**14**											**3**	**14**					
	Thôn Dự Quần	Sông Bạng	-	-	3	14											3	14					Nhà Văn hóa thôn
9	**Xã Bình Minh**		-	-	**636**	**2.927**	-	-	-	-	-	-	**242**	**1.195**	-	-	**394**	**1.732**					
	Thôn Sơn Hải	Sông Bạng	-	-	121	517							52	225			69	292					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Quý Hải	Sông Bạng	-	-	230	1.495							80	600			150	895					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Khánh	Sông Bạng	-	-	125	480							50	170			75	310					Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Đông	Sông Bạng	-	-	160	435							60	200			100	235					Nhà văn hóa thôn
10	**Xã Thanh Sơn**		-	-	**93**	**354**	-	-	-	-	-	-	**93**	**354**	-	-	-	-	-	-	-	-	

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Sơn Hạ	Thị Long	-	-	93	354							93	354									
XII	**HUYỆN NÔNG CỐNG**		**229**	**973**	**10.933**	**46.668**	**-**	**-**	**-**	**-**	**229**	**973**	**1.294**	**5.229**	**-**	**-**	**9.639**	**41.439**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	**Thị Trấn**	Sông Yên	-	-	**1.602**	**6.402**											**1.602**	**6.402**					Trường học, UBND xã
2	**Minh Nghĩa**	Sông Yên	**50**	**190**	**586**	**2.376**					**50**	**190**	**111**	**451**			**475**	**1.925**					Trường học, UBND xã
3	**Thăng Long**	Sông Yên	-	-	**320**	**1.375**											**320**	**1.375**					Đồi núi, Trường học, UBND xã
	Thăng Long (không có đê)	Sông Yên	-	-	**250**	**1.375**											**250**	**1.375**					Đồi núi, Trường học, UBND xã
4	**Thăng Thọ**	Sông Yên	-	-	**580**	**2.905**											**580**	**2.905**					Trường học, UBND xã
	Thăng Thọ (không có đê)	Sông Yên	-	-	**580**	**3.167**											**580**	**3.167**					
5	**Thăng Bình**	Sông Yên	-	-	**127**	**480**											**127**	**480**					Đồi núi, Trường học, UBND xã
6	**Trường Trung**	Sông Yên	-	-	**1.184**	**4.643**							**39**	**166**			**1.145**	**4.477**					Đồi núi, Trường học, UBND xã
7	**Trường Minh**	Sông Yên	-	-	**33**	**141**							**33**	**141**									Đồi núi, Trường học, UBND xã
8	**Trường Giang**	Sông Yên	-	-	**1.031**	**4.032**											**1.031**	**4.032**					Trường học, UBND xã
9	**Vạn Thiện**	Sông Yên	-	-	**120**	**438**							**120**	**438**									Trường học, UBND xã
10	**Tế Nông**	Sông Hoàng	**16**	**78**	**124**	**600**					**16**	**78**	**30**	**148**			**94**	**452**					Trường học, UBND xã

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
12	Tân Thọ	Sông Nhơm	-	-	69	352											69	352					Trường học, UBND xã
13	Tân Khang	Sông Nhơm	-	-	61	275											61	275					Trường học, UBND xã
14	Trung ý	Sông Nhơm	-	-	672	2.563											672	2.563					Trường học, UBND xã
15	Minh Khôi	Sông Nhơm	28	126	230	943					28	126	50	225			180	718					Đồi núi, Trường học, UBND xã
16	Tế Thắng	Sông Nhơm	-	-	206	930											206	930					Trường học, UBND xã
17	Tế Nông	Sông Nhơm	-	-	530	2.493											530	2.493					Trường học, UBND xã
18	Trung Chính	Sông Nhơm	24	100	648	2.773					24	100	50	210			598	2.563					Trường học, UBND xã
19	Tế Lợi	Sông Nhơm	-	-	27	118							27	118									Trường học, UBND xã
20	Công Bình	Sông Thị Long	-	-	144	714							65	357			79	357					Đồi núi, Trường học, UBND xã
21	Yên Mỹ	Sông Thị Long	-	-	144	361							144	361									
22	Tượng Văn	Sông Thị Long	-	-	268	1.191							57	236			211	955					Đồi núi, Trường học, UBND xã
23	Tượng Sơn	Sông Thị Long	50	257	205	1.051					50	257	205	1.051									

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
24	**Công Chính**	Sông Thị Long	**8**	**38**	**334**	**1.273**					**8**	**38**	**136**	**427**			**198**	**846**					
25	**Tượng Lĩnh**	Sông Thị Long	**30**	**118**	**858**	**3.697**					**30**	**118**	**227**	**900**			**631**	**2.797**					
XIII	**THỊ XÃ BỈM SƠN**		**51**	**187**	**65**	**243**	-	-	-	-	**20**	**52**	**12**	**45**	**31**	**135**	**53**	**198**	-	-	-	-	
1	**Phường Lam Sơn**	sông Tam Điệp	**16**	**71**	**22**	**89**	-	-	-	-	-	-	**12**	**45**	**16**	**71**	**10**	**44**	-	-	-	-	
	Thôn Nghĩa Môn		4	21	8	35							4	13	4	21	4	22					Trường học, nhà văn hóa thôn
	Thôn Cổ Đam		12	50	12	46							8	32	12	50	4	14					Trường học, nhà văn hóa thôn
	Khu phố 2		-	-	2	8											2	8					Trường học, nhà văn hóa thôn
2	**Phường Đông Sơn**	Sông Tam Điệp	**25**	**90**	**30**	**112**	-	-	-	-	**10**	**26**	-	-	**15**	**64**	**30**	**112**	-	-	-	-	
	Thôn Liên Giang		5	22	5	21									5	22	5	21					Trường học, nhà văn hóa thôn
	Xóm Sơn Tây		4	17	6	24									4	17	6	24					Trường học, nhà văn hóa thôn
	Đông Thôn		3	12	6	25									3	12	6	25					Trường học, nhà văn hóa thôn
	Khu phố 3		3	13	-	-									3	13							
	Phường Đông Sơn		**10**	**26**	**13**	**42**					**10**	**26**	-	-	-	-	**13**	**42**	-	-			

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ (đối với thức sơ tá trung
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thôn Liên Giang	Sông Hoạt	6	13	9	27					6	13					9	27					Trường học, hóa thôn
	Thôn Xuân Nội	Sông Hoạt	4	13	4	15					4	13					4	15					Trường học, hóa thôn
XIV	**HUYỆN HÀ TRUNG**		**809**	**2.818**	**294**	**960**	-	-	-	-	**86**	**278**	**55**	**220**	**703**	**2.467**	**235**	**724**	**20**	**73**	**4**	**16**	
1	**Xã Hà Tiến**		-	-	**76**	**228**											**76**	**228**					
	Yên Phú	Sông Hoạt	-	-	6	18											6	18					Trường tiểu h
	Đồng Ô	Sông Hoạt	-	-	70	210											70	210					Trường tiểu h THCS, công
2	**Xã Hà Bắc**		**172**	**566**	-	-					**86**	**278**			**86**	**288**							
	Đà Sơn	Sông Hoạt	14	47	-	-									14	47							
	Song Nga	Sông Hoạt	86	278	-	-					86	278											
	Trạng Sơn	Sông Hoạt	40	138	-	-									40	138							
	Bắc Sơn	Sông Hoạt	32	103	-	-									32	103							
3	**Xã Hà Tân**		**207**	**714**	-	-									**207**	**714**							
	Vỹ Liệt	Sông Hoạt	37	153	-	-									37	153							
	Đô Mỹ	Sông Hoạt	116	352	-	-									116	352							
	Nam Thôn	Sông Hoạt	54	209	-	-									54	209							
4	**Xã Hà Giang**		**29**	**126**	**9**	**31**									**29**	**126**	**9**	**31**					

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Hòa Thuận		22	95	9	31									22	95	9	31					Nhà Văn hóa thôn
	Chánh Lộc		5	22	-	-									5	22							
	Quan Chiêm		2	9	-	-									2	9							
5	**Xã Yên Dương**		**139**	**470**	**30**	**72**	-	-	-	-	-	-	-	-	**139**	**470**	**30**	**72**	-	-	-	-	
	Trung chính		17	35	10	24									17	35	10	24					Nhà Văn hóa thôn
	Trung Tâm		18	37	10	25									18	37	10	25					Nhà Văn hóa thôn
	Yên Xá		15	35	10	23									15	35	10	23					Nhà Văn hóa thôn
	Cao Lũng		43	179	-	-									43	179							Nhà Văn hóa thôn
	Đoài Thôn		18	72	-	-									18	72							Nhà Văn hóa thôn
	Đông Thôn		7	30	-	-									7	30							Nhà Văn hóa thôn
	Thổ Khối		21	82	-	-									21	82							Nhà Văn hóa thôn
6	**Xã Hoạt Giang**		**28**	**110**	**59**	**236**	-	-	-	-	-	-	**55**	**220**	**8**	**37**	-	-	20	73	4	16	
	Vân Hưng	Sông Hoạt	5	25	2	8									5	25					2	8	Nhà Văn hóa thôn
	Vân Cẩm	Sông Hoạt	-	-	-	-																	Nhà Văn hóa thôn
	Vân Điền	Sông Hoạt	3	12	2	8									3	12					2	8	Nhà Văn hóa thôn
	Vân Yên	Sông Hoạt	20	73	-	-													20	73			Nhà Văn hóa thôn
	Yên Giang	Sông Hoạt	-	-	20	80							20	80									Nhà Văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	TỔNG SỐ DÂN PHẢI SƠ TÁN				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức BĐI				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐI đến BĐII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐII đến BĐIII				Số dân cần phải sơ tán khi lũ ở mức trên BĐIII				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*D*	*G*	*F*	*G*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*
	Thanh Ngoại	Sông Hoạt	-	-	28	112							28	112									Nhà Văn hóa thôn
	Trung Chính	Sông Hoạt	-	-	7	28							7	28									Nhà Văn hóa thôn
7	**Xã Hà Châu**		-	-	**29**	**99**											**29**	**99**					
	Thạch Lễ	Sông Hoạt	-	-	29	99											29	99					
8	**Xã Hà Vinh**		**129**	**448**	**91**	**294**									**129**	**448**	**91**	**294**	-	-	-	-	
	Đại Lợi	Sông Hoạt	10	45	16	63									10	45	16	63					Nhà Văn hóa thôn
	Đông Thị	Sông Hoạt	16	57	26	45									16	57	26	45					Nhà Văn hóa thôn
	Mỹ Quan	Sông Hoạt	12	46	49	186									12	46	49	186					Nhà Văn hóa thôn
	Đông Vinh	Tam Điệp	40	180	-	-									40	180							
	Tây Vinh	Tam Điệp	51	120	-	-									51	120							
9	**Xã Hà Hải**		**105**	**384**	-	-									**105**	**384**							
	Đông Yên	Sông Hoạt	14	49	-	-									14	49							
	Thôn 4	Sông Hoạt	91	335	-	-									91	335							
XV	**HUYỆN HOẰNG HÓA**		-	-	**32**	**130**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**32**	**130**	
1	**Hoằng Hà**	Sông Cung	-	-	**2**	**2**															**2**	**2**	***Chân núi***
2	**Hoằng Yến**	Sông Cung	-	-	**5**	**5**															**5**	**5**	***Chân núi***
3	**Hoằng Lưu**		-	-	**25**	**123**															**25**	**123**	
	Thôn Phượng Khê	Sông Cung	-	-	25	123															25	123	Nội đê

PHỤ LỤC 4:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN SÔNG (NƠI KHÔNG CÓ ĐÊ) CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ LŨ

Phụ lục 4: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN SÔNG (NƠI KHÔNG CÓ ĐÊ) CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**2.440**	**9.646**	**5.182**	**19.746**
1	Huyện Cẩm Thủy	-	-	744	2.246
2	Huyện Như Thanh	90	356	63	226
3	Huyện Ngọc Lặc	59	228		
4	Huyện Lang Chánh	14	52	10	48
5	Huyện Bá Thước	144	505	297	1.311
6	Huyện Quan Hóa	73	291	56	268
7	Huyện Thạch Thành	1.079	4.689	923	3.817
8	Huyện Thọ Xuân	875	3.135	1.454	5.283
9	Huyện Thường Xuân	29	93	1.635	6.547
10	Huyện Quan Sơn	67	264	-	-
11	Huyện Mường Lát	10	33		

Phụ lục 4: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC VEN SÔNG (NƠI KHÔNG CÓ ĐÊ) CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ LŨ, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH		**2.440**	**9.646**	**5.182**	**19.746**	
I	**HUYỆN CẨM THỦY**		**-**	**-**	**744**	**2.246**	
1	**Xã Cẩm Thành**		-	-	115	345	
	Thôn Chiềng Trám	Sông Mã			34	102	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Thành Long 2	Sông Mã			81	243	Nhà Văn hóa thôn
2	**Thị trấn Phong Sơn**		-	-	482	1.446	
	Thôn Cửa Hà 1	Sông Mã			16	48	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Dương Hệu	Sông Mã			104	312	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đồng Trạ	Sông Mã			100	300	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Gia Dụ	Sông Mã			262	786	Nhà Văn hóa thôn, trạm y tế, hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp
3	**Xã Cẩm Giang**		-	-	10	44	
	Thôn Gầm	Sông Mã			1	4	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Khuên	Sông Mã			4	15	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Vọng	Sông Mã			5	25	Nhà Văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
4	**Xã Cẩm Lương**		-	-	125	375	
	Thôn Kim Mẫm	Sông Mã			90	270	Trường Mầm non xã
	Thôn Lương Hòa Thuận	Sông Mã			35	105	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Cẩm Vân**		0	0	8	24	
	Thôn Tường Yên	Sông Mã			8	24	Nhà Văn hóa thôn
6	**Xã Cẩm Tú**		-	-	4	12	
	Thôn Liên Sơn	Sông Mã			4	12	Nhà Văn hóa thôn
II	**HUYỆN NHƯ THANH**		**90**	**356**	**63**	**226**	
1	**Thị trấn Bến Sung**		**82**	**323**	**51**	**182**	
	Khu phố 4	Sông Mực	2	8			Nhà văn Hoá thôn
	Xuân Lai	Sông Mực	20	80	6	24	Nhà văn Hoá thôn
	Cầu Máng	Sông Mực	40	160	30	120	Trụ sở UBND trị trấn
	Kim Sơn	Khe Rồng	20	75	15	38	Trụ sở UBND trị trấn
2	**Hải Long**		**8**	**33**	**12**	**44**	
	Thôn Hải Xuân	Khe Rồng	8	33			Nhà văn Hoá thôn
	Thôn Đồng Hải	Khe Rồng			3	11	Đồi sau làng
	Thôn Hải Hoà	Khe Rồng			9	33	Nhà văn Hoá thôn
III	**HUYỆN NGỌC LẶC**		**59**	**228**			

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	**Xã Lộc Thịnh**	**Sông Hép**	**7**	**26**			
	Ngã Hón		7	26			
2	**Ngọc Trung**		**17**	**56**			
	Thôn Trung Thành	Cầu Chày	7	29			
	Thôn Minh Lâm	Cầu Chày	6	9			
	Thôn Minh Xuân	Cầu Chày	4	18			
3	**Thạch Lập**	**Suối Cái**	**3**	**15**			
	Lương Thiện		2	10			
	Lập Thắng		1	5			
4	**Phùng Giáo**	**Sông Âm**	**21**	**83**			
	Làng Chuối		8	33			
	Làng Bằng		3	10			
	Hợp Thành		6	27			
	Làng Môn		2	5			
	Làng Chầm		2	8			
5	**Xã Phùng Minh**	**Sông Âm**	**11**	**48**			
	Làng Chu		4	11			
	Làng Cốc		6	31			

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Minh Lải		1	6			
IV	**HUYỆN LANG CHÁNH**		**14**	**52**	**10**	**48**	
1	**Xã Tam Văn**	**Sông Âm**			**2**	**9**	Xen ghép trong thôn
2	**Xã Tân Phúc**				**8**	**39**	
	Thôn Tân Lập	Sông Âm			8	39	Trường tiểu học Tân Phúc, khu Tân Lập
3	**Xã Trí Nang**		**14**	**52**			
	Bản Cảy	Sông Cảy	4	11			Xen ghép trong thôn
	Bản Giàng Vìn		10	41			Xen ghép trong thôn
V	**HUYỆN BÁ THƯỚC**		**144**	**505**	**297**	**1.311**	
1	**Xã Ái Thượng**		**-**	**-**	**168**	**765**	
	thôn Giổi	Sông Mã			27	103	hội trường thôn
	thôn Thung Tâm	Sông Mã			1	7	hội trường thôn
	thôn Đan	Sông Mã			1	9	hội trường thôn
	thôn Vèn	Sông Mã			30	134	hội trường thôn
	Thôn Mý	Sông Mã			34	144	hội trường thôn
	thôn Côn	Sông Mã			62	295	hội trường thôn
	thôn Trênh	Sông Mã			13	73	hội trường thôn
2	**Thị trấn Cành Nàng**		**-**	**-**	**102**	**439**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Phố 1 Lâm Xa				11	34	Trường tiểu học Lâm xa
	Phố 2 Lâm Xa				57	270	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mốt				5	23	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đắm				25	96	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Măng				4	16	Nhà văn hóa thôn
3	**Xã Điền Lư**		**14**	**42**	**3**	**12**	
	Thôn Điền Giang	Khe Đại Lạn	11	30			nhà dân trong thôn
	Thôn Điền Lý	Khe Đại Lạn	2	8	2	8	nhà dân trong thôn
	Thôn Triu	Khe Đại Lạn	1	4	1	4	nhà dân trong thôn
4	**Xã Ban Công**		**81**	**284**	**-**	**-**	
	thôn La Hán	Suối Nủa	71	247			Nhà văn hóa thôn
	thôn Cả	Sông Mã	10	37			Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Điền Trung**		**11**	**52**	**-**	**-**	
	Muỗng Do		2	10			nhà dân trong thôn
	Điền Thái		1	2			nhà dân trong thôn
	Thôn Kéo		8	40			nhà dân trong thôn
6	**xã Thiết Kế**		**-**	**-**	**24**	**95**	
	Thôn Chảy Kế	Sông Mã			2	8	Nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Luồng	Sông Mã			16	67	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cha	Sông Mã			2	9	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Khung	Sông Mã			4	11	Nhà văn hóa thôn
7	**xã Thiết Ống**		**38**	**127**	**-**	**-**	
	Thôn Thúy	Sông Mã	9	40			nhà dân trong thôn
	Thôn Thiết Giang	Sông Mã	1	3			nhà dân trong thôn
	Phố Bá Lộc	Sông Mã	9	23			nhà dân trong thôn
	Phố Đồng Tâm 3		2	5			nhà dân trong thôn
	Thôn Suội	Sông Mã	2	7			nhà dân trong thôn
	Thôn Chun	Sông Mã	1	3			nhà dân trong thôn
	Thôn Quyết Thắng	Sông Mã	4	13			nhà dân trong thôn
	Phố Đồng Tâm 1	Sông Mã	4	13			nhà dân trong thôn
	Phố Đồng Tâm 2	Sông Mã	1	2			nhà dân trong thôn
	Thôn Chiềng	Sông Mã	5	18			nhà dân trong thôn
VI	**HUYỆN QUAN HÓA**		**73**	**291**	**56**	**268**	
1	**Xã Phú Nghiêm**		**5**	**21**			
	Bản Cổi Khiêu	Mã	3	12			Nội vùng
	Bản Cang	Mã	1	5			Nội vùng

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Chăm	Mã	1	4			Nội vùng
2	**Xã Phú Xuân**		**1**	**5**			
	Bản Éo	Mã	1	5			Nội vùng
3	**Xã Phú Sơn**		**15**	**61**			
	Bản Chiềng	Mã	15	61			Nội vùng
4	**Xã Thành Sơn**		**45**	**170**			
	Bản Sơn Thành	Mã	3	13			Khu Pù Ác
	Bản Tân Hương	Mã	9	37			Tân Hương
	Bản Thành Yên	Mã	11	39			Thành Yên
	Bản Thành Tân	Mã	22	81			Thành Tân
5	**Xã Trung Thành**		**2**	**10**			
	Bản Chiềng	Mã	2	10			
6	**Xã Trung Sơn**		**3**	**15**	**56**	**268**	
	Bản Bó	Mã			12	54	Nội vùng
	Bản Pạo	Mã			15	67	Nội vùng
	Chiềng	Mã			7	45	Nội vùng
	Bản Co Me	Mã			22	102	Nội vùng
	Bản Xước	Mã	3	15			Nội vùng

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
7	**Xã Thiên Phủ**		**2**	**9**			
	Bản Sài	Sông Luồng	2	9			Nội vùng
VII	**HUYỆN THẠCH THÀNH**		**1.079**	**4.689**	**923**	**3.817**	
1	**Xã Thạch Lâm**		**204**	**890**			
	Thôn Biện	S.Bưởi	81	360			
	Thôn Đồi	S.Bưởi	69	315			
	Thôn Nghéo	S.Bưởi	25	97			
	Thôn Thống Nhất	S.Bưởi	21	84			
	Thôn Nội Thành	S.Ngang	5	21			
	Thôn Đăng Thượng	S.Ngang	3	13			
2	**Xã Thạch Quảng**		**81**	**374**			
	Quảng Giang	S. Bưởi	56	271			
	Quảng Tân	S. Bưởi	14	59			
	Quảng Thắng	S. Bưởi	9	42			
	Quảng Bình	S. Bưởi	2	2			
3	**Xã Thạch Cẩm**		**292**	**1.403**			
	Thôn Xuân Long	S. Bưởi	82	503			
	Thôn Thành Quang	S. Bưởi	42	176			

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Cẩm Lợi 1	S. Bưởi	69	303			
	Thôn Cẩm Lợi 2	S. Bưởi	24	122			
	Thôn Thạch Yến	S. Bưởi	36	145			
	Thôn Thạch Môn	S. Bưởi	39	154			
4	**Xã Thạch Bình**		**31**	**158**			
	Thôn Yên Khánh	S. Bưởi	7	34			
	Thôn Yên Phú	S. Bưởi	24	124			
5	**Xã Thạch Định**		**107**	**323**			
	Thạch An	S. Bưởi	14	45			
	Định Hưng	S. Bưởi	74	217			
	Định Tân	S. Bưởi	19	61			
6	**Xã Thạch Sơn**		**335**	**1.410**			
	Bình Chính	Sông Bưởi	103	465			
	Bình Sậy	S. Bưởi	17	68			
	Liên Sơn	S. Bưởi	7	32			
	Đồng Hương	S. Bưởi	44	173			
	Tân Sơn	S. Bưởi	164	672			
7	**TT Kim Tân**				**150**	**585**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Khu phố 6	S. Bưởi			24	79	Đồi Gai khu 4
	Thôn Ngọc Bồ	S. Bưởi			111	456	Đồi Lau
	Thôn 2 Tân Sơn	S. Bưởi			15	50	Đồi Lau
8	**Xã Thành Hưng**				**24**	**93**	
	Thôn Hợp Tiến	S. Bưởi			3	12	Nhà VH thôn
	Thôn Liên Hưng	S. Bưởi			1	6	Nhà VH thôn
	Thôn Phú Thành	S. Bưởi			17	63	Nhà VH thôn
	Thôn Hoàng Thành	S. Bưởi			2	7	Nhà VH thôn
	Thôn Trường Thành	S. Bưởi			1	5	Nhà VH thôn
9	**Xã Thành Mỹ**				**487**	**1.995**	
	Đồng Luật	S. Bưởi			27	123	Nhà VH thôn
	Phong Phú	S. Bưởi			91	391	Đồi Me, Chòm Cò
	Vân Đình	S. Bưởi			51	202	Đình Mường Đòn
	Vân Tiến	S. Bưởi			134	595	Rừng Chẹo, Đồi Vó
	Tây Hương	S. Bưởi			98	340	Nhà VH thôn, Dốc Đơ
	Lệ Cẩm 1	S. Bưởi			60	241	Nhà VH thôn
	Lệ Cẩm 2	S. Bưởi			26	103	Nhà VH thôn
10	**Xã Thành Vinh**		**29**	**131**	**4**	**17**	

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thống Nhất	S. Bưởi	5	21			
	Quyết Thắng	S. Bưởi	8	38	1	4	Nhà VH thôn
	Tân Long	S. Bưởi	10	48	2	9	Nhà VH thôn
	Lộc Phượng 1	S. Bưởi	3	13	1	4	Nhà VH thôn
	Bãi Cháy	S. Bưởi	2	8			
	Hồi Phú	S. Bưởi	1	3			
11	**Xã Thành Trực**				**258**	**1.127**	
	Đa đụn	S. Bưởi			78	317	Nhà VH, khu đồi cao
	Vọng Thủy	S. Bưởi			56	277	Nhà VH thôn
	Ngọc Nước	S. Bưởi			38	167	Trạm Y tế xã
	Chính Thành	S. Bưởi			26	105	Nhà VH, khu đồi cao
	Định Thành	S. Bưởi			60	261	Nhà VH, khu đồi cao
VIII	**HUYỆN THỌ XUÂN**		**875**	**3.135**	**1.454**	**5.283**	
1	**Xã Xuân Bái**		**28**	**106**	**32**	**129**	
	Thôn Xuân Tân	Hữu sông Chu	6	27			Hộ dân trong thôn (19 hộ)
	Thôn Quyết Thắng 1	Hữu sông Chu	15	49	32	129	Khu vực nhà máy nước (đồi Tòa đại)
	Thôn Quyết Thắng 2	Hữu sông Chu	7	30			Hộ dân trong thôn (7 hộ)
2	**TT Lam Sơn**		**164**	**541**	-	-	

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Lam Sơn	Hữu sông Chu	144	462			Nhà văn hóa TT Lam Sơn
	Thôn Hào Lương		20	79			Nhà Văn hóa thôn
3	**Xã Xuân Thiên**		**683**	**2.488**	**1.422**	**5.154**	
	Thôn Hiệp Lực	HSC	12	52	209	806	VP Thôn Hiệp L:ực
	Thôn Đại Đồng	HSC	17	68	173	585	VP Thôn Đại Đồng
	Thôn Quảng Phúc	HSC	75	311	226	848	Chùa Quảng Phúc
	Thôn Tân Thành	HSC	101	330	139	530	VP Thôn Tân Thành
	Thôn Thống Nhất	HSC	47	171	135	410	VP Thôn Thống Nhất
	Thôn Cộng Lực	HSC	99	360	151	557	Trường THCS Xuân Thiên
	Thôn Hòa Bình	HSC	95	368	151	572	Trường Mầm Non Xuân Thiên
	Thôn Quảng Ích 1	HSC	111	399	88	343	Trường Tiểu học Xuân Thiên
	Thôn Quảng Ích 2	HSC	108	345	98	351	Trường Tiểu học Xuân Thiên
	Thôn Đồng Cổ	HSC	18	84	52	152	VP Thôn Đồng Cổ, Gốc Thị
IX	**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**		**29**	**93**	**1.635**	**6.547**	
1	**Thị trấn**		**3**	**9**	**13**	**64**	
	Thôn Thanh Xuân	Sông Bù Đồn			7	38	Nhà Văn hóa thôn
	Thông Trung Chính		3	9			
	Thông Tiến Sơn 1				5	22	Vụng Láu

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thông Xuân Minh				1	4	Nhà Văn hóa thôn
2	**Xã Xuân Dương**				**1.502**	**5.963**	
	Thôn Thống Nhất 1	Sông Chu			287	1.110	Đồi Công trên
	Thôn Thống Nhất 2				260	920	Đồi Công trên
	Thôn Thống Nhất 3				230	880	Đồi Công phủ
	Thôn Xuân Thịnh				185	794	Đồi Công dưới
	Thôn Vụ Bản	Sông Chu, Sông Âm			375	1.589	Đồi Công dưới
	Thôn Tân Lập	Sông Âm			165	670	Đồi Công dưới
3	**Xã Thọ Thanh**				**120**	**520**	
	Thôn Đông Xuân	Sông Chu			45	200	Trường cấp 1,2
	Thôn Hồng Kỳ				25	110	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Long				30	140	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Cao				20	70	Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Vạn Xuân**		**9**	**28**			
	Lùm Nưa	Sông Đằn	9	28			
5	**Xã Xuân Lộc**		**17**	**56**			
	Thôn Chiềng	Sông Chu	5	9			
	Thông Pà Cầu		12	47			

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
X	**HUYỆN QUAN SƠN**		**67**	**264**	-	-	
1	**Xã Na Mèo**		**4**	**14**	-	-	
	Bản Na Mèo	Sông Luồng	2	10			
	Bản Ché Lầu	Sông Luồng	2	4			
2	**Xã Mường Mìn**		**4**	**18**			
	Bản Bơn	Suối Yên	4	18			
3	**Xã Sơn Thủy**		**16**	**78**			
	Bản Mùa Xuân	Suối Xia	4	19			
	Bản Xía Nọi	Suối Xia	8	43			
	Bản Khà	Suối Xia	3	13			
	Bản Hiết	Sông Luồng	1	3			
4	**Xã Sơn Điện**		**37**	**128**			
	Bản Tân Sơn	Sông Luồng	4	13			
	Bản Nhài	Suối	4	18			
	Bản Na Nghịu	Sông Luồng	5	18			
	Bản Na Hồ	Suối	7	32			
	Bản Xuân Sơn	Sông Luồng	17	47			
5	**Thị trấn Sơn Lư**		**2**	**10**			

TT	Thôn, xã	Triền sông	Số dân ở khu vực ven sông (nơi không có đê) cần phải sơ tán khi có lũ				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
			Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
			Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*C*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Păng	Suối	2	10			
6	**Xã Tam Lư**		**3**	**13**			
	Bản Sại	Sông Lò	3	13			
7	**Xã Trung Xuân**		**1**	**3**			
	Bản Phụn	Sông Lò	1	3			
XI	**HUYỆN MƯỜNG LÁT**		**10**	**33**			
1	**Thị trấn Mường Lát**	**Sông Mã**	**6**	**19**			Xen ghép các hộ an toàn trong bản
2	**Xã Trung Lý**	**Sông Mã**	**4**	**14**			Xen ghép các hộ an toàn trong bản

PHỤ LỤC 5:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở VÙNG TRŨNG THẤP CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ MƯA LỚN

Phụ lục 5: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở VÙNG TRŨNG THẤP CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ MƯA LỚN, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**16.044**	**61.353**	**7.721**	**31.304**
1	**Huyện Triệu Sơn**	808	3.114	550	2.052
2	**Huyện Như Thanh**	95	371	33	140
3	**Huyện Cẩm Thủy**			141	549
4	**Thành phố Sầm Sơn**	3.140	12.503	1.128	4.966
5	**Huyện Ngọc Lặc**	87	335		
6	**Huyện Tĩnh Gia**	791	3.509	886	3.857
7	**Huyện Như Xuân**	199	804	42	158
8	**Huyện Bá Thước**	102	433	4	12
9	**Huyện Lang Chánh**	6	21		
10	**Huyện Quan Hóa**	123	535		
11	**Huyện Thạch Thành**	676	2.754	37	154
12	**Huyện Hà Trung**	4.525	15.876	187	629

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn			
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*
13	**Huyện Thọ Xuân**	200	737	953	3.447
14	**Huyện Vĩnh Lộc**	3	12	452	1.582
15	**Huyện Nông Cống**			2.131	8.996
16	**Huyện Thường Xuân**	37	163	426	1.893
17	**Huyện Yên Định**	963	4.069	751	2.869
18	**Huyện Nga Sơn**	185	563		
19	**Thị xã Bỉm Sơn**	18	93		
20	**Huyện Hậu Lộc**	4.086	15.461		

Phụ lục 5: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở VÙNG TRŨNG THẤP CÓ NGUY CƠ NGẬP LỤT KHI CÓ MƯA LỚN, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**16.044**	**61.353**	**7.721**	**31.304**	
I	**HUYỆN TRIỆU SƠN**	**808**	**3.114**	**550**	**2.052**	
1	**Xã Thọ Dân**			**116**	**385**	
	Thôn Đại Vàng			108	350	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Nhật Nội			8	35	Nhà Văn hóa thôn
2	**Xã Thọ Cường**			**63**	**177**	
	Thôn 4			36	103	Hội trường UBND xã
	Thôn 7			27	74	Nhà Văn hóa thôn
3	**Xã Đồng Thắng**	**45**	**205**			
	Thôn Đại Đồng 1	4	15			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đại Đồng 2	3	12			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đại Đồng 3	3	11			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Xuân	14	60			Nhà văn hóa thôn
	Thôn Nhạ Lọc	21	107			Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Triệu Thành**	**67**	**273**			
	Thôn Châu Thành	14	55			Nhà Văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Sơn Hương	18	72			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Sơn Trung	24	101			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Cát lợi	11	45			Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Dân Lực**	**182**	**670**			
	Thôn Thiện Chính	60	220			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Phúc Hải	90	330			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đô Xá	32	120			Nhà Văn hóa thôn
6	**Xã Dân Lý**	**5**	**17**	**24**	**94**	
	Thôn 1	2	8			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 2			9	38	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 3	1	4			Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 6	2	5	7	16	Nhà Văn hóa thôn
	Phố Thiều			8	40	Nhà Văn hóa thôn
7	**Xã Hợp Lý**	-	-	**17**	**75**	
	Thôn Đông Thành			17	75	Đồi Đồng Cà
8	**Xã Thọ Tân**	-	-	**51**	**205**	
	Thôn 6			51	205	Nhà văn hóa thôn
9	**Xã Thọ Ngọc**	**15**	**65**	**279**	**1116**	
	Thôn 1	15	65			Nhà văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn 2			7	26	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3			142	570	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 4			130	520	Nhà văn hóa thôn
10	**Xã Xuân Lộc**	**33**	**150**	-	-	
	Thôn Thủy Tú	33	150			Nhà văn hóa thôn
11	**Xã Khuyến Nông**	**65**	**270**	-	-	
	Thôn Hoàng Giang	65	270			Nhà văn hóa thôn
12	**Thị Trấn Nưa**	**186**	**652**	-	-	
	Thôn 5	94	376			Nhà văn hóa khu phố 5
	Thôn 6	92	276			Nhà văn hóa khu phố 6
13	**Xã Dân Quyền**	**210**	**812**	-	-	
	Thôn 7	90	368			Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	120	444			Nhà văn hóa thôn
II	**HUYỆN NHƯ THANH**	**95**	**371**	**33**	**140**	
1	**Xã Cán Khê**	**12**	**43**	-	-	
	Thôn 11	10	37			
	Thôn 9	2	6			
2	**Xã Xuân Thái**	**2**	**7**	-	-	
	Thôn Cây Nghia	1	3			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Làng Lúng	1	4			
3	**Xã Phú Nhuận**	**67**	**263**	-	-	
	Thôn Khe Sình	12	45			
	Thôn Thung Khế	11	43			
	Thôn Phú Nhuận	5	21			
	Thôn Phú Sơn	26	98			
	Thôn Thanh Sơn	6	23			
	Thôn Phú Phượng 4	6	29			
	Thôn Đồng Sinh	1	4			
4	**TT. Bến Sung**	-	-	**18**	**70**	
	Thôn Xuân Lai			6	18	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Kim Sơn			7	32	Nhà Văn hóa thôn
	Khu phố 4			5	20	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Thanh Tân**	**6**	**28**	**4**	**12**	
	Thôn Hợp Nhất	6	28	4	12	Nhà Văn hoá thôn
6	**Xã Thanh Kỳ**	-	-	**11**	**58**	
	Thôn Thanh Trung			7	43	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Kỳ Thượng			1	2	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Kim Đồng			3	13	Nhà Văn hoá thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
7	**Xã Hải Long**	**8**	**30**			
	Thôn Đồng Hải	3	11			
	Thôn Hải Hòa	5	19			
III	**HUYỆN CẨM THỦY**	**-**	**-**	**141**	**549**	
1	**Xã Cẩm Thành**	**-**	**-**	**14**	**43**	
	Thôn Chiềng Trám			11	28	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thành Long 2			3	15	Nhà Văn hoá thôn
2	**Thị trấn Phong Sơn**	**-**	**-**	**111**	**442**	
	Thôn Cửa Hà 1			2	8	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Dương Hệu			13	52	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Đồng Trạ			3	10	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Gia Dụ			93	372	Nhà Văn hóa thôn, trạm y tế, hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp
3	**Xã Cẩm Giang**	**-**	**-**	**2**	**8**	
	Thôn Gầm			2	8	Nhà Văn hoá thôn
4	**Xã Cẩm Lương**	**-**	**-**	**12**	**50**	
	Thôn Kim Mẫm			9	35	Trường Mầm non xã
	Thôn Lương Hòa Thuận			3	15	Nhà Văn hoá thôn
5	**Xã Cẩm Vân**	**-**	**-**	**2**	**6**	
	Thôn Tường Yên			2	6	Nhà Văn hoá thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
IV	**THÀNH PHỐ SẦM SƠN**	**3.140**	**12.503**	**1.128**	**4.966**	
1	**Phường Quảng Vinh**	**632**	**2.562**	**680**	**2.850**	
	Khu phố Quang Minh	80	250	110	450	
	Khu phố Thanh Minh	103	410	100	420	
	Khu phố Hồng Hải	121	502	120	480	Khu vực Thống Nhất - Hướng Chùa An Dương Vương - TP. Thanh Hóa
	Khu phố Đông Đức	115	460	130	550	
	Khu phố Tây Nam	104	470	100	420	
	Khu phố Nam Bắc	109	470	120	530	
2	**Phường Quảng Tiến**	**38**	**178**	**-**	**-**	
	Khu phố Trung Thịnh	18	72			
	Khu phố Tân Lập	20	106			
3	**Phường Trung Sơn**	**107**	**412**	**222**	**1.174**	
	Khu phố Nam Hải	48	188	12	46	Trường Tiểu học 1
	Khu phố Bắc Kỳ	32	142	10	42	
	Khu phố Trung Kỳ	27	82	200	1.086	Trường Tiểu học 2
4	**Phường Bắc Sơn**	**1.537**	**6.314**	**78**	**304**	
	Tổ dân phố Hải Thành	565	2.766	14	68	Nhà Văn hóa
	Khu phố Long Sơn	250	950	5	19	Nhà Văn hóa
	Khu phố Khánh Sơn	368	1.288	5	18	Nhà Văn hóa

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Tổ dân phố Lập Công	354	1.310	54	199	Nhà Văn hóa
5	**Phường Quảng Cư**	**90**	**301**	**-**	**-**	
	Khu phố Quang Vinh	90	301			Trường cấp 1, cấp 2
6	**Xã Quảng Minh**	**31**	**137**	**77**	**384**	
	Thôn 1	7	28	11	55	Trường Chu văn An
	Thôn Phúc Quang	5	20	9	36	Trường Chu văn An
	Thôn Trường Thịnh	5	20	10	58	Trường Chu văn An
	Thôn Đà Trung	5	24	7	35	Trường Chu văn An
	Thôn Minh Thiện	9	45	40	200	Trường Chu văn An
7	**Phường Trường Sơn**	**354**	**1.328**	**-**	**-**	
	Khu phố Vinh Sơn	354	1.328			Đồn biên phòng
8	**Phường Quảng Châu**	**351**	**1.271**	**71**	**254**	
	Châu Lọc	189	650	38	130	Trường Mầm Non, Trạm Y tế
	Châu Giang	162	621	33	124	Trường Mầm Non, Trạm Y tế
V	**HUYỆN NGỌC LẶC**	**87**	**335**	**-**	**-**	
1	**Xã Lộc Thịnh**	**6**	**34**			
	Ngã Hón	6	34			
2	**Cao Thịnh**	**72**	**252**			
	Lim Còm	3	14			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Khang Ninh	4	14			
	Làng Mai	1	4			
	Cao Thắng	12	34			
	Cao Khánh	18	54			
	Cao Sơn	17	71			
	Thôn Z111	17	61			
3	**Phùng Minh**	**9**	**49**			
	Làng Mui	9	49			
VI	**HUYỆN TĨNH GIA**	**791**	**3.509**	**886**	**3.857**	
1	**Xã Tĩnh Hải**	**30**	**125**	**28**	**124**	
	Thôn Liên Vinh	8	41	10	54	Trường cấp 2; Nhà văn hóa thôn
	Thôn Trung Sơn	22	84	18	70	Trường cấp 1,2; Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Hải Châu**	**200**	**870**	**509**	**2.254**	
	Thôn Yên Châu			340	1.595	Trường tiểu học
	Thôn Bắc Châu			129	470	Trường trung học
	Thôn Nam Châu			40	189	
	Thôn Liên Thành	120	570			
	Thôn Liên Hải	60	190			
	Thôn Thanh Đông	20	110			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
3	**Xã Tùng Lâm**	**218**	**719**	-	-	
	Thôn Khoa Trường	8	37			
	Thôn Trường Sơn 2	23	79			
	Thôn Trường Sơn	31	121			
	Thôn Lương Bình	24	101			
	Thôn Thế Vinh	132	381			
4	**Xã Bình Minh**	-	-	**152**	**537**	
	Thôn Sơn Hải			17	67	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Quý Hải			70	295	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Khánh			25	140	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Đông			40	35	Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Anh Sơn**	-	-	**172**	**837**	
	Thôn Kiều			10	50	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Yên Tôn			20	85	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cổ Trinh			22	82	Nhà văn hóa thôn
	Thôn An Cư			120	620	Nhà văn hóa thôn
6	**Xã Các Sơn**	**343**	**1.795**	-	-	
	Thôn Các	114	599			
	Thôn Hoành Sơn	229	1.196			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
7	**Xã Thanh Sơn**	**-**	**-**	**25**	**105**	
	Thôn Sơn Hạ			25	105	Trụ sở UBND xã; trường trung học cơ sở, trường tiểu học
VII	**HUYỆN NHƯ XUÂN**	**199**	**804**	**42**	**158**	
1	**Xã Thanh Hòa**	**51**	**183**	**4**	**12**	
	Thôn Thanh Sơn	51	183	4	12	Nhà Văn hóa thôn
2	**Xã Thanh Quân**	**5**	**17**	**-**	**-**	
	Thôn Chiềng Cà	5	17	-	-	
3	**Xã Cát Tân**	**22**	**98**	**-**	**-**	
	Thôn Thanh Vân	14	61	-	-	
	Thôn Phụ Vân	2	11	-	-	
	Thôn Cát Thịnh	6	26	-	-	
4	**Xã Thanh Lâm**	**58**	**245**	**-**	**-**	
	Làng Kha	45	195	-	-	
	Làng Chảo	7	27	-	-	
	Làng Xằm	2	8	-	-	
	Đoàn Trung	4	15	-	-	
5	**Xã Hóa Quỳ**	**55**	**226**	**19**	**83**	
	Thôn Xuân Hương	6	23	3	15	Trạm Kiểm Lâm
	Thôn Thanh Hương	20	79	8	36	Nhà VH thôn, Trường Tiểu học

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Làng Chuối	3	16	2	9	Hộ gia đình Ông Kiên
	Thôn Xuân Thành	8	32	6	23	Trạm kiểm lâm Bến En, hộ ông Hưởng
	Thôn Thịnh Lạc	9	36	-	-	
	Thôn Đồng Xuân	6	26	-	-	
	Thôn Thanh Tân	2	9	-	-	
	Thôn Thanh Xuân	1	5	-	-	
6	**Xã Bãi Trành**	**-**	**-**	**19**	**63**	
	Thôn Cầu	-	-	4	13	Công sở xã
	Xuân Khánh	-	-	15	50	Công sở xã
7	**Xã Bình Lương**	**8**	**35**	**-**	**-**	
	Thôn Hợp Thành	4	17	-	-	
	Làng Mài	4	18	-	-	
VIII	**HUYỆN BÁ THƯỚC**	**102**	**433**	**4**	**12**	
1	**Xã Điền Trung**	**32**	**128**			
	Rầm Tám	32	128			nhà dân trong thôn
2	**xã Lũng Cao**	**22**	**98**			
	thôn Pốn Thành Công	20	94			Trường THCS cũ
	thôn Nủa	2	4			nhà văn hóa thôn
3	**xã Lương Ngoại**	**41**	**179**			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Giầu Cả	37	159			nhà văn hóa thôn
	Thôn Ngọc Sinh	4	20			nhà văn hóa thôn
4	**xã Điền Thượng**	**7**	**28**	**4**	**12**	
	Chiềng Má	2	6			UBND xã
	Chiềng Mưng	2	8			UBND xã
	Thôn Bả	2	9	4	12	UBND xã
	Thôn Lau	1	5			UBND xã
IX	**HUYỆN LANG CHÁNH**	**6**	**21**			
1	**Xã Giao An**	**2**	**6**			
	Thôn Chiềng Nang	2	6			Xen ghép trong thôn
2	**Xã Trí Nang**	**4**	**15**			
	Bản En	4	15			Xen ghép trong thôn
X	**HUYỆN QUAN HÓA**	**123**	**535**			
1	**Thị trấn Hồi Xuân**	**72**	**339**			
	Bản Khằm	12	50			Nội vùng
	Bản Cốc	25	112			Nội vùng
	Bản Mướp	2	87			Nội vùng
	Bản Khu Phố	28	65			Nội vùng
	Khu 1	5	25			Nội vùng

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
2	**Xã Thành Sơn**	**39**	**146**			
	Bản Sơn Thành	31	109			Khu Pù Ác
	Bản Thành Tân	8	37			Nội vùng
3	**Xã Trung Thành**	**9**	**35**			
	Bản Chiềng	9	35			Nội vùng
4	**Xã Thiên Phủ**	**3**	**15**			
	Bản Sài	3	15			Nội vùng
XI	**HUYỆN THẠCH THÀNH**	**676**	**2.754**	**37**	**154**	
1	**Xã Thành Tân**	**49**	**216**			
	Thôn Hòa Sơn	33	146			
	Thôn Cát Thành	16	70			
2	**Thị trấn Vân Du**	**54**	**211**			
	Thôn Vân Du	6	25			
	Thôn Yên Lão	14	49			
	Thôn Sơn Để	34	137			
3	**Xã Ngọc Trạo**	**15**	**60**			
	Thôn Ngọc Thanh	8	28			
	Thôn Ngọc Long	3	13			
	Thôn Ngọc Trạo	3	16			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Dọc Dành	1	3			
4	**Xã Thạch Đồng**	**31**	**139**			
	Thôn Phú An	16	72			
	Thôn Phú Ninh	15	67			
5	**Xã Thành Long**	**51**	**177**			
	Thôn Eo Bản	51	177			
6	**Xã Thành Công**	**29**	**143**			
	Thôn Bông Bụt	17	85			
	Thôn Đồng Chư	12	58			
7	**Xã Thành Trực**	**35**	**125**			
	Thôn Xuân Thành	11	38			
	Thôn Thủ Chính	24	87			
8	**Xã Thành Tiến**	**321**	**1.319**	**37**	**154**	
	Thôn 1	19	81			
	Thôn 2	37	152	5	25	Nhà văn hoá thôn
	Thôn 3	53	217	6	28	Nhà văn hoá thôn
	Thôn 4	63	269			
	Thôn 5	73	288	10	39	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Vân Lương	76	312	16	62	Nhà văn hoá thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
9	**Xã Thành Thọ**	**91**	**364**			
	Thôn Bùi	9	36			
	Thôn Thọ Trường	35	147			
	Thôn Đự	47	181			
XII	**HUYỆN HÀ TRUNG**	**4.525**	**15.876**	**187**	**629**	
1	**Hà Tiến**	**508**	**1.615**	101	294	
	Đồng Bồng	75	225			
	Đồng Ô	100	280	6	18	Trường Tiểu học, THCS
	Bái Sơn	144	489	65	195	Trường Tiểu học, THCS
	Đầm Sen	81	227	30	81	Trường Tiểu học, THCS
	Hương Đạm	50	200			
	Đồng Tiến	58	194			
2	**Hà Giang**	**12**	**48**			
	Quan Chiêm	1	6			
	Mỹ Dương	8	30			
	Chánh Lộc	3	12			
3	**Hà Tân**	**497**	**2.012**			
	Vỹ Liệt	37	153			
	Đô Mỹ	280	1.020			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Nam Thôn	180	839			
4	**Yên Dương**	**210**	**764**			
	Trung Chính	10	25			
	Trung Tâm	15	35			
	Yên Xá	5	20			
	Cao Lũng	87	321			
	Đoài Thôn	61	236			
	Đông Thôn	23	95			
	Thổ Khối	9	32			
5	**Hà Bắc**	**273**	**819**			
	Song Nga	105	315			
	Bắc Sơn	42	126			
	Trạng Sơn	56	168			
	Đà Sơn	70	210			
7	**Hoạt Giang**	**61**	**273**	86	335	
	Vân Hưng	9	37			
	Vân Xá	29	132			
	Vân Thu	12	55			
	Vân Trụ	11	49	26	97	Nhà Văn hóa thôn

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Vân Cẩm			5	18	Nhà Văn hóa thôn
	Yên Giang			20	80	Nhà Văn hóa thôn
	Thanh Ngoại			28	112	Nhà Văn hóa thôn
	Trung Chính			7	28	Nhà Văn hóa thôn
8	**Hà Châu**	**948**	**3.050**			
	Thạch lễ	83	102			
	Ngọc chuế 1	131	408			
	Ngọc chuế 2	184	579			
	Nga đông	153	568			
	Nga trung	105	382			
	Minh hòa	83	305			
	Nga nam	209	706			
10	**Hà Vinh**	**52**	**154**			
	Đại Lợi	4	18			
	Đông Thị	5	27			
	Mỹ Quan	3	14			
	Đông Vinh	15	42			
	Tây Vinh	25	53			
11	**Hà Hải**	**1.237**	**4.381**			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn 1	192	768			
	Thôn 2	181	644			
	Thôn 3	91	274			
	Thôn 4	180	576			
	Đông Yên	247	976			
	Yên Thôn	211	689			
	Tùng Thi	135	454			
12	**Hà Lai**	**483**	**1.932**			
	Vân Cô	483	1932			
13	**Hà Long**	**115**	**325**			
	Gia Miêu	70	210			
	Đại Sơn	45	115			
14	**Hà Đông**	**19**	**50**			
	Kim Hưng	1	3			
	Kim Phát	3	8			
	Kim Tiên	6	14			
	Kim Thành	5	13			
	Núi Gà	4	12			
15	**Yến Sơn**	**44**	**156**			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bình Lâm	25	95			
	Chuế Cầu	15	45			
	Đắc Cốc	4	16			
16	**Thị trấn**	**8**	**32**			
	Tương Lạc	8	32			
17	**Hà Sơn**	**58**	**265**			
	Cẩm Cường	58	265			
XIII	**HUYỆN THỌ XUÂN**	**200**	**737**	**953**	**3.447**	
1	**Xã Xuân Bái**	**13**	**53**			
	Thôn Xuân Tân	13	53			Hộ dân trong thôn (19 hộ)
2	**TT Lam Sơn**	**50**	**198**			
	Khu 6	50	198			Nhà văn hóa Khu 6
3	**Xã Xuân Phú**	**64**	**192**	**43**	**137**	
	Thôn Bàn Lai	23	69	26	82	Trung tâm văn hóa của thôn
	Thôn Của Trát	29	85	17	55	Trung tâm văn hóa của thôn
	Thôn Đồng Cốc	12	38			Trung tâm văn hóa của thôn
4	**Xã Thuận Minh**			**656**	**2.629**	
	Thôn 1			87	348	Nhà văn hóa thôn 1
	Thôn 2			56	224	Nhà văn hóa thôn 2

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn 3			57	228	Khu Ngọc Trăn thôn 3
	Thôn 4			95	380	Nhà văn hóa thôn 4
	Thôn 5			70	280	Nhà văn hóa thôn 5
	Thôn 7			102	408	Trường THCS
	Thôn 8			89	356	Khu vực chợ Châu
	Thôn 1 YL			45	185	Trường Tiểu học
	Thôn LT			55	220	Nhà Văn hóa thôn 6, 7 cũ
5	**Xã Xuân Tín**			**209**	**516**	
	Xóm Phủ Lịch, Trại Nu			209	516	Đồi nhà cô, Đồi Tàu voi
6	**Xã Trường Xuân**	**43**	**181**	**45**	**165**	
	Thôn Thọ Tân	15	55			
	Thôn Phong Mỹ			35	130	Nhà Văn hóa thông Phong Mỹ
	Thôn Ngọc Quang	21	86	10	35	Nhà Văn hóa thôn Ngọc Quang
	Thôn Cao Phú	7	40			
7	**Xã Xuân Lập**	**30**	**113**			
	Thôn Phú Vinh	10	36			
	Thôn Đại Thắng	8	31			
	Xóm trại, Trung Lập 3	12	46			
XIV	**HUYỆN VĨNH LỘC**	**3**	**12**	**452**	**1.582**	

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	**Xã Vĩnh Yên**			**286**	**953**	
	Thôn Mỹ Xuyên			184	553	Chân núi Phù lưu phía sau làng
	Thôn Mỹ Sơn			102	400	Chân núi Phù lưu phía sau làng
2	**Xã Vĩnh Tiến**			**48**	**154**	
	Thôn Tây Giai			30	120	Thành nhà Hồ
	Thôn Xuân Giai			18	34	Trường cấp I,II xã Vĩnh Tiến
3	**Xã Ninh Khang**			**2**	**8**	
	Thôn Thọ Vực			2	8	Nhà Văn hóa thôn
4	**Xã Vĩnh Hùng**	**3**	**12**	**3**	**12**	
	Thôn Xóm Đông Thắng	3	12	3	12	Nhà văn hóa thôn, cự ly 300m
5	**Xã Minh Tân**			**13**	**49**	
	Thôn 2			4	17	Trường PTTH Tống Duy Tân
	Thôn 3			1	2	Trường THCS Vĩnh Tân
	Thôn 4			4	13	Trường THCS, tiểu học Vĩnh Tân
	Thôn 5			4	17	Trường tiểu học Vĩnh Tân
6	**Xã Vĩnh Long**			**28**	**89**	
	Thôn Cầu Mư			13	37	Núi Bèo
	Thôn Đông Môn			15	52	Núi Bèo
7	**Xã Ninh Khang**			**72**	**317**	

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Khang Hải			43	192	Trường cấp I-II xã
	Thôn Khang Đình			16	68	Trường cấp I-II xã
	Thôn Khang Tân			13	57	Trường cấp I-II xã
XV	**HUYỆN NÔNG CỐNG**			**2.131**	**8.996**	
1	**Thị Trấn**			499	2.245	Trường học, UBND xã
2	**Xã Minh Nghĩa**			28	135	Trường học, UBND xã
3	**Xã Thăng Bình**			94	375	Đồi núi, Trường học, UBND xã
4	**Xã Trường Giang**			535	2.093	Trường học, UBND xã
5	**Xã Minh Khôi**			96	390	Trường học, UBND xã
6	**Xã Tượng Văn**			167	653	Đồi núi, Trường học, UBND xã
7	**Xã Công Chính**			99	419	Đồi núi, Trường học, UBND xã
8	**Xã Tượng Lĩnh**			393	1.769	Đồi núi, Trường học, UBND xã
9	**Xã Vạn Thiện**			143	570	Đồi núi, Trường học, UBND xã
10	**Xã Công Liêm**			77	347	Nhà Văn hóa, đồi núi
XVI	**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**	**37**	**163**	**426**	**1893**	
1	**Xã Vạn Xuân**	**17**	**82**			
	Thôn Quạn	2	11			
	Thôn Nhồng	4	20			
	Thôn Bù Đồn	4	18			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Hang Cáu	1	6			
	Thôn Công Thương	2	9			
	Thôn Cang Khèn	4	18			
2	**Xã Xuân Dương**			**426**	**1.893**	
	Thôn Thống Nhất 1			36	150	Đồi Công trên
	Thôn Thống Nhất 2			25	125	Đồi Công trên
	Thôn Thống Nhất 3			23	115	Đồi Công phủ
	Thôn Xuân Thịnh			165	618	Đồi Công dưới
	Thôn Vụ Bản			97	485	Đồi Công dưới
	Thôn Tân Lập			80	400	Đồi Công dưới
3	**Thị trấn**	**20**	**81**			
	Khu 1	12	52			Trường cấp 1,2
	Khu 5	8	29			Nhà văn hóa thôn
XVII	**HUYỆN YÊN ĐỊNH**	**963**	**4.069**	**751**	**2.869**	
1	**Xã Yên Thái**	**158**	**702**	**170**	**716**	
	Phù Hưng 1	45	198	43	201	Trường học, Nhà văn hóa
	Phù Hưng 2	35	151	34	142	Trường học, Nhà văn hóa
	Lê Xá	60	278	80	315	Trường học, Nhà văn hóa
	Mỹ Bi	18	75	13	58	Trường học, Nhà văn hóa

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
2	**Xã Định Hải**	**100**	**455**			
	Thôn Sét	15	60			
	Thôn Thịnh Thôn	13	55			
	Thôn Trịnh Điện	25	110			
	Thôn Á i Thôn	12	90			
	Thôn Duyên Lộc	35	140			
3	**Xã Định Công**	**29**	**116**			
	Thôn Phú Khang	15	60			
	Thôn 1	14	56			
4	**Xã Yên Lâm**	**102**	**411**	**170**	**562**	Công sở xã, Trường cấp 1, 2
5	**Xã Yên Phú**	**75**	**282**	**20**	**72**	
	Thôn Đa Ngọc	20	75	20	72	Trường học, Nhà Văn hóa
	Thôn Đa Nẫm	15	50			
	Bùi Hạ 1	20	82			
	Bùi Hạ 2	20	75			
6	**Xã Yên Hùng**	**60**	**231**			
	Thôn Yên Thành	15	50			
	Thôn Hòa Thượng	20	78			
	Thôn Sơn Cường	16	70			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Thành Thái	9	33			
7	**Xã Định Tăng**	**404**	**1.775**	**211**	**799**	
	Thôn Bái Trại	85	425	4	20	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Thạch Đài	50	250	3	12	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hoạch Thôn	189	700	11	46	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Phú Thọ	80	400	31	123	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Phú Cẩm			162	598	Nhà Văn hóa thôn
8	**Xã Định Bình**			**180**	**720**	Nhà Văn hóa
9	**Thị trấn Thống Nhất**	**35**	**97**			
	Phố 2	10	25			Trường học, Nhà văn hóa
	Phố 4	5	13			Trường học, Nhà văn hóa
	Sơn Phòng	15	45			Trường học, Nhà văn hóa
	Sao đỏ	5	14			Trường học, Nhà văn hóa
XVIII	**HUYỆN NGA SƠN**	**185**	**563**			
1	**Xã Nga Phượng**	**68**	**193**			
	Thôn Vân Hoàn	18	40			
	Thôn Giải Uẩn	33	106			
	Thôn Hội Kê	8	23			
	Thôn Báo văn	3	9			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Đồng Đội	6	15			
2	**Xã Nga Trường**	**36**	**148**			
	Thôn Hợp Long 1	30	125			
	Thôn Hợp Long 2	3	11			
	Thôn Mật Kỳ	3	12			
3	**Xã Ba Đình**	**81**	**222**			
	Thôn Điền Hộ	4	10			
	Thôn Thuượng Thọ	6	8			
	Thôn Mậu Thịnh	21	37			
	Thôn Mỹ Khê	18	52			
	Thôn Chiến Thắng	25	90			
	Thôn Mỹ Thành	7	25			
XIX	**THỊ XÃ BỈM SƠN**	**18**	**93**			
1	**Phường Đông Sơn**	**18**	**93**			
	Thôn Liên Giang	18	93			
XX	**HUYỆN HẬU LỘC**	**4.086**	**15.461**			
1	**Xã Đại Lộc**	**945**	**3.521**			
	Thôn Đại Sơn	118	354			
	Thôn Phú Lý	265	879			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Y Ngô	300	1.167			
	Thôn Ngọc Trì	262	1.121			
2	**Xã Đồng Lộc**	**740**	**2.755**			
	Thôn Đại Phú	397	1.401			
	Thôn Nhân Hậu	172	652			
	Thôn Phương Độ	171	702			
3	**Xã Cầu Lộc**	**15**	**70**			
	Thôn Thiều Xá 1	7	32			
	Thôn Thiều Xá 2	8	38			
4	**Xã Liên Lộc**	**5**	**14**			
	Thôn 5	5	14			
5	**Xã Thuần Lộc**	**302**	**1.157**			
	Thôn Điện Quang	215	836			
	Thôn Hà Xuân	87	321			
6	**Xã Hòa Lộc**	**1.110**	**4.042**			
	Thôn Hòa Phú	82	287			
	Thôn Hòa Hải	66	232			
	Thôn Nam Huân	52	183			
	Thôn 4 Xuân Tiền	253	949			

TT	Thôn, xã	Số dân ở vũng trũng thấp cần phải sơ tán khi có mưa lớn				Vị trí sơ tán (đối với hình thức sơ tán tập trung)
		Sơ tán tại chỗ		Sơ tán tập trung		
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn 5 Xuân Tiền	241	924			
	Thôn 2 Tam hòa	416	1.467			
7	**Xã Hoa Lộc**	**82**	**301**			
	Thôn Hoa Trường	82	301			
8	**Xã Phú Lộc**	**495**	**1.664**			
	Thôn Phú Đa	188	632			
	Thôn Xuân Yên	121	419			
	Thôn Thuần Nhất	186	613			
9	**Xã Hải Lộc**	**384**	**1.925**			
	Thôn Trường Nam	384	1.925			
10	**Xã Minh Lộc**	**8**	**12**			
	Thôn Phú Thành	8	12			

PHỤ LỤC 6:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA LŨ QUÉT

Phụ lục 6: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA LŨ QUÉT, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA NĂM 2020

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**4.148**	**17.238**	
1	**Huyện Triệu Sơn**	180	726	
2	**Huyện Như Thanh**	150	589	
3	**Huyện Cẩm Thủy**	189	905	
4	**Huyện Thọ Xuân**	314	1.165	
5	**Huyện Lang Chánh**	166	699	
6	**Huyện Như Xuân**	128	520	
7	**Huyện Thường Xuân**	1.922	7.788	
8	**Huyện Bá Thước**	102	387	
9	**Huyện Quan Hóa**	144	652	
10	**Huyện Thạch Thành**	491	2.102	
11	**Huyện Mường Lát**	142	706	
12	**Huyện Ngọc Lặc**	11	57	
13	**Huyện Quan Sơn**	209	942	

Phụ lục 7: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SẠT LỞ ĐẤT, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**3.978**	**17.614**	
1	**Huyện Triệu Sơn**	207	801	
2	**Huyện Như Thanh**	187	764	
3	**Huyện Cẩm Thủy**	221	904	
4	**Huyện Thọ Xuân**	479	1.920	
5	**Huyện Như Thanh**	109	446	
6	**Huyện Thường Xuân**	286	1.699	
7	**Huyện Quan Hóa**	489	2.166	
8	**Huyện Thạch Thành**	391	1.511	
9	**Huyện Mường Lát**	558	2.863	
10	**Huyện Ngọc Lặc**	13	53	
11	**Huyện Quan Sơn**	447	1.978	
12	**Huyện Lang Chánh**	220	935	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
3	**Xã Yên Thọ**	**31**	**112**	
	Chợ Mới	10	38	Nhà văn hóa thôn
	Tân Thịnh	7	29	Nhà văn hóa thôn
	Cự Thịnh	14	45	Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Cán Khê**	**31**	**118**	
	Thôn Mó 1	2	10	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Mó 2	5	20	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Bản Đông	5	19	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Bản Chanh	11	36	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 5	8	33	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Phượng Nghi**	**38**	**160**	
	Thôn Bái Đa 1	3	13	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bái Đa 2	5	19	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bãi Hưng	10	44	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Tâm	3	11	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Khe Xanh	4	16	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Phông	4	15	Trường Mầm non
	Thôn Cộng Thành	9	42	Nhà văn hóa thôn
6	**Xã Xuân Du**	**9**	**35**	
	Thôn 6	4	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	5	20	Nhà văn hóa thôn
7	**Xã Xuân Phúc**	**1**	**3**	
	Thôn 1	1	3	Nhà văn hóa thôn
III	**HUYỆN CẨM THỦY**	**189**	**905**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	**Xã Cẩm Thạch**	141	724	
	Thôn Trẩy	6	28	Khu gò mả thôn Bẹt cách 340m
	Thôn Bẹt	98	496	Khu gò mả thôn Bẹt cách 140m
	Thôn Thung	31	168	Khu chân núi đá sau khu dân cư cách 50m
	Thôn Đông	6	32	Nhà văn hóa thôn cách từ 40-160m
2	**Thị trấn Phong Sơn**	34	123	
	Tổ dân phố Đại Quang	11	29	Nhà Văn hóa thôn cách 160m
	Thôn Linh Thung	9	37	Nhà Văn hóa thôn cách 120m
	Thôn Trường Ngọc	10	41	Nhà Văn hóa thôn cách 700m
	Thôn Ngọc Sơn	4	16	Nhà Văn hóa thôn cách 30m
3	**Xã Cẩm Tâm**	3	12	
	Xóm Lau	3	12	Nhà Văn hóa thôn cách 25m
4	**Xã Cẩm Châu**	5	18	
	Thôn Trung Tâm	5	18	Công sở UBND xã cách 250m
5	**Xã Cẩm Tú**	6	28	
	Thái Nguyên	3	14	Nhà Văn hóa thôn cách 70m
	Thôn Thái Liên	3	14	Nhà Văn hóa thôn cách 90m
IV	**HUYỆN THỌ XUÂN**	**314**	**1.165**	
1	**Xã Thọ Xương**	**138**	**598**	
	Thôn Thủ Trinh	7	29	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn 7	108	474	Trường THCS Thọ Xương
	Thôn 8	23	95	Trường PTTH Lam Kinh
2	**Thị trấn Lam Sơn**	**125**	**407**	
	Thôn Lam Sơn	125	407	Nhà Văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
3	**Xã Thuận Minh**	**10**	**38**	
	Thôn 12	10	38	Nhà văn hóa thôn 12
4	**Thị trấn Sao Vàng**	**41**	**122**	
	Khu I	10	21	Nhà Văn hóa các khu phố 1
	Khu III	9	25	Nhà Văn hóa các khu phố 3
	Khu IV	22	76	Nhà Văn hóa các khu phố 4
V	**HUYỆN LANG CHÁNH**	**166**	**699**	
1	**Giao An**	**3**	**12**	
	Thôn Chiềng Nang	3	12	
2	**Giao Thiện**	**15**	**65**	
	Thôn Chiềng Lằn	11	48	Hộ dân bên cạnh
	Thôn Nghịu Tượt	4	17	Hộ dân bên cạnh
3	**Lâm Phú**	**5**	**21**	
	Bản Ngày	3	13	Trường Mầm Non
	Bản Buốc	2	8	Nhà ông Tiến (Kiệm)
4	**Tam Văn**	**36**	**154**	
	Bản Lọng	36	154	Xem ghép trong thôn
5	**Tân Phúc**	**7**	**31**	
	Thôn Chạc Dạnh	3	15	Nhà Văn hóa Thôn
	Thôn Tân Sơn	3	14	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Tân Thành	1	2	Trường tiểu học TP khu Tân Thành
6	**Trí Nang**	**12**	**55**	
	Bản Năng Cát	4	20	Xen gép trong thôn
	Bản Hắc	5	23	Xen gép trong thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản En	3	12	Xen gép trong thôn
7	**Yên Khương**	**6**	**23**	
	Bản Yên Lập	3	10	Xen gép trong thôn
	Bản Yên Bình	3	13	Xen gép trong thôn
8	**Đồng Lương**	**18**	**74**	
	Thôn Nê Cắm	2	5	Xen gép trong thôn
	Thôn Chiềng Khạt	4	17	Xen gép trong thôn
	Thôn Quắc Quên	4	18	Xen gép trong thôn
	Thôn Cốc Mốc	8	34	Xen gép trong thôn
9	**Thị Trấn**	**64**	**264**	
	Thôn Chiềng Ban 1	6	25	Xen gép trong thôn
	Thôn Trùng	6	30	Xen gép trong thôn
	Phố Chiềng Trải	46	179	Xen gép trong thôn
	Thôn Trùng	6	30	Xen gép trong thôn
VI	**HUYỆN NHƯ XUÂN**	**128**	**520**	
1	**Xã Thanh Hòa**	**51**	**183**	
	Thôn Thanh Sơn	51	183	Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Thanh Quân**	**13**	**66**	
	Thôn Thanh Tiến	13	66	Nhà văn hóa thôn
3	**Xã Hóa Quỳ**	**35**	**163**	
	Thôn Thịnh Lạc	9	36	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Tân	2	9	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Thanh Xuân	1	5	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Xuân	6	26	Nhà văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Xuân Hương	13	66	Trạm Kiểm Lâm
	Thôn Thanh Hương	4	21	Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Bãi Trành**	**19**	**63**	
	Thôn Cầu	4	13	Công sở xã
	Thôn Xuân Khánh	15	50	Công sở xã
5	**Xã Bình Lương**	**7**	**33**	
	Thôn Hợp Thành	3	13	Nhà văn hóa thôn
	Làng Sao	3	15	Nhà văn hóa thôn
	Làng Gió	1	5	Nhà văn hóa thôn
6	**Xã Thanh Phong**	**3**	**12**	
	Thôn Chạng Vung	1	4	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Phong	2	8	Nhà văn hóa thôn
VII	**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**	**1.922**	**7.788**	
1	**Thọ Thanh**	**120**	**520**	
	Đông Xuân	45	200	Trường cấp 2
	Hồng Kỳ	25	110	Nhà Văn hóa
	Thanh Long	30	140	Nhà Văn hóa
	Thanh cao	20	70	Nhà Văn hóa
2	**Xuân Dương**	**1.502**	**5.963**	
	Thôn 1	287	1.110	Đồi Công Trên
	Thôn 2	260	920	Đồi Công Trên
	Thôn 3	230	880	Đồi Công Phủ
	Thôn Xuân Thịnh	185	794	Đồi Công Dưới
	Thôn Tân Lập	375	1.589	Đồi Công Dưới

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Vụ Bản	165	670	Đồi Công Dưới
3	**Xã Bát Mọt**	**91**	**396**	
	Thôn Đục	14	62	Nhà Văn Hóa
	Thôn Vịn	11	48	Nhà Văn Hóa
	Thôn Khẹo	19	79	Nhà Văn Hóa
	Thôn Cạn	15	63	Nhà Văn Hóa
	Thôn Ruộng	1	3	Nhà Văn Hóa
	Thôn Dưn	10	38	Nhà Văn Hóa
	Thôn Phống	4	21	Nhà Văn Hóa
	Thôn Chiềng	17	82	Nhà Văn Hóa
4	**Xuân Lộc**	**15**	**58**	
	Thôn Chiềng	3	11	Trung tâm chiềng
	Thôn Pà Cầu	6	23	Đắn trên
	Thôn Cộc	6	24	Nhà văn hóa mới khu cộc
5	**Xã Xuân Thắng**	**8**	**30**	
	Thôn Xem Đót	3	11	Sơ tán tại chổ
	Thôn Tú	5	19	Sơ tán tại chổ
6	**Xã Yên Nhân**	**36**	**142**	
	Thôn Khong	1	3	Hội trường thôn
	Thôn MỴ	13	49	Hội trường thôn
	Thôn Na Nghịu	9	36	Hội trường thôn
	Thôn Chiềng	10	38	Hội trường thôn
	Thôn Mỏ	2	12	Hội trường thôn
	Thôn Lửa	1	4	Hội trường thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
7	**Thị Trấn**	**81**	**391**	
	Thôn Trung Chính	10	43	Bãi Căng Láu
	Thôn Thanh Xuân	7	33	Núi Khí Mạ
	Thôn Tiến Sơn 1	49	263	Đồi Bò Đái, đồi Phòng Không
	Thôn Tiến Sơn 2	3	12	Đồi Cò Cú
	Thôn Xuân Minh	11	36	Núi Cầm Cộc
	Thôn Xuân Quang	1	4	Đồi Tổ Rồng
8	**Luận Khê**	**69**	**288**	
	Thôn Ngọc Trà	1	4	Nhà ông Thức
	ThônMơ Thắm	8	32	Nhà ông Phương, Dũng
	Thôn Yên Mỹ	11	51	Nhà văn hóa Thôn Yên Mỹ
	Thôn An Nhân	3	13	Khu hộ ông Đào
	Thôn Chiềng	8	37	Nhà văn hóa thôn Chiềng
	Thôn Kha	5	21	nhà ông Hòa, Canh, quỳnh
	Thôn Buồng	0	0	
	Thôn Nhàng	21	86	Đồi Cửa Dụ, Đồi Cỏ Muồng
	Hợp Nhất	12	44	Nhà ông Quyến, Hải, Hoài,
VIII	**HUYỆN BÁ THƯỚC**	**102**	**387**	
1	**thị trấn Cành Nàng**	**5**	**21**	
	Thôn Chu	5	21	Nhà Văn hóa Thôn
2	**Xã Cổ Lũng**	**13**	**45**	
	thôn Phìa	13	45	Trường THCS
3	**xã Điền Lư**	**1**	**4**	
	Thôn Triu	1	4	nhà dân trong thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
4	**xã Điền Trung**	**1**	**5**	
	Cộc Ngán	1	5	Nhà văn hóa thôn
5	**xã Lũng Cao**	**21**	**82**	
	thôn Cao	1	1	Nhà văn hóa thôn
	thôn Hin	1	5	Nhà Văn hóa Thôn
	thôn Bố	5	20	Nhà Văn hóa Thôn
	thôn Nủa	9	34	Nhà Văn hóa Thôn
	thôn Trình	5	22	Nhà Văn hóa Thôn
6	**xã Lũng Niêm**	**38**	**143**	
	Thôn Lặn Ngoài	31	114	Khu Bả thôn Niêm Thành
	Thôn Lặn Trong	3	13	Trong thôn
	Phố Đoàn	4	16	Nhà văn hóa phố
7	**xã Thành Sơn**	**2**	**8**	
	Báng	1	6	Trường Mầm Non
	Nông Công	1	2	Nhà Văn hóa thôn
8	**xã Điền Thượng**	**21**	**79**	
	Thôn Xay Luồi	13	48	nhà văn hóa thôn
	Thôn Chiềng Mưng	5	17	nhà văn hóa thôn
	Thôn Thượng Sơn	3	14	nhà văn hóa thôn
IX	**HUYỆN QUAN HÓA**	**144**	**652**	
1	**Xã Phú Nghiêm**	**3**	**16**	
	Bản Cổi Khiêu	1	4	Nội vùng
	Bản Chăm	2	12	Nội vùng
2	**Thị trấn Hồi Xuân**	**27**	**128**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Khó	5	24	Nội vùng
	Bản Cốc	10	39	Nội vùng
	Bản Mướp	7	28	Nội vùng
	Bản Khằm	5	37	Nội vùng
3	**Xã Thành Sơn**	**33**	**138**	
	Bản Bước	2	9	Bản Bước
	Bản Pu	4	17	Bản Pu
	Bản Sơn Thành	1	3	Khu Pù Ác
	Bản Tân Hương	10	46	Bản Tân Hương
	Bản Thành Tân	16	63	Bản Thành Tân
4	**Xã Trung Thành**	**29**	**141**	
	Bản Tang	24	122	Nội vùng
	Bản Cá	4	16	Nội vùng
	Bản Tiến Thắng	1	3	Nội vùng
5	**Xã Trung Sơn**	**5**	**27**	
	Bản Pạo	5	27	Khu tái định cư Keo bé
6	**Xã Nam Tiến**	**5**	**24**	
	Bản Ken	3	14	Nội vùng
	Bản Phố Mới	1	6	
	Bản Ngà	1	4	Nội vùng
7	**Xã Nam Động**	**1**	**5**	
	Bản Chiềng	1	5	Nội vùng
8	**Xã Thiên Phủ**	**26**	**114**	
	Bản Háng	3	13	Nội vùng

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Chong	3	12	Nội vùng
	Bản Sắng	3	12	Nội vùng
	Bản Sài	4	20	Nội vùng
	Bản Dôi	13	57	Nội vùng
9	**Xã Hiền Chung**	**2**	**7**	
	Bản Yên	2	7	Nội vùng
10	**Xã Hiền Kiệt**	**13**	**52**	
	Bản Ho	1	4	Nội vùng
	Bản San	4	15	Nội vùng
	Bản Poọng 2	4	17	Nội vùng
	Bản Poọng 1	4	16	Nội vùng
X	**HUYỆN THẠCH THÀNH**	**491**	**2.102**	
1	**Xã Thạch Lâm**	**204**	**890**	
	Thôn Biện	81	360	Đường Hồ Chí Minh
	Thôn Đồi	69	315	Đường Hồ Chí Minh
	Thôn Nghéo	25	97	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Thống Nhất	21	84	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Nội Thành	5	21	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Đăng Thượng	3	13	Các hộ ở vị trí an toàn
2	**Xã Thành Tân**	**23**	**101**	
	Thôn Phù Bản	3	10	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đồng Phú	10	49	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Bái Đang	6	24	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Ngọc Động	3	15	Nhà Văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Thạch Lỗi	1	3	Nhà Văn hóa thôn
3	**Xã Thành Minh**	**239**	**1.016**	
	Thôn Cẩm Bộ	62	287	Núi Côi
	Thôn Sồi Cốc	102	397	Đồi Đình
	Thôn Minh Hải	1	7	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đầm Hương	18	84	Đầu cầu bê tông
	Thôn Nghẹn	56	241	Đồi Mỏ Rịa
4	**Xã Thành Công**	**8**	**30**	
	Thôn Đồng Đa	7	26	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bất Mê	1	4	Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Thạch Tượng**	**3**	**10**	
	Thôn Tượng Liên	3	10	Thôn Tượng Liên 1
6	**Xã Thạch Cẩm**	**14**	**55**	
	Thôn Xuân Tiến	8	32	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Thạch Yến	4	15	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Đồng Tiến	2	8	Nhà Văn hóa thôn
XI	**HUYỆN MƯỜNG LÁT**	**142**	**706**	
1	**Mường Chanh**	**17**	**70**	
	Bản Cang	3	11	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Bản Bóng	1	4	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Piềng Tặt	4	14	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Bản Chai	8	36	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Bản Lách	1	5	Vị trí an toàn tại thôn, bản
2	**Xã Quang Chiểu**	**22**	**118**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Sáng	10	62	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Bản Pọng	7	30	Vị trí an toàn tại thôn, bản
	Bản Cúm	5	26	Vị trí an toàn tại thôn, bản
3	**Thị Trấn Mường Lát**	**37**	**172**	
	Bản Tén Tằn	32	151	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Chiên Pục	2	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Đoàn Kết	3	12	Khu vực an toàn trong bản
4	**Xã Pù Nhi**	**25**	**124**	
	Bản Đông Ban	5	23	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Cơm	12	64	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pù Ngùa	3	16	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Na Tao	5	21	Khu vực an toàn trong bản
5	**Xã Trung Lý**	**28**	**145**	
	Bản Khằm II	6	32	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Co Cài	5	21	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Cánh Cộng	2	8	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Lìn	4	18	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Tà Cóm	3	20	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Xa Lao	6	32	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
	Bản Hộc	2	14	Sơ tán các hộ an toàn trong bản
6	**Xã Mường Lý**	**13**	**77**	
	Bản Xì Lồ	8	49	Xen ghép tại bản
	Bản Ún	4	26	Xen ghép tại bản
	Bản Cha Lan	1	2	Xen ghép tại bản

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
XII	**HUYỆN NGỌC LẶC**	**11**	**57**	
1	**Thạch Lập**	**2**	**8**	
	Hoa Sơn	2	8	Trong thôn
2	**Phùng Minh**	**9**	**49**	
	Làng Chu	6	30	Trường học
	Làng Cốc	3	19	Nhà trong thôn
XIII	**HUYỆN QUAN SƠN**	**209**	**942**	
1	**Xã Na Mèo**	**6**	**24**	
	Bản Ché Lầu	2	8	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Son	4	16	Khu vực an toàn trong bản
2	**Xã Mường Mìn**	**26**	**136**	
	Bản Yên	26	136	Khu vực an toàn trong bản
3	**Xã Sơn Thủy**	**36**	**157**	
	Bản Mùa Xuân	4	19	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xía Nọi	8	43	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Khà	9	41	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống	14	52	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Thủy Sơn	1	2	Khu vực an toàn trong bản
4	**Xã Tam Lư**	**3**	**15**	
	Bản Tình	3	15	Khu vực an toàn trong bản
5	**Xã Trung Thượng**	**29**	**111**	
	Bản Bàng	5	26	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ngàm	4	14	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Bôn	13	51	Khu vực an toàn trong bản

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Máy	7	20	Khu vực an toàn trong bản
6	**Xã Trung Tiến**	**31**	**137**	
	Bản Cum	3	13	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lầm	3	14	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Toong	8	40	Khu vực an toàn trong bản
	Tiểu Khu Km22	17	70	Khu vực an toàn trong bản
7	**Xã Trung Hạ**	**8**	**31**	
	Bản Xầy	1	3	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Bá	7	28	Khu vực an toàn trong bản
8	**Xã Trung Xuân**	**2**	**7**	
	Bản Cạn	1	3	Khu vực an toàn trong bản
	Bản La	1	4	Khu vực an toàn trong bản
9	**Thị Trấn Sơn Lư**	**51**	**234**	
	Bản Păng	2	8	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hao	11	58	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hẹ	29	124	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Sỏi	9	44	
10	**Xã Sơn Hà**	**17**	**90**	
	Bản Hạ	11	65	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xum	5	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lầu	1	5	Khu vực an toàn trong bản

PHỤ LỤC 7:

TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SẠT LỞ ĐẤT

Phụ lục 7: TỔNG HỢP DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SẠT LỞ ĐẤT, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**4.330**	**18.858**	
1	**Huyện Triệu Sơn**	207	801	
2	**Huyện Như Thanh**	187	764	
3	**Huyện Cẩm Thủy**	221	904	
4	**Huyện Thọ Xuân**	479	1.920	
5	**Huyện Như Xuân**	109	446	
6	**Huyện Thường Xuân**	286	1.699	
7	**Huyện Bá Thước**	371	1.574	
8	**Huyện Quan Hóa**	489	2.166	
9	**Huyện Thạch Thành**	391	1.511	
10	**Huyện Mường Lát**	558	2.863	
11	**Huyện Ngọc Lặc**	13	53	
12	**Huyện Quan Sơn**	447	1.978	
13	**Huyện Lang Chánh**	220	935	
14	**Huyện Hà Trung**	352	1.244	

Phụ lục 7: THỐNG KÊ DÂN CƯ SINH SỐNG Ở KHU VỰC CÓ NGUY CƠ XẢY RA SẠT LỞ ĐẤT, TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA, NĂM 2020

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	TỔNG TOÀN TỈNH	**4.330**	**18.858**	
I	**HUYỆN TRIỆU SƠN**	**207**	**801**	
1	**Xã Triệu Thành**	**4**	**17**	
	Thôn Châu Thành	2	9	Đồi Eo Mây
	Thôn Sơn Hương	1	4	Đồi Trăng Thu
	Thôn Sơn Trung	1	4	Đồi Trăng Thu
2	**Xã Thọ Sơn**	**4**	**15**	
	Thôn 1	2	8	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 6	2	7	Nhà Văn hóa thôn
3	**Thị trấn Nưa**	**12**	**36**	
	Thôn 6	12	36	Trường THCS Thị trấn
4	**Xã Thọ Bình**	**46**	**170**	
	Thôn 3	22	76	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 5	24	94	Nhà Văn hóa thôn
5	**Xã Bình Sơn**	**97**	**401**	
	Thôn Cây Xe	27	109	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Bồn Dồn	34	145	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Thoi	36	147	Nhà Văn hóa thôn
6	**Xã Hợp Tiến**	**44**	**162**	
	Thôn 4	24	98	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn 5	20	64	Nhà Văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
II	**HUYỆN NHƯ THANH**	**187**	**764**	
1	**Xã Xuân Khang**	**9**	**43**	
	Thôn Đồng Mưa	1	6	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Xuân Hòa	3	12	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Xuân Lộc	5	25	Nhà Văn hóa thôn
2	**Xã Hải Long**	**12**	**49**	
	Thôn Vĩnh Lợi	8	34	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Tân Long	1	4	Nhà Văn hóa thôn
	Thôn Hải Xuân	3	11	Nhà Văn hóa thôn
3	**Xã Cán Khê**	**159**	**648**	
	Thôn 1	6	30	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	6	24	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 3	2	7	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 4	2	6	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 6	3	10	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 7	3	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 8	4	11	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 11	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 12	4	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Mó 1	38	176	Trường Mầm non khu lẻ
	Thôn Mó 2	39	160	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản Đông	7	27	Trường THCS
	Thôn Bản Chanh	18	65	Nhà văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Bản 5	16	59	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bản 6	9	35	Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Phượng Nghi**	**5**	**20**	
	Thôn Đồng Tâm	3	12	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bái Đa 2	2	8	Nhà văn hóa thôn
5	**Xã Xuân Phúc**	**2**	**4**	
	Thôn 1	1	3	Nhà văn hóa thôn
	Thôn 2	1	1	Nhà văn hóa thôn
III	**HUYỆN CẨM THỦY**	**221**	**904**	
1	**Xã Cẩm Thạch**	**21**	**85**	
	Thôn Chén	15	53	Nhà văn hóa thôn cách vị trí 80m
	Thôn Đông	6	32	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 25- 100m
2	**Thị trấn Phong Sơn**	**76**	**292**	
	Tổ dân phố Tân An	57	229	Nhà văn hóa thôn cách vị trí 90m
	Tổ dân phố Đại Quang	11	29	Nhà Văn hóa tổ dân phố cách vị trí từ 200 - 500m
	Thôn Trường Sơn	5	21	Nhà văn hóa thôn cách vị trí 120m
	Thôn Ngọc Sơn	3	13	Nhà văn hóa thôn cách vị trí 90m
3	**Xã Cẩm Giang**	**24**	**108**	
	Thôn Sun	8	38	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Bến	3	16	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Gầm	1	4	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Khuên	4	15	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Đồn	3	10	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Vọng	5	25	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
4	**Xã Cẩm Tú**	**16**	**74**	
	Thôn Thái Nguyên	3	14	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 40- 150m
	Thôn Ngọc Liên	13	60	Trụ sở UBND cách vị trí 600m
5	**Xã Cẩm Quý**	18	72	
	Thôn Vóng	9	35	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 60- 200m
	Thôn Sống	9	37	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 200m
6	**Xã Cẩm Ngọc**	**17**	**79**	
	Làng Kìm	11	52	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 400m
	Làng Song	6	27	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 250m
7	**Xã Cẩm Vân**	**33**	**130**	
	Tiên Lãng	17	70	Nhà Văn hóa thôn cách 100- 150m
	Tường Yên	1	5	Nhà anh em trong dòng họ cùng thôn cách vị trí từ 300m
	Quan Bằng	15	55	Nhà Văn hóa thôn cách 100- 300m
8	**Xã Cẩm Thành**	**16**	**64**	Nhà Văn hóa thôn cách 100- 150m
IV	**HUYỆN THỌ XUÂN**	**479**	**1.920**	
1	**Xã Xuân Bái**	**30**	**121**	
	Thôn Minh Thành	9	32	Các hộ dân trong thôn
	Thôn Hồng Sơn	21	89	Các hộ dân trong thôn
2	**Xã Thọ Xương**	**131**	**569**	
	Thôn 7	108	474	Trường THCS xã Thọ Xương
	Thôn 8	23	95	Trường PTTH Lam Kinh
3	**Thị trấn Lam Sơn**	**85**	**375**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Giao Xá + thị trấn Lam Sơn	85	375	Trường Tiểu học xã Xuân Lam
4	**Thị trấn Sao Vàng**	**104**	**405**	
	Thôn 3	80	345	
	Thôn 5	24	60	
5	**Xã Thọ Hải**	**43**	**108**	
	Thôn Hải Mậu	43	108	
6	**Xã Xuân Thiên**	**86**	**342**	
	Thôn Hiệp Lực	41	166	Nhà Văn hóa thôn Hiệp Lực
	Thôn Đại Đồng	19	66	Nhà Văn hóa thôn Đại Đồng
	Thôn Quảng Phúc	15	52	Chùa Quảng Phúc
	Thôn Hòa Bình	11	58	Trường tiểu học Xuân Thiên
V	**HUYỆN NHƯ XUÂN**	**109**	**446**	
1	**Xã Thanh Hòa**	**6**	**22**	
	Thôn Thanh Sơn	6	22	Nhà văn hóa thôn
2	**Xã Thanh Quân**	**18**	**77**	
	Thôn Thanh Nhân	9	37	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Ná Cà 1	9	40	Nhà văn hóa thôn
3	**Xã Cát Tân**	**11**	**47**	
	Thôn Cát Thịnh	7	31	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Cát Lợi	4	16	Nhà văn hóa thôn
4	**Xã Thanh Lâm**	**5**	**15**	
	Làng Chảo	1	2	Nhà văn hóa thôn
	Làng Lự	4	13	Nhà văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
5	**Xã Thanh Xuân**	**3**	**18**	
	Thôn Thanh Thủy	2	12	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Phống	1	6	Nhà văn hóa thôn
6	**Xã Hóa Quỳ**	**20**	**88**	
	Thôn Thịnh Lạc	3	15	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Liên Hiệp	6	31	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Thịnh	1	3	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Xuân	5	17	Công sở xã Hóa Quỳ
	Thôn Xuân Thành	5	22	Gia đình Ông Hường - Hiệp
7	**Xã Bãi Trành**	**30**	**110**	
	Thôn 6	30	110	Nhà văn hóa thôn
8	**Xã Bình Lương**	**5**	**21**	
	Thôn Hợp Thành	2	7	Nhà văn hóa thôn
	Làng Sao	1	5	Nhà văn hóa thôn
	Làng Gió	1	4	Nhà văn hóa thôn
	Quang Trung	1	5	Nhà văn hóa thôn
9	**Xã Thanh Phong**	**11**	**48**	
	Thôn Xuân Phong	5	18	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Phong	2	7	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Quang Hùng	4	23	Nhà văn hóa thôn
VI	**HUYỆN THƯỜNG XUÂN**	**286**	**1.699**	
1	**Xã Vạn Xuân**	**17**	**82**	
	Thôn Quạn	2	11	Sơ tán tại chỗ

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Nhồng	4	20	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Bù Đồn	4	18	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Hang Cáu	1	6	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Công Thương	2	9	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Cang Khèn	4	18	Sơ tán tại chỗ
2	**Xuân Chinh**	**46**	**614**	
	Thôn Hành	4	15	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Tú Ạc	14	67	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Thông	3	119	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Giang	8	171	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Chinh	12	223	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Xeo	5	19	Sơ tán tại chỗ
3	**Xuân Lộc**	**42**	**181**	
	Thôn Chiềng	9	40	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Pà Cầu	3	9	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Cộc	11	41	Sơ tán tại chỗ
	Thôn Quẻ	19	91	Sơ tán tại chỗ
4	**Thị Trấn**	**15**	**71**	
	Thôn Trung Chính	2	10	Bãi Căng Láu
	Thôn Thanh Xuân	6	30	Núi Khí Mạ
	Thôn Tiến Sơn 1	4	18	Đồi Phòng Không
	Thôn Tiến Sơn 2	3	13	Đồi Cò Cú
5	**Xã Luận Khê**	**166**	**751**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Ngọc Trà	42	206	Trường MN khu lẻ Ngọc Trà
	Mơ Thắm	13	62	Nhà văn hóa Thôn Mơ
	Yên Mỹ	12	43	Nhà văn hóa Thôn Yên Mỹ
	Hún	17	84	Trường MN khu lẻ Hún
	An Nhân	15	66	Nhà văn hóa Thôn An Nhân
	Chiềng	13	53	Nhà văn hóa thôn Chiềng
	Kha	21	87	Trường TH2 khu lẻ Kha
	Buồng	11	57	Trường MN khu Lẻ và
	Nhàng	10	47	Đồi Cửa Dụ, Đồi Cỏ Muồng
	Hợp Nhất	12	46	Trương MN khu lẻ
VII	**HUYỆN BÁ THƯỚC**	**371**	**1.574**	
1	**thị trấn Cành Nàng**	**4**	**20**	
	Thôn Chu	1	7	Nhà Văn Hóa Thôn
	Thôn Nú	1	4	Nhà Văn Hóa Thôn
	Phố 1 Lâm Xa	2	9	Trường tiểu học Lâm Xa
2	**xã Cổ Lũng**	**18**	**69**	
	thôn La Ca	18	69	Trường THCS
3	**xã Điền Trung**	**10**	**39**	
	Cò Lượn	10	39	Nhà văn hóa thôn, nhà dân
4	**xã Lũng Cao**	**208**	**882**	
	thôn Cao	47	212	nhà văn hóa thôn
	thôn Hin	20	75	nhà văn hóa thôn
	thôn Bố	46	185	nhà văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	thôn Nủa	30	125	nhà văn hóa thôn
	thôn Trình	58	257	nhà văn hóa thôn
	thôn Pốn Thành Công	2	7	Trường THCS
	thôn Bá	5	21	nhà dân trong thôn
5	**xã Lũng Niêm**	**37**	**148**	
	Thôn Bồng	7	31	Nhà văn hóa và các hộ dân trong thôn Bồng
	Thôn Niêm Thành	25	104	Nhà văn hóa khu quăn, khu ươi, khu Bả
	Thôn Lặn Ngoài	5	13	nhà văn hóa Khu bả thôn Niêm Thành
6	**xã Thiết Kế**	**3**	**12**	
	Thôn Luồng	2	9	Nhà VH thôn
	Thôn Khung	1	3	Nhà VH thôn
7	**xã Thiết Ống**	**15**	**54**	
	Phố Đồng Tâm 2	7	23	Hội trường phố
	Thôn Quyết Thắng	3	10	Hội trường thôn
	Thôn Đô	5	21	Hội trường thôn
8	**xã Văn Nho**	**20**	**100**	
	thôn Pọong	3	13	Hội trường thôn
	thôn Lè	5	25	Hội trường thôn
	thôn Ấm	1	4	Hội trường thôn
	thôn Chiềng Mới	1	4	Hội trường thôn
	thôn Kịnh	6	30	Hội trường thôn
	thôn Khảng	4	24	Hội trường thôn
9	**xã Lương Ngoại**	**1**	**4**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Ngọc Sinh	1	4	Nhà hội trường UBND xã
10	**xã Thành Sơn**	**27**	**122**	
	Eo Kén	5	25	Trường Mầm Non
	Pà Ban	5	23	Nhà Văn hóa thôn
	Pù Luông	1	4	Nhà Văn hóa thôn
	Kho Mường	7	30	Nhà Văn hóa thôn
	Báng	3	10	Trường Mầm Non
	Nông Công	6	30	Nhà Văn hóa thôn
11	**xã Thành Lâm**	**11**	**48**	
	Thôn Cốc	1	6	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đanh	1	5	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Tân Thành	3	11	Nhà văn hóa xã
	Thôn Leo	2	8	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đôn	3	13	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bầm	1	5	Hội trường thôn
12	**xã Lương Trung**	**5**	**27**	
	Chòm Thái	1	3	Vào nhà dân nhóm 2 thôn chòm thái
	Chòm Mốt	4	24	Vào nhà dân nhóm 2 thôn chòm mốt
13	**xã Điền Thượng**	**9**	**37**	
	Thôn Lau	7	29	UBND xã
	Thôn Chiềng Má	2	8	UBND xã
14	**xã Lương Nội**	**3**	**12**	
	thôn Ben	3	12	nhà văn hóa thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
VIII	**HUYỆN QUAN HÓA**	**489**	**2.166**	
1	**Thị trấn Hồi Xuân**	**74**	**326**	
	Khu Phố 3	11	49	Nội vùng
	Khu Phố 5	6	28	Nội vùng
	Bản Khằm	12	50	Nội vùng
	Bản Cốc	25	112	Nội vùng
	Bản Mướp	20	87	Nội vùng
2	**Xã Phú Xuân**	**7**	**34**	
	Bản Éo	5	24	Nội vùng
	Bản Thu Đông	2	10	Nội vùng
3	**Xã Phú Lệ**	**45**	**206**	
	Bản Hang	7	33	Nội vùng
	Bản Đuốm	9	45	Nội vùng
	Bản Tân Phúc	5	27	Nội vùng
	Bản Sại	24	101	Nội vùng
4	**Xã Phú Sơn**	**15**	**66**	
	Bản Chiềng	7	24	Nội vùng
	Bản Ôn	4	21	Nội vùng
	Bản Khoa	2	9	Nội vùng
	Bản Tai Giác	2	12	Nội vùng
5	**Xã Thành Sơn**	**88**	**353**	
	Bản Bước	11	50	Bản Bước
	Bản Pu	9	30	Bản Pu

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Bai	11	40	Bản Bai
	Bản Sơn Thành	20	73	Khu Pù Ác
	Bản Thành Tân	37	160	Bản Thành Tân
6	**Xã Trung Thành**	**36**	**163**	
	Bản Tang	1	4	Nội vùng
	Bản Sậy	9	45	Nội vùng
	Bản Tiến Thắng	2	10	Nội vùng
	Bản Cá	11	48	Nội vùng
	Bản Tân Lập	7	29	Nội vùng
	Bản Chiềng	6	27	Nội vùng
7	**Xã Trung Sơn**	**49**	**250**	
	Bản Pượn	5	23	Nội vùng
	Bản Ta Bán	16	82	Nội vùng
	Bản Chiềng	5	26	Khu TĐC của bản xây dựng năm 2018
	Bản Bó	4	23	Khu TĐC của bản xây dựng năm 2018
	Bản Co Me	16	80	Khu TĐC của bản xây dựng năm 2018
	Bản Pạo	3	16	Khu TĐC của bản xây dựng năm 2018
8	**Xã Nam Xuân**	**10**	**43**	
	Bản Bút	5	19	Nội vùng
	Bản Khuông	4	18	
	Bản Bút Xuân	1	6	Nội vùng
9	**Xã Nam Tiến**	**57**	**258**	
	Bản Ken	6	24	Nội vùng

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Phố Mới	16	67	Nội vùng
	Bản Ngà	3	12	Nội vùng
	Bản Khang	10	43	Nội vùng
	Bản Cua	3	16	Nội vùng
	Bản Cụm	2	10	Nội vùng
	Bản Cốc	11	59	Nội vùng
	Bản Cốc 3	6	27	Nội vùng
9	**Xã Nam Động**	**50**	**216**	
	Bản Chiềng	25	102	Nội vùng
	Bản Lỡ	16	73	Nội vùng
	Bản Khương Làng	2	9	Nội vùng
	Bản Bâu	7	32	Nội vùng
10	**Xã Thiên Phủ**	**45**	**201**	
	Bản Háng	3	13	Nội vùng
	Bản Lớt Dồi	3	15	Nội vùng
	Bản Chong	10	41	Nội vùng
	Bản Sắng	8	37	Nội vùng
	Bản Sài	5	25	Nội vùng
	Bản Dôi	16	70	Nội vùng
11	**Xã Hiền Chung**	**13**	**50**	
	Bản Pheo	7	28	Nội vùng
	Bản Chại	6	22	Nội vùng
IX	**HUYỆN THẠCH THÀNH**	**391**	**1.511**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	**Xã Thạch Lâm**	**35**	**170**	
	Thôn Biện	10	48	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Đồi	2	10	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Nghéo	5	18	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Nội Thành	10	57	Các hộ ở vị trí an toàn
	Thôn Đăng Thượng	8	37	Các hộ ở vị trí an toàn
2	**Xã Thành Yên**	**36**	**127**	
	Thôn Yên Sơn 2	9	33	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Đồng Thành	12	44	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thành Trung	4	10	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thành Tân	5	17	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Yên Sơn 1	6	23	Nhà Văn hoá thôn
3	**Xã Thạch Cẩm**	**23**	**103**	
	Thôn Cẩm Lợi 1	3	15	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thạch Yến	5	23	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Thạch Môn	13	57	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Đồng Tiến	2	8	Nhà Văn hoá thôn
4	**Xã Thạch Định**	**107**	**323**	
	Thạch An	14	45	Nhà Văn hoá thôn
	Định Cát	33	102	Nhà Văn hoá thôn
	Định Hưng	41	115	Nhà Văn hoá thôn
	Định Tân	19	61	Nhà Văn hoá thôn
5	**Xã Thành Minh**	**16**	**72**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Mục Long	5	18	Nhà Văn hoá thôn
	Thôn Luông	11	54	Nhà Văn hoá thôn
6	**Xã Thành Mỹ**	**19**	**84**	
	Thôn Vân Tiến	13	59	Đồi Chẹo, Đồi Vó
	Thôn Tây Hương	6	25	Trường THCS
7	**TT Kim Tân**	**60**	**248**	
	Thôn Lâm Thành	9	45	Nhà văn hoá thôn
	Thôn 1 Tân Sơn	31	124	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Ngọc Bồ	20	79	Đồi Lau
8	**Xã Thành Công**	**10**	**39**	
	Thôn Đồng Hội	5	19	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Bông Bụt	1	4	Nhà văn hóa thôn
	Thôn Đồng Chư	4	16	Nhà văn hóa thôn
9	**XãThạch Tượng**	**12**	**65**	
	Tượng Liên	7	37	Tượng Liên 1
	Tượng Sơn	5	28	Tượng Liên 1
10	**Thành Trực**	**73**	**280**	
	Thôn Eo Đa	2	11	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Vọng Thuỷ	8	32	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Ngọc Nước	22	75	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Định Thành	20	78	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Chính Thành	16	64	Nhà văn hoá thôn
	Thôn Xuân Thành	5	20	Nhà văn hoá thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
X	**HUYỆN MƯỜNG LÁT**	**558**	**2.863**	
1	**Xã Mường Chanh**	**31**	**137**	
	Bản Lách	24	112	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ngố	2	6	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Cang	2	7	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Piềng Tặt	3	12	Khu vực an toàn trong bản
2	**Xã Quang Chiểu**	**26**	**130**	
	Bản Pù Đứa	17	86	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pọng	6	32	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Qua	3	12	Khu vực an toàn trong bản
3	**Xã Tam Chung**	**70**	**405**	
	Bản Lát	15	60	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ón	23	164	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Suối Lóng	32	181	Khu vực an toàn trong bản
4	**Thị trấn Mường Lát**	**74**	**313**	
	Bản Tén Tằn	32	151	Xen ghép các hộ an toàn trong bản
	Bản Chiềng Cồng	7	28	Xen ghép các hộ an toàn trong bản
	Bản Na Khà	9	33	Xen ghép các hộ an toàn trong bản
	Bản Buốn	9	25	Xen ghép các hộ an toàn trong bản
	Bản Đoàn Kết	2	8	Xen ghép các hộ an toàn trong bản
	Khu I	5	20	Xen ghép các hộ an toàn trong khu
	Khu II	4	19	Xen ghép các hộ an toàn trong khu
	Khu III	2	11	Xen ghép các hộ an toàn trong khu

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Khu IV	4	18	Xen ghép các hộ an toàn trong khu
5	**Xã Pù Nhi**	**21**	**129**	
	Bản Cơm	3	15	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ca Tớp	6	44	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pù Quăn	5	34	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hạ Sơn	2	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pù Ngùa	3	18	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Na Tao	2	9	Khu vực an toàn trong bản
6	**Xã Nhi Sơn**	**26**	**123**	
	Lốc Há	1	7	Nhà Văn hóa bản
	Bản Cặt	1	4	Trường Mầm non
	Pá Hộc	10	43	Nhà Văn hóa bản
	Bản Chim	7	22	Trường THCS Nhi Sơn
	Kéo Hượn	2	5	Trường Tiểu học trong bản
	Kéo Té	5	42	Trường Tiểu học trong bản
7	**Xã Trung Lý**	**192**	**988**	
	Bản Táo	32	129	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Khằm II	8	54	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pá Quăn	3	11	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Co Cài	4	19	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Cánh Cộng	3	30	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ca Giáng	6	31	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Tung	55	299	Khu vực an toàn trong bản

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Ma Hác	37	197	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lìn	35	166	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pá Búa	9	52	Khu vực an toàn trong bản
8	**Xã Mường Lý**	**118**	**638**	
	Bản Mau	1	2	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Kít	4	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Tài Chánh	5	22	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Nàng 1	2	10	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Nàng 2	1	5	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống 2	2	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống 1	2	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xa Lung	18	97	Xen ghép tập trung
	Bản Xì Lồ	6	21	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Trung Tiến 1	7	29	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ún	26	165	Xen ghép tập trung
	Bản Trung Thắng	25	140	Xen ghép tập trung
	Bản Sài Khao	12	80	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Cha Lan	5	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Chiềng Nưa	2	9	Khu vực an toàn trong bản
XI	**HUYỆN NGỌC LẶC**	**13**	**53**	
1	**Xã Phùng Minh**	**13**	**53**	
	Làng Chu	10	41	Các hộ trong thôn
	Làng Cốc	3	12	Các hộ trong thôn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
XII	**HUYỆN QUAN SƠN**	**447**	**1.978**	
1	**Xã Trung Xuân**	**50**	**189**	
	Bản Cạn	5	19	Khu vực an toàn trong bản
	Bản La	5	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Mòn	1	2	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống	14	52	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Piềng Phố	2	7	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Phụn	14	50	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Phú Nam	9	39	Khu vực an toàn trong bản
2	**Xã Trung Hạ**	**5**	**20**	
	Bản Bá	3	11	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lang	1	3	Khu vực an toàn trong bản
	Chiềng Xầy	1	6	Khu vực an toàn trong bản
3	**Xã Trung Tiến**	**53**	**238**	
	Bản Cum	1	7	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Đe	4	22	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Chè	3	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Pọng	4	15	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Toong	7	26	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lốc	33	153	Khu vực an toàn trong bản
	Tiểu khu km 22	1	6	Khu vực an toàn trong bản
4	**Xã Trung Thượng**	**21**	**92**	
	Bản Ngàm	3	13	Khu vực an toàn trong bản

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Bách	16	70	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Máy	2	9	Khu vực an toàn trong bản
5	**Thị trấn Sơn Lư**	**21**	**108**	
	Bản Păng	4	22	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Bon	9	42	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hao	2	11	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Sỏi	6	33	Khu vực an toàn trong bản
6	**Xã Sơn Hà**	**21**	**101**	
	Bản Hạ	1	5	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xum	15	73	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Lầu	2	9	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Nà Sắng	1	5	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Làng	2	9	Khu vực an toàn trong bản
7	**Xã Tam Lư**	**51**	**223**	
	Bản Hát	11	59	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Tình	9	36	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hậu	9	33	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống	3	11	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Sại	19	84	Khu vực an toàn trong bản
8	**Xã Tam Thanh**	**45**	**227**	
	Bản Ngàm	24	119	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Na Ấu	4	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Phe	16	84	Khu vực an toàn trong bản

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Bôn	1	4	Khu vực an toàn trong bản
9	**Xã Sơn Điện**	**32**	**136**	
	Bản Tân Sơn	6	32	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Nhài	6	26	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Na Nghịu	7	24	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xuân Sơn	13	54	Khu vực an toàn trong bản
10	**Xã Mường Mìn**	**72**	**333**	
	Bản Chiềng	18	82	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Luốc Làu	24	112	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Yên	22	106	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Mìn	8	33	Khu vực an toàn trong bản
11	**Xã Sơn Thủy**	**41**	**178**	
	Bản Mùa Xuân	8	39	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Xía Nọi	5	23	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Khà	1	4	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Chanh	2	6	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Hiết	1	3	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Muống	2	7	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Cóc	9	34	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Chung Sơn	1	3	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Thủy Thành	11	57	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Thủy Sơn	1	2	Khu vực an toàn trong bản
12	**Xã Na Mèo**	**35**	**133**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Cha Khót	5	20	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Km 83	4	15	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Na Mèo	11	38	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Bo Hiềng	6	27	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Ché Lầu	2	4	Khu vực an toàn trong bản
	Bản Sộp Huối	7	29	Khu vực an toàn trong bản
XIII	**HUYỆN LANH CHÁNH**	**220**	**935**	
1	**Giao An**	**9**	**37**	
	Thôn Bắc Nặm	5	18	Xem ghép các hộ trong thôn
	Thôn Ang	3	14	Xem ghép các hộ trong thôn
	Thôn Chiềng Nang	1	5	Xem ghép các hộ trong thôn
2	**Giao Thiện**	**10**	**33**	
	Thôn Khụ 1	7	23	Xem ghép các hộ trong thôn
	Thôn Khụ 2	3	10	Xem ghép các hộ trong thôn
3	**Lâm phú**	**21**	**97**	
	Bản Cháo Pi	7	35	Trường Mầm non
	Bản Đôn	1	5	Nhà ông Inh
	Bản Ngày	3	17	Nhà ông Tập, Cường
	Bản Buốc	1	4	Trường tiểu học
	Bản Tiến	4	15	Hộ dân lân cận
	Bản Tiên	5	21	Hộ dân lân cận
4	**Tam Văn**	**38**	**172**	
	Bản Lót	2	9	Hộ dân lân cận

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Bản Căm	18	83	Hộ dân lân cận
	Bản U	5	18	Hộ dân lân cận
	Bản cú Tá	13	62	Hộ dân lân cận
5	**Tân Phúc**	**6**	**30**	
	Thôn Sơn Thủy	2	10	Nhà Văn hóa thôn Sơn Thủy
	Thôn Tân Thành	2	9	Nhà văn hóa thôn Tân Thành
	Thôn Chạc Rạnh	2	11	Nhà văn hóa thôn
6	**Trí Nang**	**41**	**180**	
	Bản Năng Cát	4	15	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Hắc	13	62	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản En	8	33	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Cảy	6	30	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Giàng Vìn	10	40	Xem ghép các hộ trong thôn
7	**Yên Khương**	**13**	**51**	
	Bản Xắng Hằng	2	7	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Chiềng Nưa	2	8	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Yên Bình	3	6	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Mè	3	13	Xem ghép các hộ trong thôn
	Bản Giàng	3	17	Xem ghép các hộ trong thôn
8	**Yên Thắng**	**3**	**15**	
	Bản Vặn	2	10	Xen ghép các hộ dân
	Bản Vần Trong	1	5	Xen ghép các hộ dân
9	**Đồng Lương**	**22**	**96**	

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thôn Xuốm Chòng	6	27	Xen ghép các hộ trong thôn
	Thôn Cui	5	19	Xen ghép các hộ trong thôn
	Thôn Chiềng Khạt	5	21	Xen ghép các hộ trong thôn
	Thôn Thung	1	5	Xen ghép các hộ trong thôn
	Thôn Quắc Quên	5	24	Xen ghép các hộ trong thôn
10	**Thị Trấn**	**57**	**224**	
	Thôn Chiếu Bang	14	53	Xen ghép các hộ dân
	Thôn Ảng	3	2	Xen ghép các hộ dân
	Thôn Tiu	4	16	Xen ghép các hộ dân
	Thôn Trùng	21	85	Xen ghép các hộ dân
	Thôn Chiềng Ban 2	9	46	Xen ghép các hộ dân
	Thôn Phống Bàn	6	22	Xen ghép các hộ dân
XIV	**HUYỆN HÀ TRUNG**	**352**	**1.244**	
1	**Yến Sơn**	**132**	**458**	
	Đông Ninh	1		01 xưởng, sơ tán đến sân vận động xã
	Phú Nham	50	195	Công sở xã (Năm 2018 đã cắt cơ)
	Đường Cát	20	60	Trường Tiểu học
	Tây Ninh	20	65	Trường Tiểu học
	Bình Lâm	27	86	Công sở, trường THCS
	Chuế Cầu	10	35	Nhà Văn hóa thôn (Năm 2018 đã cắt cơ)
	Đắc Cốc	4	17	Nhà Văn hóa thôn
2	**Hà Tân**	**113**	**370**	
	Vĩ Liệt	48	147	Sơ tán tại chỗ, xen ghép với hộ dân an toàn

TT	Tên xã, thị trấn	Số hộ	Số khẩu	Vị trí di sơ tán đến
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Nam Thôn	12	45	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
	Tân Sơn	14	52	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
	Quan Tương	39	126	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
3	**Hà Đông**	**4**	**13**	
	Kim Sơn	4	13	Công ty Mạnh Phú
4	**Hà Lai**	**12**	**46**	
	Phú Thọ	5	18	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
	Mậu Yên	7	28	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
5	**Lĩnh Toại**	**91**	**357**	
	Thanh Xá 3	21	87	Sơ tán tại chổ, xen ghép với hộ dân an toàn
	Cụ Thôn	50	160	Nhà Văn hóa thôn (Năm 2018 đã cắt cơ)
	Đại Thắng	20	110	Nhà Văn hoá thôn